

FRIEDRICH DÜRRENMATT

Phạm Hữu Nam dịch

THẨM PHÁN VÀ ĐẠO PHÚ

DER RICHER UND DER MÖRDER

1955

THẨM PHÁN VÀ ĐAO PHỦ
DER RICHTER UND SEIN HENKER
FRIEDRICH DÜRRENMATT
Phạm Hoài Nam dịch

LỜI NÓI ĐẦU

Nguyên là một tiểu thuyết feuilleton đăng tám kỳ trên tuần báo Der Schweizer Beobachter từ ngày 15-12-1950 tới ngày 31-3-1951, khi Friedrich Dürrenmatt (1921-1990) còn là một tác giả trẻ, danh tiếng cũng eo hẹp như hoàn cảnh tài chính, Thăm phán và đao phủ (Der Richter und sein Henker) đã tạo một bước ngoặt trong cuộc đời và sự nghiệp của tác gia hiện đại nay đã trở thành kinh điển của Thụy Sĩ này. Cùng với những vở kịch như Bà lớn về thăm (Der Besuch der alten Dame, 1956) và Ba nhà vật lý (Die Physiker, 1962), nó trở thành một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Dürrenmatt, được giảng dạy trong nhà trường và nhiều lần chuyển thể điện ảnh.

Mở đầu bằng một án mạng và kết thúc bằng việc vạch trần hung thủ, với những tình tiết lắt léo và sự hồi hộp căng thẳng tăng dần ở từng trang, Thăm phán và đao phủ sử dụng cấu trúc và những thủ pháp đặc trưng của truyện điều tra hình sự cổ điển để đưa thể loại vốn không được coi là nghệ thuật nghiêm túc này vào ngôi đền của văn chương. Tính cách khác thường của các nhân vật chính, bút pháp của Dürrenmatt, những suy tư triết lý cũng như cái nhìn đa diện của ông về xã hội và những câu hỏi lớn của nhân loại, đặc biệt là về công lý và phương tiện thực thi công lý, khiến Thăm phán và đao phủ cho đến nay vẫn là một dấu mốc khó vượt qua trong văn học trinh thám hình sự.

Người dịch

CHƯƠNG 1

Sáng ngày mùng ba tháng Mười một năm một ngàn chín trăm bốn mươi tám, ông Alphons Clenin, cảnh sát viên thị trấn Twann¹, thấy một chiếc Mercedes màu xanh đậu ở rìa đường, chỗ con đường từ Lamboing (một làng ở vùng núi Tessen) ló ra khỏi vạt rừng thuộc Khe Suối Twann. Trời mù sương, như nhiều ngày cuối thu năm nay, và thực ra Clenin đã qua khỏi chỗ chiếc xe đỗ, nhưng rồi ông quay lại. Vì lúc đi ngang, thoáng nhìn qua kính xe mờ, hình như ông thấy người lái xe gục xuống tay lái. Chắc anh ta say rượu; là người quy củ, nên đó là điều đầu tiên ông nghĩ đến. Vì thế ông không chủ bụng giở lý với anh chàng lái xe lạ mặt, mà muốn xử sự bằng tình. Ông đến bên chiếc xe, định đánh thức người đang ngủ dậy để chở anh ta về Twann và cho anh ta tỉnh lại bằng cà phê đen với một đĩa súp bột trong khách sạn “Gấu”, bởi say rượu mà lái xe thì bị cấm, chứ không ai cấm say rượu mà ngủ trong một chiếc xe đỗ ở ven đường. Clenin mở cửa xe và ân cần vỗ vai người lạ mặt. Nhưng ngay lúc đó ông nhận ra anh ta đã chết. Thái dương bị bắn thủng. Bây giờ ông cũng thấy cửa xe bên phải để mở. Trong xe không thấy nhiều máu và chiếc măng-tô màu xám sẫm trên mình người chết thậm chí không hề bị bắn. Mép một chiếc ví màu vàng lóe lên ở miệng túi áo. Clenin rút nó ra và không khó xác định người chết là Ulrich Schmied, trung úy cảnh sát² thành phố Bern.

Clenin không rõ phải làm gì bây giờ. Một cảnh sát viên cấp xã như ông chưa bao giờ gặp trường hợp đổ máu như thế. Ông đi đi lại lại ven đường. Ông thấy khó chịu khi mặt trời lên cao, nắng xuyên qua lớp mù và rơi vào xác chết. Ông trở lại xe, nhặt chiếc mũ dạ màu xám dưới chân người chết, úp lên đầu anh ta, ấn sụp xuống để không nhìn thấy vết thủng ở thái dương nữa, sau đó ông thấy dễ chịu hơn.

Ông lại đi sang rìa đường bên kia, phía Twann, và lau mồ hôi trán. Rồi ông quyết định. Ông đẩy người chết sang ghế phụ, đặt anh ta ngồi thật thẳng, cột chặt cái thân hình không còn sinh khí đó bằng một chiếc nịt da ông tìm được trong thùng xe, rồi tự mình ngồi vào sau tay lái.

Động cơ không nổ, nhưng Clenin dễ dàng cho xe lăn theo con đường dốc về phía Twann, tới đỗ trước khách sạn “Gấu”. Ông đỗ xăng ở đó mà

không ai ngờ cái hình dáng lịch sự và bất động kia lại là một xác chết. Clenin chỉ mong như vậy, ông ghét bê bối, và thế là ông làm thỉnh.

Nhưng lúc ông cho xe chạy dọc đường ven hồ về thành phố Biel, sương mù lại dày đặc, không thấy mặt trời đâu nữa. Buổi sáng tối sầm như Ngày Tận thế. Xe của Clenin kẹt giữa một chuỗi ô tô dài, chiếc nọ nối chiếc kia, chẳng rõ vì sao tất cả đều chạy chậm hơn tốc độ cần thiết trong màn sương mù ấy, gần như một đoàn xe tang, Clenin bất giác nghĩ thầm. Người chết ngồi bất động cạnh ông, chỉ thỉnh thoảng qua một chỗ đường xóc mới gật gật đầu như một ông già Trung Quốc hiền triết, nên Clenin càng không dám vượt những xe khác. Họ về đến Biel rất muộn.

Vụ án do cơ quan điều tra tại Biel khởi tố, còn cái phát hiện đáng buồn được bàn giao cho thanh tra³ Bärlach, cũng là cấp trên của người quá cố.

Bärlach từng sống nhiều năm ở nước ngoài, và ở Constantinople⁴ rồi sau đó ở Đức ông là một nhà điều tra hình sự có tiếng. Trước đây ông đứng đầu cơ quan cảnh sát hình sự ở Frankfurt am Main, nhưng năm ba ba⁵ đã trở về thành phố quê hương. Không hẳn vì tình yêu đối với Bern mà ông hay gọi là năm mồ vàng của mình; nguyên do của chuyển hồi hương là một cái bạt tai ông tặng cho một quan chức cao cấp của chính phủ mới tại Đức. Ở Frankfurt lúc đó người ta bàn tán nhiều về hành vi thô bạo này; và ở Bern, người ta đánh giá nó tùy tình huống chính trị châu Âu, lúc đầu nó bị coi là quá quắt, sau đó là đáng lên án nhưng cũng còn hiểu được, và cuối cùng lại thành ra thái độ duy nhất khả dĩ ở một người Thụy Sĩ; nhưng đánh giá này mãi đến năm bốn lăm⁶ mới có.

Điều đầu tiên Bärlach tiến hành trong vụ Schmied là chỉ đạo giữ kín sự việc trong những ngày đầu - một chỉ đạo mà ông phải lấy hết uy tín của mình mới đạt được. Ông bảo, “Chúng ta còn biết quá ít, mà đăng nào báo chí cũng là phát minh vô dụng nhất trong hai nghìn năm vừa qua”.

Bärlach thấy biện pháp giữ bí mật ấy xem ra có nhiều hứa hẹn, ngược với “sếp” của ông là tiến sĩ Lucius Lutz, người cũng giảng môn hình sự học ở trường đại học. Vị công chức này - gia tộc thị dân ở Bern, hưởng thừa kế từ một ông bác ở Basel - vừa trở về Bern sau một chuyến đi thăm các cơ quan cảnh sát ở New York và Chicago, và đang sốc về “tình trạng như ở thời tiền cổ của thủ đô Thụy Sĩ trong việc phòng chống tội phạm”, như ông

thằng thần phát biểu với Giám đốc Cảnh sát Freiburger, nhân một chuyến cả hai cùng về nhà bằng tàu điện.

Ngay sáng hôm đó, sau khi trao đổi thêm lần nữa với Biel qua điện thoại, Bärlach đến chỗ ở của Schmied tại nhà của gia đình Schönler ở phố Bantiger. Ông đi bộ xuống khu phố cổ và qua cầu Nydegg như thường lệ, vì theo ông, Bern là một thành phố quá nhỏ để dùng “tàu điện tàu điếc”.

Ông lên đoạn bậc thang ở đường Haspel hơi vất vả, vì ông đã ngoài sáu mươi và nhận ra điều đó trong những lúc như thế; nhưng chẳng mấy chốc ông đã tới cửa ngôi nhà của gia đình Schönler và bấm chuông.

Bà Schönler, một người phụ nữ thấp, béo nhưng không kém thanh lịch, đích thân mở cửa và mời ông vào nhà, vì bà biết ông.

“Đêm hôm qua Schmied phải đi công tác xa”, Bärlach nói, “cậu ấy đi rất đột xuất, và nhờ tôi gửi sau cho mấy thứ. Xin bà dẫn tôi vào phòng cậu ấy, bà Schönler.”

Bà gật đầu, và họ đi dọc hành lang, ngang qua một bức tranh lớn lồng khung nặng nạm vàng. Bärlach nhìn lên, đó là bức “Tử đạo”⁷.

“Thế anh Schmied đi đâu?”, người đàn bà thấp béo hỏi trong lúc mở cửa phòng.

“Đi nước ngoài”, Bärlach đáp và ngược mắt nhìn trần nhà.

Căn phòng ở tầng trệt, và qua cửa vườn nhìn sang một khuôn viên nhỏ, với những cây thông nâu, già, có lẽ bị sâu bệnh, vì lá thông nhọn phủ kín mặt đất.

Bärlach bước tới bàn làm việc và lại nhìn quanh. Một chiếc cà vạt của người đã chết để trên đi-văng.

“Chắc anh Schmied đi vùng nhiệt đới, ông Bärlach nhỉ?”, bà Schönler tò mò hỏi. Bärlach hơi hoảng:

“Không, không phải vùng nhiệt đới, cậu ấy đến vùng cao thì đúng hơn.”

Bà Schönler tròn xoe mắt và giơ hai tay lên ôm đầu: “Lạy Chúa, Himalaya ư?”

“Đại loại như vậy”, Bärlach đáp, “bà đoán gần đúng đấy”. Ông mở một cặp tài liệu nằm trên bàn và kẹp ngay vào dưới nách.

“Ông đã tìm thấy thứ định gửi cho anh Schmied rồi chứ?”

“Vâng, thấy rồi.”

Ông lại đưa mắt nhìn quanh một lượt, nhưng tránh chiếc cà vạt.

"Anh Schmied là người thuê nhà tuyệt vời nhất mà chúng tôi từng gặp, và chẳng bao giờ có chuyện gì với đàn bà hay đại khái thế", bà Schönler khẳng định.

Bärlach bước ra cửa: "Thỉnh thoảng tôi sẽ phái một nhân viên đến, hoặc tôi sẽ đích thân đến. Schmied còn để những tài liệu quan trọng ở đây, có thể chúng tôi sẽ cần."

"Chắc tôi sẽ nhận được bưu thiếp của anh Schmied từ nước ngoài gửi về nhỉ?", bà Schönler hỏi thêm. "Con trai tôi sưu tầm tem."

Nhưng Bärlach nhú mày, tư lự nhìn bà Schönler và lấy làm tiếc: "Có lẽ không đâu bà ạ, đi công tác kiểu ấy thường không ai gửi bưu thiếp. Cấm đấy."

Bà Schönler lại giơ hai tay lên ôm đầu, vẻ tuyệt vọng: "Có cái gì mà cảnh sát tha không cấm!"

Ra khỏi nhà, Bärlach thấy nhẹ cả người.

CHƯƠNG 2

Đắm mình trong suy nghĩ, Bärlach không ăn trưa ở tiệm “Schmiedstube” như thường lệ, mà ở “Du Théâtre”, vừa ăn vừa chăm chú giờ xem tập tài liệu lấy từ phòng Schmied, rồi đi dạo một chút qua công viên Cung Liên bang và về văn phòng lúc hai giờ chiều. Tại đây, ông được báo là xác Schmied đã được chuyển từ Biel tới. Nhưng ông không đến viếng người nhân viên cũ, vì ông chẳng thích gì các tử thi và thường để người đã chết được yên. Tuy cũng không hề muốn đến chỗ Lutz, nhưng ông buộc phải đến.

Ông cất cặp tài liệu của Schmied vào ngăn bàn làm việc, khóa cẩn thận mà không giờ xem lần nữa, rồi châm một điếu xì gà và sang phòng Lutz, thừa biết rằng lần nào Lutz cũng bực mình vì ông tự cho mình cái quyền tự do hút xì gà. Chỉ một lần duy nhất nhiều năm trước Lutz đánh bạo có ý kiến, nhưng Bärlach phẩy tay coi thường, đáp rằng ông từng công cán mười năm tại Thổ Nhĩ Kỳ và thường xuyên hút thuốc trong phòng các thủ trưởng của mình ở Constantinople; không ai xác minh được điều đó, nên nó càng có trọng lượng.

Tiến sĩ Lucius Lutz căng thẳng tiếp Bärlach vì chưa thấy việc gì được tiến hành, và chỉ chiếc ghế tựa êm cạnh bàn làm việc, mời Bärlach ngồi.

“Chưa có tin gì từ Biel à?”, Bärlach hỏi.

“Chưa”, Lutz đáp.

“Lạ thật”, Bärlach nói, “bọn họ làm việc ghê lắm cơ mà.”

Bärlach ngồi xuống và nhìn lướt những bức tranh của Traffelet⁸ trên tường, chì màu, cảnh quân lính điều hành từ trái sang phải hoặc từ phải sang trái dưới một lá cờ to bay phấp phới, lúc thì có tướng, lúc không.

Lutz mở đầu: “Một lần nữa, mỗi lần một thêm đáng sợ, ta lại thấy công tác hình sự ở đất nước này còn ấu trĩ tới mức nào. Có trời chứng giám, tôi đã quen với nhiều chuyện ở bang này, nhưng biện pháp mà ở đây người ta có vẻ coi là hoàn toàn dĩ nhiên, áp dụng cho trường hợp một trung úy cảnh sát bị thiệt mạng, đã rọi một ánh sáng khủng khiếp vào trình độ nghiệp vụ của cảnh sát cấp xã của chúng ta, bây giờ tôi vẫn còn chưa hết phần nộ.”

“Ông bình tĩnh lại đi, tiến sĩ Lutz”, Bärlach đáp, “cảnh sát cấp xã của chúng ta chắc cũng đảm đương nhiệm vụ của mình như cảnh sát ở Chicago

thôi, rồi chúng ra sẽ tìm ra kẻ giết Schmied."

"Ông có nghi cho ai không, thanh tra Bärlach?"

Bärlach nhìn Lutz một lúc lâu, cuối cùng mới lên tiếng: "Có, tôi có nghi một người, thừa ông tiến sĩ Lutz."

"Ai vậy?"

"Tôi chưa nói ra được."

"Ồ, hay nhỉ", Lutz nói, "thanh tra Bärlach, tôi biết ông luôn sẵn sàng biện bạch cho một thao tác sai lầm, đi ngược những nhận thức lớn của ngành hình sự khoa học hiện đại. Nhưng xin ông đừng quên rằng thời gian vẫn đi tiếp, và nó không dừng lại ngay cả trước nhà điều tra danh tiếng nhất. Ở New York và Chicago tôi đã chứng kiến những tội phạm mà ở thành phố Bern yêu dấu của chúng ta đây, chắc ông không hình dung được đâu. Nhưng bây giờ, một trung úy cảnh sát vừa bị giết, đó là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy ở đây, ngay trong tòa nhà của nền an ninh công cộng này cũng bắt đầu có sự cố rồi, và thế có nghĩa là phải ra tay hành động triệt để."

"Nhất định rồi, tôi cũng đang làm mà", Bärlach trả lời.

"Thế thì được", Lutz đáp và ho.

Trên tường, một chiếc đồng hồ tích tắc.

Bärlach thận trọng đặt tay trái lên bụng, chỗ dạ dày, tay phải dụi điều xì gà trong chiếc gạt tàn mà Lutz đặt trước mặt ông. Ông bảo, lâu nay ông không được khỏe, ít nhất thì bác sĩ của ông cũng ngán ngẫm ra mặt. Ông hay bị đau dạ dày, nên đề nghị tiến sĩ Lutz cấp cho ông thêm một người thừa hành trong vụ án mạng Schmied, người đó sẽ triển khai công việc về cơ bản, Bärlach muốn chỉ đạo vụ án từ bàn giấy mà thôi.

Lutz đồng ý. "Ông đã nghĩ xem nên chọn ai chưa?", ông ta hỏi.

"Tschanz", Bärlach trả lời, "cậu ấy còn đang đi nghỉ ở vùng núi, nhưng gọi về là được thôi."

Lutz đáp: "Tôi đồng ý chọn cậu này. Tschanz là người luôn cố gắng bám sát nghiệp vụ hình sự."

Rồi ông xoay lưng về phía Bärlach và từ cửa sổ nhìn xuống Quảng trường Viện Cô nhi đầy trẻ⁹.

Chợt ông thấy cao hứng muốn tranh luận với Bärlach về giá trị của ngành hình sự khoa học hiện đại. Ông quay lại, nhưng Bärlach đã ra khỏi phòng.

Tuy đã gần năm giờ, nhưng Bärlach vẫn quyết định tới hiện trường ở Twann ngay chiều hôm đó. Ông cho Blatter đi theo và làm nhiệm vụ lái xe. Blatter là một nhân viên cảnh sát to cao phốp pháp, không bao giờ mở miệng, và chính vì thế mà được ông ưa. Clenin đón họ ở Twann, ngang ra mặt vì tưởng sẽ bị khiển trách. Nhưng ông thanh tra lại thân mật, bắt tay Clenin và bảo rất vui được làm quen với một người có khả năng suy nghĩ độc lập. Câu đó làm Clenin kiêu hãnh, mặc dù không hiểu rõ Ông Già¹⁰ nói thế ngụ ý gì.

Ông dẫn Bärlach theo con đường ngược lên phía núi Tessen đến hiện trường, Blatter lê bước đi sau, bực bội vì phải cuốc bộ.

Bärlach ngạc nhiên khi nghe cái tên Lamboing. “Tên tiếng Đức là Lamlingen”¹¹, Clenin giải thích.

“Ra thế”, Bärlach đáp, “thế hay hơn.”

Họ tới hiện trường. Phía đường bên phải nằm về hướng Twann và có một bức tường chắn.

“Clenin, chiếc xe đậu ở đâu?”

“Ở chỗ này”, viên cảnh sát trả lời và chỉ tay xuống đường, “gần giữa đường”, và thấy Bärlach không buồn nhìn theo, ông phân vân: “Có lẽ tôi cứ để nó với cái xác chết ở đây thì hơn.”

“Sao lại thế?”, Bärlach hỏi và ngược nhìn những vách đá trên dãy Jura. “Nên đưa người chết đi càng sớm càng tốt, họ có việc gì mà phải ở với chúng ta nữa đâu. Anh chờ Schmied về Biel là rất đúng.”

Bärlach bước tới rìa đường và nhìn xuống thị trấn Twann. Giữa chỗ ông đứng và cụm cư trú cổ xưa ấy chỉ toàn đồi nho. Mặt trời đã lặn. Con đường ngoằn giữa các ngôi nhà như một con rắn, một đoàn tàu dài chờ hàng đậu ở nhà ga.

“Clenin, dưới đó người ta không nghe thấy gì à?”, Bärlach hỏi. “Cái thị trấn này ở ngay sát đây, phải nghe rõ từng tiếng súng chứ?”

“Chẳng nghe thấy gì, chỉ có tiếng động cơ nổ suốt đêm, nhưng không ai nghĩ có chuyện chẳng lành.”

“Dĩ nhiên, nghĩ thế nào được”. Ông lại nhìn xuống đồi nho. “Clenin, nho năm nay thế nào?”

“Nho tốt. Chốc nữa mình có thể uống thử.”

“Phải đấy, tôi đang thèm một ly vang non”. Và chân phải ông đạp vào một vật rắn. Ông cúi xuống nhặt và chìa ra một mẫu kim loại nhỏ, dài, đầu

hơi tòe giữa những ngón tay gầy guộc. Clenin và Blatter tò mò nhìn.

“Một viên đạn súng ngắn”, Blatter nói.

“Ông lại tài thật đấy, ông thanh tra!”, Clenin ngạc nhiên.

“Ngẫu nhiên thôi”, Bärlach trả lời, và họ đi xuống thị trấn Twann.

CHƯƠNG 3

Van ang non năm nay ở Twann có vẻ không hợp với Bärlach, vì sáng hôm sau ông cho biết bị nôn cả đêm. Gặp ông ở cầu thang, Lutz thật tình lo cho sức khỏe của Bärlach và khuyên ông nên đến bác sĩ.

“Rồi, rồi”, Bärlach lau bầu và bảo, mình còn khó ư các bác sĩ hơn ngành hình sự khoa học hiện đại.

Tại phòng làm việc, ông thấy trong người dễ chịu hơn. Ông ngồi vào bàn và rút cặp tài liệu của người quá cố khóa trong ngăn kéo ra.

Khi Tschanz đến, lúc mười giờ, ông vẫn còn vui đầu vào tập hồ sơ, đêm khuya hôm qua Tschanz đã từ nơi nghỉ phép trở về.

Bärlach sững người, vì thoát tiên ông tưởng trung úy Schmied đã chết đang đến gặp mình. Tschanz mặc chiếc măng-tô giống hệt như của Schmied, và đội một cái mũ dạ kiểu tương tự. Chỉ gương mặt là khác; gương mặt kia đầy đặn, đôn hậu.

“Tốt quá, anh về đây rồi, Tschanz”, Bärlach nói.

“Chúng ta cần bàn thêm về vụ Schmied. Vụ này chủ yếu là anh sẽ phải đảm nhiệm, tôi không được khỏe.”

“Vâng”, Tschanz đáp, “tôi đã được biết.”

Tschanz kéo một chiếc ghế lại gần bàn Bärlach rồi ngồi xuống, tay trái đặt lên mặt bàn. Trên bàn, cặp tài liệu của Schmied vẫn để mở.

Bärlach ngả người vào lưng ghế. “Với anh thì tôi có thể nói điều này”, ông mở đầu, “tôi biết hàng nghìn nhân viên cảnh sát từ Constantinople đến Bern, hay cũng có mà dờ cũng có. Nhiều người trong số đó chẳng hơn gì bọn đầu đường xó chợ tội nghiệp bị chúng ta tống đầy các kiểu nhà tù, chỉ có điều họ ngẫu nhiên đứng ở phía bên này của luật pháp. Nhưng tôi không cho phép ai chê trách điều gì ở Schmied, cậu ấy là người có năng lực nhất. Cậu ấy xứng đáng vượt qua tất cả chúng ta. Đầu óc tỉnh táo, biết rõ mình muốn gì và giữ kín những điều mình biết, để chỉ khi nào cần thiết mới lên tiếng. Ta phải lấy đó làm gương noi theo, Tschanz, Schmied hơn hẳn chúng ta.”

Tschanz từ từ quay đầu về phía Bärlach, vì khi này anh nhìn ra cửa sổ, và đáp: “Vâng, có thể”.

Bärlach nhận ra rằng mình đã không thuyết phục được Tschanz.

“Chúng ta gần như không biết gì về cái chết của cậu ấy”, ông thanh tra nói tiếp, “chỉ có viên đạn này”, và ông đặt viên đạn tìm thấy ở Twann lên bàn.

Tschanz cầm nó lên quan sát.

“Đây là đạn súng ngắn bên quân đội”, anh nói và trả viên đạn cho Bärlach.

Bärlach gấp cặp tài liệu trên bàn lại. “Trước tiên, ta không biết Schmied có việc gì mà lại đến Twann hay Lamlingen. Cậu ấy không đi công tác tại vùng hồ Biel, nếu có thì tôi đã biết. Không có một động cơ nào, dù chỉ chút ít, để cắt nghĩa chuyến đi của cậu ấy đến đó.”

Tschanz chỉ nghe Bärlach nói bằng nửa tai. Anh ngồi bắt chân và buông ra nhận xét: “Ta chỉ biết Schmied bị giết như thế nào”.

“Ồ, sao anh biết được nhỉ?”. Ông thanh tra không khỏi ngạc nhiên, lên tiếng sau một lát im lặng.

“Tay lái trong xe Schmied ở phía trái, và ông đã tìm thấy viên đạn này ở rìa đường bên trái, tính từ xe ra; rồi ở Twann, người ta nghe tiếng động cơ nổ suốt đêm. Như vậy, Schmied bị hung thủ chặn lại, khi anh ấy lái xe từ Lamboing xuống Twann. Có lẽ anh ấy quen hãm, nếu không anh ấy đã chẳng dừng xe. Schmied mở cửa xe bên phải cho hãm vào, còn mình lại ngồi vào chỗ tay lái. Anh ấy bị bắn chính trong khoảnh khắc đó. Chắc Schmied không hề ngờ đến ý đồ của kẻ giết anh ấy.”

Bärlach ngẫm nghĩ một lát, rồi bảo: “Bây giờ tôi phải làm một điều đã”, và trong lúc châm xì gà, ông nói tiếp. “Tschanz, anh có lý, sự việc giữa Schmied và kẻ giết cậu ấy có lẽ đã xảy ra đại loại như vậy, tôi tin là anh đúng. Nhưng như thế vẫn không giải thích được Schmied có việc gì phải làm trên đoạn đường từ Twann đi Lamlingen.”

Tschanz gọi ý, Schmied mặc một bộ com-lê lịch sự dưới áo măng-tô.

“Cái đó tôi đâu biết”, Bärlach nói.

“Thế ông không đến xem xét xác anh ấy à?”

“Không, xác người thì có gì mà thích thú.”

“Nhưng trong biên bản có ghi.”

“Biên bản tôi lại càng không thích.”

Tschanz im lặng.

Nhưng Bärlach suy luận: “Chuyện đó chỉ khiến vụ án này thêm phức tạp. Schmied mặc bộ com-lê lịch sự ấy ở khu vực Khe Suối Twann làm gì nhỉ?”

Có lẽ chuyện đó lại làm vụ án này đơn giản đi nhiều, Tschanz đáp, trong vùng Lamboing chắc chắn không nhiều người có khả năng tổ chức những buổi tiệc mà khách tham dự phải mặc đồ lớn.

Anh rút ra một quyển lịch nhỏ, kiểu bỏ túi, và bảo đó là lịch của Schmied.

“Tôi biết rồi”, Bärlach gật đầu, “chẳng có gì quan trọng trong đó.”

Tschanz phản đối: “Schmied đã đánh dấu một chữ G vào thứ Tư, mừng hai tháng Mười một. Theo thẩm định của bác sĩ pháp y, hôm đó anh ấy bị giết vào lúc trước nửa đêm một chút. Một chữ G nữa vào thứ Tư, ngày hai mươi sáu, rồi vào thứ Ba, mười tám tháng Mười”.

“G có thể là đủ thứ”, Bärlach nói, “một cái tên phụ nữ, hay thiếu gì cái khác.”

“Tên phụ nữ thì chắc là không. Người yêu Schmied tên Anna, và anh ấy là người đứng đắn.”

“Tôi cũng chẳng biết gì về cô ấy”, Bärlach thừa nhận, và thấy Tschanz ngạc nhiên vì mình không nắm được thông tin, ông bảo: “Tschanz, tôi chỉ cần biết ai là kẻ giết Schmied thôi.”

Anh này lịch sự đáp: “Tất nhiên”, rồi lắc đầu cười: “Thanh tra Bärlach, ông thật đúng là kiểu người...”

Bärlach rất nghiêm nghị trả lời: “Tôi là một con mèo già, to, đen, thích ăn thịt chuột.”

Tschanz không biết nên đáp lại ra sao, cuối cùng anh giảng giải: “Tất cả những ngày được đánh dấu chữ G này, Schmied đều mặc bộ đồ ấy và đi bằng chiếc Mercedes của anh ấy.”

"Ai cho anh biết thế?"

"Bà Schönler."

“Ra thế”, Bärlach đáp, rồi im lặng. Nhưng lát sau lại bảo: “Đúng, đó là những chứng cứ.”

Tschanz chăm chú nhìn vào mặt ông thanh tra, châm một điếu thuốc rồi ngập ngừng nói: “Tiến sĩ Lutz bảo tôi là ông đang nghi một người nào đó.”

“Đúng thế, Tschanz.”

"Thanh tra Bärlach, bây giờ tôi đã thành người thừa hành của ông trong vụ án Schmied, vậy nếu ông cho tôi biết ông đang nghi ai thì có lẽ tốt hơn chẳng?"

“Anh hiểu không”, Bärlach chậm rãi trả lời, cũng thận trọng cân nhắc từng chữ như Tschanz, “nghi ngờ của tôi không mang tính hình sự khoa

học. Tôi không có cơ sở nào để biện hộ cho nó. Anh thấy đấy, tôi biết còn rất ít. Thực ra tôi chỉ có một ý tưởng rằng ai có khả năng là kẻ giết người; nhưng chính hắn còn phải cung cấp những chứng cứ chứng tỏ hắn là kẻ đó.”

“Ông nói sao? Tôi chưa hiểu”, Tschanz hỏi.

Bärlach mỉm cười: “À, tôi phải chờ tới lúc các chứng cứ gián tiếp xuất đầu lộ diện để có cơ sở bắt hắn.”

“Nếu cùng làm việc với ông thì tôi cần biết nên nhắm vào ai mà điều tra chứ”, Tschanz nhã nhặn giải thích.

“Trước hết, chúng ta cần khách quan. Cả tôi, người đang nuôi một nghi vấn, và cả anh, người điều tra vụ án về cơ bản, đều phải khách quan. Nghi ngờ của tôi liệu có được chứng tỏ hay không, tôi không biết. Tôi chờ kết quả điều tra của anh. Anh phải xác định kẻ giết Schmied, không phụ thuộc vào việc tôi đang nghi một người nào đó. Nếu kẻ mà tôi nghi quả thực là tên sát nhân thì tự anh sẽ tìm ra hắn, tất nhiên, khác với tôi, anh sẽ khám phá bằng phương pháp khoa học không ai bắt bẻ vào đâu được; còn nếu hắn không phải là kẻ đó, anh sẽ tìm thấy kẻ giết người đích thực, và sẽ chẳng cần biết tên người bị tôi nghi nữa.”

Họ im lặng một lát, rồi Ông Già hỏi: “Anh có đồng ý với cách làm việc như vậy của chúng ta không?”

Tschanz lưỡng lự một giây trước khi trả lời: “Được, tôi đồng ý.”

“Tschanz, bây giờ anh định làm gì?”

Tschanz bước đến bên cửa sổ: “Schmied đã đánh dấu một chữ G vào ngày hôm nay. Tôi muốn đến Lamboing xem có thể tìm thấy gì không. Tôi sẽ đi vào lúc bảy giờ tối, đúng như Schmied, mỗi khi anh ấy đến vùng núi Tessen.”

Anh quay lại, giọng lịch sự, nhưng như hỏi đùa: “Ông có đi cùng không, ông thanh tra?”

“Có, Tschanz, tôi sẽ đi cùng”, ông bất ngờ trả lời.

“Vâng, tốt thôi”, Tschanz hơi lúng túng vì không dự kiến điều đó, “đúng bảy giờ tối.”

Ra đến cửa, anh còn quay lại hỏi: “Thanh tra Bärlach, ông cũng qua chỗ bà Schönler rồi. Ông không tìm được gì ở đó hay sao?” Ông Già không trả lời ngay, mà cất cặp tài liệu vào ngăn bàn, khóa lại, cầm chìa khóa rồi mới bảo:

“Không, Tschanz, tôi chẳng tìm thấy gì. Bây giờ anh đi được rồi.”

CHƯƠNG 4

Bảy giờ đúng, Tschanz lái xe đến khu Altenberg, nơi Bärlach sống trong một ngôi nhà bên bờ sông Aare từ năm ba ba. Trời mưa, và chiếc xe cảnh sát đang lao nhanh bị trượt ở quãng đường vòng gần cầu Nydegg. Nhưng Tschanz kịp lấy lại tay lái. Tới đường Altenberg, Tschanz lái chậm, vì anh chưa đến nhà Bärlach bao giờ, anh nhòm qua kính xe ướt đầm tìm số nhà của ông, và cố gắng lắm mới nhận ra. Nhưng trong nhà không ai đáp lại tiếng bấm còi liên tục của anh. Tschanz ra khỏi xe, băng qua mưa đến trước cửa nhà. Anh phân vân một chút rồi ấn tay nắm, vì không thể nào tìm thấy chuông điện trong bóng tối.

Cửa không khóa, và Tschanz bước vào hành lang. Anh thấy một cánh cửa khép hờ trước mặt, một vệt sáng hắt ra. Anh bước tới, gõ cửa, nhưng không ai trả lời, anh bèn mở cửa, thấy một gian phòng. Ven tường là sách, và Bärlach nằm trên đi-văng. Ông thanh tra ngủ, nhưng có vẻ đã chuẩn bị cho chuyến đi đến hồ Biel, vì ông đã mặc sẵn áo khoác mùa đông. Tay ông cầm một quyển sách, Tschanz nghe tiếng ông thở đều đều và thấy bối rối. Giấc ngủ của Ông Già và quá nhiều sách khiến anh thấy rờn rợn. Anh thận trọng nhìn quanh.

Căn phòng không có cửa sổ, nhưng mỗi mặt tường đều có một cánh cửa, chắc dẫn sang các phòng khác. Chính giữa phòng là một chiếc bàn làm việc. Nhìn lên mặt bàn, Tschanz giật mình hoảng sợ, một con rắn to bằng đồng nằm trên đó.

“Cái ấy tôi mang từ Constantinople về đây”, một giọng điềm tĩnh từ chiếc đi-văng vọng tới, và Bärlach ngồi dậy. “Tschanz, anh thấy đấy, tôi đã mặc sẵn áo khoác. Ta đi nào.”

“Xin ông thứ lỗi”, Tschanz nói, vẫn trong trạng thái bị bất ngờ. “Ông ngủ nên không nghe tiếng tôi đến. Tôi không thấy chuông điện ở cửa ngoài.”

“Tôi không có chuông. Không cần chuông làm gì, cửa ngoài chẳng bao giờ khóa cả.”

“Lúc ông đi vắng cũng thế à?”

“Phải, lúc tôi đi vắng cũng thế. Cho nên mỗi lần về nhà là đều được hỏi hộp xem có mất gì không.”

Tschanz cười và cầm con rắn từ Constantinople lên.

“Một lần tôi suýt bị giết bằng cái đó đấy”, ông thanh tra nói, giọng hơi giễu cợt, và lúc này Tschanz mới nhận ra là có thể sử dụng đầu con vật này như một cái chuôi, và bụng nó sắc như một lưỡi dao. Anh bối rối ngắm những hoa văn lạ lùng ánh lên trên cái vũ khí khủng khiếp đó. Bärlach tới đứng cạnh anh.

“Hãy khôn ngoan như loài rắn”, ông nói và tư lự quan sát Tschanz hồi lâu. Rồi mỉm cười, “và dịu dàng như loài bồ câu”, và vỗ nhẹ vào vai Tschanz: “Tôi vừa ngủ một giấc. Máy ngày nay, giờ mới chớp mắt được một chút. Cái dạ dày chết tiệt.”

“Tệ thế cơ ả?”, Tschanz hỏi.

“Ừ, tệ thế đấy”, ông thanh tra lạnh lùng đáp.

“Ông nên ở nhà, ông Bärlach ả, trời lạnh lắm, lại mưa nữa.”

Bärlach lại quan sát Tschanz và cười: “Ô hay, việc bây giờ là tìm cho ra kẻ giết người. VẬY mà anh lại có vẻ muốn tôi ở nhà.”

Khi họ đã ngồi trong xe và qua cầu Nydeggen, Bärlach hỏi: “Tschanz, sao anh không đi đường Aargauerstalden đến Zollikofen, đường ấy gần hơn đường xuyên qua thành phố?”

“Vì tôi không muốn qua Zollikofen và Biel để xuống Twann, tôi thích chạy đường Kerzers-Erlach hơn.”

“Tschanz, anh chọn đường thật không bình thường.”

“Thưa ông thanh tra, tôi chọn đường chẳng có gì không bình thường.”

Họ lại im lặng. Đèn thành phố lướt qua họ. Nhưng khi tới Bethlehem, Tschanz hỏi:

“Ông đã lần nào cùng đi với Schmied chưa?”

“Rồi, nhiều lần. Cậu ấy lái xe rất cẩn thận”, và Bärlach tư lự nhìn kim đo tốc độ đang chỉ gần một trăm mười.

Tschanz giảm bớt tốc độ. “Một lần tôi đi cùng Schmied, lái chậm như rùa, tôi còn nhớ anh ấy đặt cho chiếc xe một cái tên kỳ dị. Anh ấy gọi tên xe lúc xuống dốc xăng. Ông còn nhớ cái tên đó không? Tôi quên mất rồi”.

“Cậu ấy đặt tên xe là Charon Xanh”, Bärlach trả lời.

“Charon là tên một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp phải không ả?”

“Tschanz, Charon là lão lái đò đưa người chết xuống âm phủ.”

“Bố mẹ Schmied giàu, anh ấy được học trường chuyên lớp chọn¹². Cái đó bọn chúng tôi không có điều kiện. Thế nên anh ấy mới biết Charon là ai, còn bọn chúng tôi thì chịu.”

Bärlach thọc tay vào túi măng-tô và lại liếc kim chỉ tốc độ. “Đúng thế, Tschanz”, ông bảo, “Schmied có học, biết cả tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh. Với học vấn ấy, cậu ấy rất có tương lai, nhưng dù thế thì ta cũng không nên đi quá tốc độ một trăm”.

Sau Gümmenen một đoạn ngắn, xe dừng đột ngột ở một trạm xăng. Một người đàn ông tiến đến và định phục vụ.

“Cảnh sát đây”, Tschanz nói, “chúng tôi có việc cần hỏi.”

Họ lơ mơ thấy một gương mặt tò mò và hơi sợ sệt cúi nhìn vào xe.

“Cách đây hai ngày, có ai lái xe qua đây và gọi tên xe mình là Charon Xanh không?”

Người kia ngạc nhiên lắc đầu, và Tschanz lái xe đi tiếp. “Chúng ta sẽ hỏi ở trạm tới”.

Ở trạm xăng tại Kerzers cũng không ai biết.

Bärlach lẩm bẩm: “Cái trò anh đang làm chẳng có nghĩa lý gì cả.”

Gần tới Erlach, Tschanz gặp may. Người ta cho biết tối thứ Tư vừa rồi có một người như thế qua đây.

“Ông thấy không”, Tschanz lên tiếng lúc rẽ vào đường Neuenburg-Biel ở gần Landeron, “bây giờ chúng ta biết là tối thứ Tư vừa rồi, Schmied đã chạy đường Kerzers-Ins.”

“Anh có chắc không?”, ông thanh tra hỏi.

“Tôi vừa cung cấp cho ông một bằng chứng hoàn hảo.”

“Ừ, bằng chứng đó hoàn hảo thật, nhưng nó giúp gì cho anh, Tschanz?”

“Đơn giản thế thôi. Biết gì, tốt nấy”, anh đáp.

“Cái đó thì tất nhiên anh lại đúng rồi”, Ông Già nói và nhìn ra hồ Biel. Trời đã tạnh mưa. Qua khỏi Neuveville, mặt hồ hiện lên dưới những mảng sương mù. Họ vào Ligerz. Tschanz lái chậm và tìm đường rẽ về Lamboing.

Rồi chiếc xe leo lên các đồi nho. Bärlach hạ kính, nhìn xuống mặt hồ bên dưới. Vài ngôi sao lấp lánh phía trên đảo Peter. Ánh sáng phản chiếu trên mặt nước, một chiếc thuyền máy lao trên hồ. Về mùa này, thế là hơi muộn, Bärlach nghĩ thầm. Thị trấn Twann nằm ở thung lũng trước mặt, sau lưng họ là Ligerz.

Họ qua một đoạn đường vòng rồi cho xe chạy về hướng cánh rừng đang mờ mờ hiện ra trong bóng đêm phía trước. Tschanz có vẻ phân vân và cho rằng có lẽ con đường này chỉ dẫn đến Schernelz. Gặp một người đàn ông đi ngược đường, anh dừng xe, hỏi: “Đi đường này có đến được Lamboing không bác?”.

“Cứ đi tiếp, đến chỗ dãy nhà màu trắng ở rìa rừng thì rẽ tay phải, rồi vào rừng”, người đàn ông trả lời.

Ông ta mặc một chiếc áo da và huýt sáo gọi con chó nhỏ mình trắng đầu đen đang nhảy nhót trong ánh đèn pha. “Lại đây, Ping-Ping!”.

Họ rời khu đồi nho và lát sau đã ở trong rừng.

Những cây thông loang loáng lướt qua như những hàng cột vô tận trong ánh đèn xe. Đường xấu và hẹp, thỉnh thoảng một nhánh cây quật vào kính xe. Bên phải họ là dốc đứng, thẳng hút xuống dưới. Tschanz lái chậm đến mức họ nghe rõ tiếng nước róc rách bên dưới.

“Đây là Khe Suối Twann”, Tschanz bảo, “còn bên kia là con đường từ Twann tới.”

Bên trái, núi đá vươn mình trong đêm và ánh lên màu trắng. Ngoài ra, tất cả đều tối sẫm, vì mới đang kỳ trăng non. Con đường không dốc lên nữa, và bây giờ suối róc rách ngay sát bên cạnh. Họ rẽ trái, qua một chiếc cầu. Trước mặt họ là một con đường. Đường từ Twann đi Lamboing. Tschanz dùng xe.

Anh tắt đèn pha và họ hoàn toàn chìm vào bóng đêm.

“Bây giờ thế nào?”, Bärlach hỏi.

“Ta đợi ở đây. Mới tám giờ kém hai mươi.”

CHƯƠNG 5

Họ đợi đến tám giờ mà không thấy gì xảy ra. Bärlach bảo, đã đến lúc Tschanz cần cho biết anh định làm gì.

“Tôi không có dự định gì cụ thể, thưa ông thanh tra. Tôi chưa đi xa đến thế trong vụ Schmied, mà ông cũng còn lần mò trong bóng tối, dù ông đã có một nghi vấn. Bây giờ tôi đặt toàn bộ hy vọng vào khả năng là tối nay sẽ có một buổi tiệc như bữa Schmied tham dự hôm thứ Tư, chắc sẽ có vài người đi xe đến, vì thời buổi này mà tiệc phải mặc đồ lớn thì quy mô chắc cũng khá. Tất nhiên chỉ là một phỏng đoán, thanh tra Bärlach, nhưng trong nghề của chúng ta thì phỏng đoán đơn giản là để chúng ta bám vào mà lần theo.”

Nhưng công việc điều tra của cảnh sát các khu vực Biel, Neuenstadt, Twann và Lamboing về sự xuất hiện của Schmied ở vùng núi Tessen không mang lại kết quả gì, ông thanh tra hoài nghi đập lại những lập luận của người nhân viên dưới quyền.

Thì Schmied là nạn nhân của một kẻ giết người khôn ngoan hơn cảnh sát các khu vực cả Biel và Neuenstadt cộng lại, Tschanz đáp.

"Sao anh biết?", Bärlach lầu bàu.

“Tôi chẳng nghi cho ai”, Tschanz nói, “nhưng tôi kính nể kẻ đã giết Schmied, nếu sự kính nể ở đây là đúng chỗ.”

Bärlach ngồi bất động lắng nghe, vai hơi nhô lên.

“Và anh định tóm cái con người mà anh kính nể ấy ư?”.

“Tôi hy vọng thế, thưa ông thanh tra.”

Họ lại im lặng chờ; chợt khu rừng từ phía Twann sáng lên. Họ tắm trong một luồng đèn pha sáng chói.

Một chiếc xe limousine vụt qua chỗ họ, nhằm hướng Lamboing và biến mất trong đêm.

Tschanz nổ máy. Thêm hai chiếc xe to, sẫm màu, chật ních người, chạy tới. Tschanz lái theo.

Đã hết rừng. Họ chạy qua một nhà hàng có tấm biển nằm trong luồng ánh sáng từ một khung cửa ngỏ hắt ra, qua những ngôi nhà của nông dân, bám theo ánh đèn hiệu của chiếc xe cuối cùng phía trước.

Họ đã tới thung lũng rộng rãi của vùng núi Tessen. Bầu trời quang đãng, sao Chức Nữ đang lặn, sao Capella đang lên, sao Aldebaran và quầng lửa của sao Mộc tỏa rực nền trời.

Con đường chạy về hướng bắc, và trước mặt họ hiện lên những đường viền màu sẫm của đỉnh Núi Nhọn và dãy Chasseral. Vài ánh điện chớp chớp dưới chân núi, đó là các làng Lamboing, Diesse và Nods.

Đến đây, những chiếc xe đi trước họ ngoặt sang trái, rẽ vào một con đường đất, và Tschanz dừng xe.

Anh hạ kính cửa xe xuống để nhòai đầu ra ngoài. Họ lờ mờ nhận ra một ngôi nhà ngoài đồng, có những cây dương bao quanh, cổng ra vào sáng điện và những chiếc xe kia dừng ở đó. Tiếng người lao xao vọng sang bên này, rồi vào hết trong nhà và tất cả lại im ắng. Đèn ở cổng ngoài đã tắt.

“Họ không chờ thêm ai nữa”, Tschanz nói.

Bärlach xuống xe, hít thở không khí lạnh buổi đêm.

Ông thấy dễ chịu và đứng nhìn Tschanz đánh xe sang bên kia đường, nửa thân xe chúi vào bãi cỏ, vì con đường đi Lamboing quá hẹp. Sau đó, Tschanz cũng ra khỏi xe và đến bên ông thanh tra. Họ đi bộ theo con đường đất đến ngôi nhà ngoài đồng. Đất dính, nước đọng thành từng vũng, ở đây trời cũng vừa mưa.

Rồi họ tới một bức tường thấp, nhưng bị cánh cổng khóa trái ngăn lại. Qua những song sắt hoen rỉ nhô cao hơn bức tường, họ nhìn lên nhà.

Khu vườn trơ trụi, những chiếc xe limousine đậu như những con vật khổng lồ giữa các cây dương. Không một ánh điện. Tất cả gây một cảm giác hiu quạnh.

Trong bóng tối, phải căng mắt họ mới nhận ra một tấm biển gắn chính giữa cánh cổng song sắt. Chắc bị long một đầu nên tấm biển treo lệch. Tschanz bật đèn pin mang từ xe theo: Trên tấm biển là một chữ G lớn.

Họ lại đứng trong bóng tối. “Ông thấy không”, Tschanz nói, “phỏng đoán của tôi là đúng. Tôi đã bắn vu vơ mà trúng ngay điểm đen”. Rồi anh hài lòng đề nghị: “Ông thanh tra, xin ông một điếu xì gà, tôi xứng đáng được thưởng một điếu”.

Bärlach mời anh một điếu và bảo: “Bây giờ chúng ta phải xem G nghĩa là gì.”

“Cái đó không thành vấn đề: Gastmann.”

“Vì sao?”

“Tôi đã xem danh bạ điện thoại. Ở Lamboing chỉ có hai cái tên bắt đầu bằng chữ G thôi.”

Bärlach cười ngạc nhiên, nhưng sau ông hỏi: “Nhưng cũng có thể là chữ G kia chứ?”

“Không, đó là Gendarmerie¹³. Hay ông cho rằng cảnh sát cũng có thể dính vào một vụ giết người?”

“Tất cả đều có thể, Tschanz”, Ông Già đáp.

Và Tschanz bật một que diêm, nhưng trong cơn gió mạnh đang giận dữ thổi rung những cây dương, anh phải chập vật mới châm được điếu xì gà.

CHƯƠNG 6

Barärlach tỏ ý ngạc nhiên, ông không rõ vì sao cảnh sát ở Lamboing, Diesse và Lignièrès không lần ra nhân vật Gastmann này, nhà ông ta nằm ngay giữa đồng, từ Lamboing dễ nhìn thấy và tiệt tùng ở đây làm sao giấu được, thậm chí còn quá lộ liễu, nhất là ở cái xó nhỏ bé vùng núi Jura này. Tschanz đáp, điều đó anh cũng chưa giải thích được.

Sau đó họ quyết định đi vòng quanh nhà. Họ tách ra, mỗi người đi một ngã.

Tschanz mất hút trong bóng đêm, Bärlach còn lại một mình. Ông vòng sang phải. Ông dựng cao cổ áo vì lạnh. Ông lại cảm thấy da dầy bị nén mạnh, đau từng nhát dữ dội, mồ hôi lạnh vã ra trên trán. Ông đi dọc bức tường, rồi men theo tường sang phải. Ngôi nhà vẫn hoàn toàn chìm trong bóng tối.

Rồi ông lại dừng bước và dựa vào tường. Thấy những ánh điện từ Lamboing ở ven rừng, ông đi tiếp.

Bức tường lại chạy theo hướng khác, bây giờ là hướng tây. Mặt sau nhà sáng đèn. Ánh điện sáng rực hắt ra từ dãy cửa sổ tầng một. Ông nghe vài tiếng dương cầm và lắng nghe thêm chút ít, ông nhận ra người ta đang chơi nhạc Bach.

Ông đi tiếp. Theo dự đoán, ông sắp đụng phải Tschanz, và căng mắt quan sát khoảng cánh đồng chan hòa ánh điện, nhưng ông phát hiện quá chậm một con thú chỉ cách mình vài bước.

Bärlach là người am hiểu thú vật, nhưng chưa bao giờ ông thấy một con thú khổng lồ đến thế. Tuy không phân biệt được từng đường nét mà chỉ nhận ra hình dáng nó lừng lững trên nền đất hơi sáng màu hơn một chút, nhưng trông con vật khủng khiếp đến nỗi Bärlach không dám nhúc nhích. Ông thấy nó như thể tình cờ từ từ quay đầu lại và chòng chọc nhìn mình.

Cặp mắt tròn của nó ngó như hai cái hốc, sáng nhưng trống rỗng.

Sự bất ngờ của cuộc chạm trán, vẻ hung tợn và hình thù kỳ dị của con vật khiến ông tê liệt. Tuy chưa mất lý trí tỉnh táo, nhưng ông bỗng quên rằng cần hành động. Ông nhìn con thú, không sợ hãi, mà như bị nó hút hồn. Cái Ác bao giờ cũng cuốn ông vào quỹ đạo của nó như thế, đó chính là đánh đổ lớn, luôn thôi thúc ông tìm giải đáp.

Và khi con chó đột nhiên chồm lên lao vào ông, một cái bóng khổng lồ, một con quái vật xông chuồng đầy sức mạnh và máu cắn giết, khiến ông chỉ kịp giơ cánh tay trái lên che ngang cổ thì đã bị đè bẹp dưới sức nặng của con thú dữ điên cuồng, khi ấy Ông Già không hề thốt lên một tiếng, không cả một tiếng kêu khiếp sợ, dường như tất cả những điều đó với ông là hoàn toàn dĩ nhiên và đúng với quy luật của thế gian này.

Nhưng con vật chưa kịp nghiền nát cánh tay nằm trong họng nó, Bärlach đã nghe một tiếng súng nổ, tấm thân đè trên người ông giật lên, máu nóng phọt xuống tay ông. Con chó đã chết.

Bây giờ con thú dữ nằm vắt trên người ông, và Bärlach đưa tay sờ khắp người nó, một lớp lông mượt, tủa mồ hôi. Ông khó nhọc và run run đứng dậy, chùi tay vào đám cỏ lơ thơ, Tschanz bước tới, vừa lại gần vừa cất khẩu súng ngắn vào túi áo khoác.

"Ông thanh tra, ông không bị thương chứ?", anh hỏi, và nghi hoặc nhìn tay áo bên trái của ông rách bươm.

"Hoàn toàn không. Con quái ấy chưa cắn thủng."

Tschanz cúi xuống, xoay đầu con vật về phía đèn sáng, và ánh điện ngưng lại trong hai con mắt chết của nó.

"Như rằng mãnh thú", anh lắc đầu, nói. "Suýt nữa thì con quái vật này xé xác ông rồi, ông thanh tra ạ."

"Tschanz, anh đã cứu sống tôi."

Tschanz gặng hỏi: "Thế ông không bao giờ mang vũ khí theo người à?"

Bärlach lấy chân chạm vào khối thịt bất động trước mặt. "Hiếm khi lắm, Tschanz", ông trả lời, rồi họ lặng im.

Họ đứng nhìn con chó chết nằm trên nền đất tro trụi, bắn thiu. Một vũng đen lớn lan dần tới chân họ: Máu từ họng con vật chảy ra như một dòng dung nham sẫm màu.

Khi họ ngẩng lên thì thấy cảnh tượng đã đổi khác. Nhạc tắt, các cửa sổ sáng đèn mở tung và nhiều người trong trang phục dạ hội thò đầu ra ngoài. Bärlach và Tschanz nhìn nhau, họ thấy bối rối như bỗng đứng trước một pháp đình, nhất là giữa chốn núi rừng Jura hiu quạnh như bị Thượng đế bỏ rơi, một nơi khi họ cò gáy, như ông thanh tra bực dọc nghĩ thầm.

Một người đàn ông đứng tách riêng, ở cửa sổ chính giữa trong số năm cửa sổ, lên tiếng hỏi họ làm gì ở đây, giọng kỳ quặc, âm sắc rõ ràng.

“Cảnh sát đây”, Bärlach bình tĩnh trả lời và nói thêm là họ nhất thiết phải gặp ông Gastmann.

Người đàn ông kia đáp, ông ta lấy làm ngạc nhiên, sao lại phải giết một con chó để được gặp Gastmann; vả lại, bây giờ ông ta đang muốn nghe và có dịp nghe nhạc Bach; nói xong, ông ta đóng cửa sổ, động tác tự chủ, không hề vội vàng, cũng giống như lúc nói, không tỏ ra giận dữ mà trái lại, hết sức lãnh đạm.

Những tiếng nói lộn xộn vọng ra từ cửa sổ. Họ nghe thấy những tiếng thốt lên: “Quá quắt”, “Ông thấy thế nào, ông giám đốc?”, “Thật bê bối”, “Ôi, cảnh sát, thật không thể tưởng tượng, thưa ngài nghị sĩ!”.

Rồi mọi người lui vào. Các cửa sổ lần lượt khép lại, và tất cả lại im ắng.

Hai viên cảnh sát không còn cách nào hơn là quay gót. Trước cổng ra vào, cạnh bức tường bao quanh vườn, có người chờ họ. Một dáng người lẻ loi đi đi lại lại ở đó, vẻ nôn nóng.

“Bấm đèn mau”, Bärlach thì thầm với Tschanz, và một khuôn mặt béo tốt, mòng mọng, không đến nỗi tầm thường nhưng hơi đơn điệu, ngự trên một bộ đồ dạ hội sang trọng, hiện ra trong ánh đèn pin lóe sáng. Một chiếc nhẫn to nặng lấp lánh ở một bàn tay.

Bärlach khẽ ra hiệu, ánh đèn pin lại tắt.

“Hê, quý tha ma bắt, các người là ai, hử?”. Người đàn ông phì nộn cúi kính.

“Tôi là thanh tra Bärlach. Ông là Gastmann?”

“Hê, nghị sĩ von Schwendi¹⁴ đây, hê, đại tá von Schwendi đây. Trời đất quỷ thần tuốt tuột, các người làm gì mà bắn loạn ở đây, hử?”

“Chúng tôi đang tiến hành một cuộc điều tra và cần nói chuyện với ông Gastmann, thưa ông nghị sĩ”, Bärlach điềm đạm trả lời.

Nhưng ông không xoa dịu được ngài nghị sĩ. Ngài này gầm lên: “Phần tử chia rẽ¹⁵ phải không, hử?”

Bärlach quyết định gọi ông ta bằng danh hiệu kia, ông thận trọng phát biểu, rằng có lẽ ông đại tá nhầm, vì ông không dính líu tới vấn đề vùng Jura.

Nhưng trước khi Bärlach kịp nói tiếp thì ông đại tá còn nổi khùng hơn cả ngài nghị sĩ: A, té ra là cộng sản, ông ta khẳng định, cái của nợ, hử, nhân danh một đại tá, ông ta không cho phép ai bắn loạn khi người ta đang chơi

nhạc. Ông ta nghiêm cấm mọi hành động thị uy chống lại nền văn minh phương Tây. Nếu không, quân đội Thụy Sĩ sẽ can thiệp để lập lại trật tự.

Thấy ngài nghị sĩ đã lạc đề quá rõ, Bärlach tìm cách chấn chỉnh:

"Tschanz, không ghi những điều ông nghị sĩ nói đây vào biên bản", ông lạnh lùng hạ lệnh.

Ngài nghị sĩ lập tức trở nên biết điều: "Hê, ghi vào biên bản gì thế, hử?"

Là thanh tra thuộc cơ quan cảnh sát hình sự thành phố Bern, Bärlach giải thích, ông phải tiến hành điều tra một vụ án mạng, nạn nhân là trung úy cảnh sát Schmied. Lẽ ra, ông có trách nhiệm lập biên bản tất cả các câu trả lời của mọi người về một số câu hỏi nhất định, nhưng - đến đây, ông thoáng lưỡng lự, không biết nên chọn danh hiệu nào của nhân vật kia để gọi - nhưng vì ông đại tá rõ ràng đã đánh giá nhầm tình thế, nên ông không muốn đưa câu trả lời của ngài nghị sĩ vào biên bản.

Ông đại tá sững sờ.

"Các anh là cảnh sát ư?", ông ta nói, "thế thì lại là chuyện khác."

Xin thứ lỗi, ông ta tiếp tục bày tỏ, trưa nay ông ta vừa dùng bữa ở đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ, buổi chiều thì được bầu làm chủ tịch Hội Đại tá mang tên "Thanh kiếm Thụy Sĩ", tiếp đó lại phải làm một "chầu rượu danh dự" với Hội Người Thụy Sĩ¹⁶, thêm nữa, sáng nay nhóm nghị viện mà ông là thành viên có một phiên họp đặc biệt, và bây giờ là bữa tiệc ở nhà Gastmann, với một nghệ sĩ dương cầm đầu sao cũng nổi tiếng thế giới. Ông ta mệt gần chết.

Liệu có thể gặp ông Gastmann được không, Bärlach hỏi lại lần nữa.

"Các anh cần gì ở Gastmann nhỉ?", von Schwendi hỏi. "Ông ấy liên quan gì đến anh chàng trung úy cảnh sát bị giết ấy?"

"Thứ Tư vừa rồi Schmied là khách của Gastmann, và bị giết trên đường về ở Twann."

"Khổ quá", ngài nghị sĩ nói, "Gastmann thì cứ bạ ai cũng mời, rồi thế nào cũng gặp sự cố."

Đoạn ông ta im lặng, tỏ vẻ nghĩ ngợi.

"Tôi là luật sư của Gastmann", cuối cùng ông ta nói tiếp. "Nhưng sao các anh lại tới đúng vào đêm nay nhỉ? Gọi điện không được à?"

Bärlach giải thích là mãi tới lúc này họ mới phát hiện ra rằng Gastmann có liên quan.

Ông đại tá chưa chịu cho qua: “Còn chuyện con chó thì sao?”

“Nó xông vào tôi, và Tschanz đành phải nổ súng.”

“Vậy thì ổn”, von Schwendi nói, không đến nỗi kém thân mật. “Bây giờ thật sự không thể gặp Gastmann được; đôi khi cảnh sát cũng nên tôn trọng những thông lệ xã hội. Mai tôi sẽ đến trụ sở gặp anh, và ngay hôm nay sẽ sớm trao đổi với Gastmann. Các anh có tấm ảnh nào của Schmied ở đây không?”

Bärlach lấy một tấm ảnh trong ví ra, trao cho ông ta.

“Cảm ơn”, ngài nghị sĩ nói.

Rồi ông ta gật đầu chào và đi vào nhà.

Bây giờ Bärlach và Tschanz lại còn lại một mình trước những song sắt hoen rỉ của cánh cửa vườn; ngôi nhà lại im lìm như trước.

“Chống một ngài nghị sĩ thì đúng là vô ích”, Bärlach lên tiếng, “lại còn là đại tá và luật sư nữa thì ông ta là cả ba con quỷ trong cùng một người. Vậy là ta đứng đây với cái án mạng hay ho và chẳng biết phải làm gì bây giờ.”

Tschanz im lặng, vẻ nghĩ ngợi. Lát sau, anh nói: “Chín giờ rồi, ông thanh tra. Tôi cho tốt nhất là nên đến gặp cảnh sát viên làng Lamboing và trao đổi thêm về trường hợp lão Gastmann này.”

“Được”, Bärlach đáp. “Anh làm thế là phải. Anh thử tìm hiểu xem vì sao ở Lamboing họ không biết gì về việc Schmied đến chơi nhà Gastmann. Còn tôi sẽ ghé vào cái quán nhỏ chỗ đầu Khe Suối. Tôi phải làm chút gì an ủi cái dạ dày đã. Tôi sẽ đợi anh ở đó.”

Họ theo con đường đất trở về chỗ xe đỗ. Tschanz lái xe đi, và ít phút sau anh có mặt ở Lamboing.

Anh tìm thấy viên cảnh sát của làng này đang ngồi trong quán ăn với Clenin từ Twann tới, tách hẳn khỏi đám nông dân xung quanh, chắc họ đang hội ý. Viên cảnh sát làng Lamboing thấp, béo, tóc đỏ, tên là Jean Pierre Charnel.

Tschanz tới ngồi cùng bàn với họ, và mỗi nghi ngại mà hai người này dành cho đồng nghiệp từ Bern tới nhanh chóng tan biến. Chỉ có điều Charnel không khoái vì bây giờ thay vì tiếng Pháp lại phải nói tiếng Đức, thứ ngôn ngữ anh dùng không thoải mái lắm.

Họ uống rượu vang trắng, Tschanz dùng kèm bánh mì và pho-mát, nhưng anh không tiết lộ là mình vừa ở nhà Gastmann về, và còn hỏi rằng họ vẫn chưa tìm ra tung tích gì hay sao.

"Non"¹⁷, Charnel trả lời, "chẳng có tung tích gì về *assassin*. *On a rien trouve*"¹⁸, chẳng phát hiện được gì cả."

Anh cho biết tiếp, ở vùng này chỉ có độc một người đáng cho ta xem xét, đó là ông Gastmann, người đã mua ngôi nhà Rollier để ở, thường xuyên có nhiều khách khứa và thứ Tư vừa rồi cũng tổ chức một bữa tiệc lớn, Nhưng Schmied không có mặt ở đó, Gastmann không hay biết, thậm chí chưa lần nào nghe nói đến cái tên ấy. "*Schmied n'était pas chez Gastmann, impossible*"¹⁹. Hoàn toàn không thể".

Tschanz lắng nghe cái mớ ngôn ngữ lộn xộn đó, rồi đáp, nên đi hỏi cả những người có mặt ở nhà Gastmann tối hôm ấy.

Việc đó đã được tiến hành rồi, Clenin tham gia, có một nhà văn sống ở Schernelz, phía trên Ligerz một đoạn, ông này biết rõ Gastmann, hay lui tới nhà Gastmann và thứ Tư vừa rồi cũng có mặt ở đó. Nhưng ông này cũng không biết gì về Schmied, chưa bao giờ nghe cái tên ấy, và nói chung, ông này không tin là lại có tay cảnh sát nào đến chơi nhà Gastmann.

"Thế à? Nhà văn à?", Tschanz nói và nhú trán, "chắc tôi phải xử lý cái mẫu người này một lần mất thôi. Nhà văn thì kiểu gì cũng đáng ngờ, nhưng để đấy, tôi sẽ trị được cái đám quá thừa học vấn ấy."

"Còn lão Gastmann này thế nào anh Charnel?", anh hỏi tiếp.

"*Un monsieur très riche!*"²⁰, viên cảnh sát làng Lamboing hào hứng trả lời. "Tiền nhiều như nước và *très noble*"²¹. Cho *fiancée*"²² của tôi nhiều tiền hầu bàn lắm", và anh kiêu hãnh chỉ cô phục vụ trong quán, "*comme un roi*"²³, nhưng không có tình ý gì với cô ấy đâu. *Jamais.*"²⁴

"Thế lão ấy làm nghề gì?"

"*Philosophe.*"²⁵

"Charnel, theo anh hiểu thì đó là cái gì?"

"Là một người nghĩ nhiều và không làm gì."

"Nhưng lão vẫn phải kiếm tiền để sống chứ?"

Charnel lắc đầu: "Ông ấy không kiếm tiền, ông ấy có tiền. Ông ấy trả thuế cho cả làng Lamboing. Thế là đủ để chúng tôi thấy Gastmann là người đáng mến nhất trong cả cái bang này."

"Dù thế nào ta vẫn cần làm việc cặn kẽ với cái lão Gastmann này. Ngày mai tôi sẽ tới nhà lão", Tschanz quyết định.

“Thế thì coi chừng con chó của ông ấy nhé. *Un chien très dangereux*²⁶”, Charnel cảnh báo.

Tschanz đứng dậy, vỗ vai viên cảnh sát làng Lamboing: “Ồ, nó thì tôi trị được.”

CHƯƠNG 7

Tschanz tạm biệt Clenin và Charnel lúc mười giờ để đến quán ăn gần Khe Suối, nơi Bärlach đang đợi. Nhưng tới chỗ con đường đất rẽ vào nhà Gastmann, anh lại dừng xe lần nữa. Anh xuống xe và chậm rãi đi tới cổng vườn, rồi dọc theo bức tường. Ngôi nhà vẫn nguyên như lúc trước, tối, đơn độc, bao quanh là những cây dương khổng lồ quấn mình trong gió.

Những chiếc xe limousine vẫn còn đậu ở bãi. Nhưng Tschanz không đi vòng quanh nhà mà chỉ đến đứng góc có thể quan sát toàn bộ mặt nhà sáng đèn phía sau. Thình thoảng những dáng người hiện ra, in lên mặt kính cửa sổ vàng ánh điện, và Tschanz nép sát vào tường để khỏi bị trông thấy. Anh nhìn ra cánh đồng. Nhưng không thấy con chó trên mặt đất trụi nữa, chắc đã có người dọn nó đi, chỉ còn lại vũng máu đen phản chiếu ánh sáng từ các ô cửa sổ. Tschanz trở về xe.

Bärlach không có mặt trong quán “Khe Suối”. Bà chủ quán cho biết, cách đây nửa tiếng ông đã rời khỏi quán để về Twann; ông chỉ uống một ly rượu mạnh và ở đây chưa đầy năm phút.

Tschanz ngẫm nghĩ xem Ông Già làm trò gì, nhưng không suy tính được lâu vì phải để hết tâm trí vào con đường chẳng lấy gì làm rộng. Anh lái qua cầu, nơi họ đã dừng xe chờ lúc trước, rồi theo đường rừng xuống dốc.

Đến đây, có một sự việc lạ lùng và khó hiểu khiến anh phải suy nghĩ. Anh lái nhanh và chợt thấy mặt hồ bên dưới lóe lên như một dải gương ban đêm giữa những vách núi trắng. Vậy là anh đã tới hiện trường.

Ngay lúc đó, một bóng người tách ra từ chân vách đá và ra hiệu rõ ràng cho xe dừng lại.

Tschanz bắt giác phanh lại và mở cửa bên phải, tuy ngay sau đó anh hối hận, vì anh vụt nhận ra rằng mình đang trải qua chính cái điều từng xảy ra với Schmied trước khi bị bắn chết vài chớp mắt sau đó.

Anh thọc tay vào túi áo, và nắm chặt khẩu súng ngắn, hơi lạnh của nó khiến anh vững dạ. Bóng người lại gần. Và anh nhận ra đó là Bärlach. Nhưng anh vẫn không bớt căng thẳng, mặt tái nhợt vì một nỗi sợ mơ hồ không lý giải được nguyên do. Bärlach cúi xuống, họ nhìn thẳng vào mặt nhau, tưởng như lâu đến hàng tiếng đồng hồ nhưng thực ra chỉ vài giây.

Không ai nói một lời, và mắt họ trở như đá. Rồi Bärlach vào ngồi cạnh Tschanz, lúc này anh đã rút tay khỏi khẩu súng giấu trong người.

“Cậu lái tiếp đi, Tschanz”, Bärlach nói, giọng lãnh đạm.

Thấy Ông Già chuyển sang xưng hô²⁷ với mình như vậy, Tschanz giật thót người, nhưng từ đó trở đi ông thanh tra giữ cách xưng hô ấy.

Mãi tới lúc qua Biel, Bärlach mới phá tan sự im lặng và hỏi Tschanz có nghe ngóng thêm được điều gì ở Lamboing không, “thôi từ nay ta đành gọi cái xó ấy bằng tên tiếng Pháp của nó vậy”.

Ông không nói gì khi được biết là cả Charnel lẫn Clenin đều loại bỏ khả năng Schmied, người bị sát hại, đã đến nhà Gastmann; còn về nhà văn sống ở Schernelz mà Charnel nhắc tới thì ông bảo, mình sẽ đích thân đến gặp.

Tschanz tường thuật sôi nổi hơn thường lệ, anh thở phào nhẹ nhõm vì bây giờ họ lại có thể trò chuyện, và anh cũng muốn át đi trạng thái bối rối khác thường của mình, nhưng chưa tới Schüpfen thì cả hai đã lại lặng im.

Họ về tới nhà Bärlach ở khu Altenberg lúc hơn mười một giờ đêm, ông thanh tra xuống xe.

“Một lần nữa tôi cảm ơn cậu, Tschanz”, ông nói và bắt tay anh. “Nghe thì hơi khách sáo, nhưng cậu đã cứu sống tôi.”

Ông còn đứng nhìn theo ánh đèn hiệu vừa phụt tắt của chiếc xe đang lao đi. “Bây giờ cậu ta muốn lái nhanh thế nào tùy thích”.

Ông bước vào ngôi nhà không khóa của mình, và tới phòng sách, ông thọc tay vào túi áo khoác, lấy ra một khẩu súng và thận trọng đặt lên bàn làm việc, cạnh con răn. Một khẩu súng ngắn to, nặng.

Rồi ông từ từ cởi áo khoác. Cởi xong, cánh tay trái của ông lộ ra, quần nhiều lớp khăn dày, như cách người ta thường làm để huấn luyện cho chó đớp.

CHƯƠNG 8

Sáng hôm sau, theo kinh nghiệm, ông thanh tra già chuẩn bị tinh thần chờ mấy chuyện lằng nhằng, ông thường gọi những vụ đụng độ với Lutz như thế. Lúc đi qua cầu Altenberg, ông nghĩ bụng: “Thiên hạ thừa biết thế nào là ngày thứ Bảy. Chỉ vì ân hận là suốt cả tuần chẳng làm gì nên hồn nên đám công chức phải nhe nanh.” Ông mặc đồ đen trang trọng vì lễ tang Schmied được ấn định vào lúc mười giờ. Ông không thể tránh đến dự, thực ra, và đó chính là lý do khiến ông bức dọc.

Von Schwendi tới vào lúc tám giờ hơn, nhưng không đến chỗ Bärlach, mà vào phòng của Lutz, sau khi ông này vừa kịp nghe Tschanz báo cáo về sự việc xảy ra tối hôm qua.

Von Schwendi cũng là đảng viên Đảng Xã hội Tự do Bảo thủ của Tập hợp Độc lập²⁸ như Lutz, từng nhiệt tình nâng đỡ Lutz, và đã chuyển sang cách xưng hô thân mật với ông này từ bữa cùng đi ăn sau một cuộc họp ban chấp hành diện hẹp, mặc dù Lutz không được bầu vào Hội đồng Thành phố, vì như von Schwendi lý giải, dân biểu ở Bern mà lại tên là Lucius²⁹ thì tuyệt đối không thể chấp nhận được.

“Mấy tay nhân viên cảnh sát thành phố Bern của cậu thật quá đáng, Lutz quý mến”, ông ta mở đầu ngay như vậy khi thân hình to béo của ông ta vừa hiện ra ở khung cửa. “Ai lại đi bắn chết con chó nhà ông Gastmann, thân chủ của tôi, một giống chó hiếm vùng Nam Mỹ đấy, rồi lại còn phá rối văn hóa, Anatol Kraushaar-Raffaeli là nghệ sĩ dương cầm nổi tiếng thế giới chứ ít đâu. Người Thụy Sĩ thật chẳng có giáo dục gì cả, không chịu cởi mở với thế giới bên ngoài, không có chút dấu vết nào của tư duy châu Âu. Cách tốt nhất để khắc phục là tống vào trường huấn luyện quân sự ba năm.”

Lutz bối rối vì sự xuất hiện của người đồng chí trong đảng và sợ những tràng diễn văn bất tận của ông này. Ông mời von Schwendi ngồi.

“Anh cũng biết rồi đấy, chúng tôi đang mắc vào một cuộc điều tra hết sức gay cấn”, ông rụt rè nhận định. “Cậu nhân viên trẻ tuổi, người triển khai công việc này về cơ bản, có thể coi là khá có năng lực trong hoàn cảnh Thụy Sĩ. Còn ông thanh tra già mà hôm đó cũng có mặt thì thuộc hạng sắt rí rồi, tôi thừa nhận.

Tôi rất tiếc là con chó Nam Mỹ quý hiếm như thế bị bắn chết, bản thân tôi cũng là người nuôi chó và yêu súc vật, tôi sẽ cho tiến hành một cuộc điều tra đặc biệt, thật nghiêm ngặt. Mọi người ở đây có biết gì về hình sự học đâu. Cứ nghĩ đến Chicago, tôi lại thấy tình cảnh của ta thật hoàn toàn vô vọng.”

Ông ngừng lại một chút, lúng túng vì thấy von Schwendi cứ im lặng nhìn mình chăm chăm, rồi nói tiếp, nhưng đã mất hẳn tự tin, rằng ông cần biết là Schmied, người mới bị sát hại, có tới chỗ Gastmann, thân chủ của von Schwendi hôm thứ Tư vừa rồi, như nhận định của cơ quan cảnh sát, xuất phát từ một số cơ sở nhất định hay không.

“Lutz thân mến”, ông đại tá trả lời, “mình vờ vịt với nhau làm gì. Cảnh sát các cậu biết tổng cả rồi; tôi hiểu anh em mình lắm chứ.”

“Ông nói vậy nghĩa là thế nào, thưa nghị sĩ?”, Lutz lúng túng hỏi, bất giác quay lại cách xưng hô xã giao, vì chưa bao giờ ông thật sự thoải mái trong xưng hô thân mật với von Schwendi.

Von Schwendi ngả người ra sau, lồng hai bàn tay đặt lên ngực và nhe răng, cái dáng điệu mà ông ta có được là nhờ cả chức đại tá lẫn vai nghị sĩ của mình.

“Hê đóc³⁰”, ông ta nói, “bây giờ tôi muốn biết thật chính xác, vì sao các cậu cứ đem cái tay Schmied tròng vào cổ ông Gastmann đứng đắn của tôi. Chuyện diễn ra ở vùng Jura thì liên quan đến gì đến cơ quan cảnh sát, đừng mơ đến Gestapo³¹ nhé, còn lâu.”

Lutz như từ trên trời rơi xuống. “Sao chúng tôi lại phải tròng Schmied vào cổ thân chủ của anh? Chúng tôi thậm chí còn chưa biết ông ấy là ai”, ông ngơ ngác hỏi. “Và vì sao một án mạng lại không liên quan đến chúng tôi?”.

“Nếu các cậu không biết rằng Schmied đội tên là tiến sĩ Prantl, giảng viên thỉnh giảng môn lịch sử văn hóa Mỹ ở München, đến dự những bữa tiệc do Gastmann tổ chức ở Lamboing, thì toàn bộ cảnh sát các cậu nhất thiết phải về vườn, vì mù tịt về điều tra hình sự”. Von Schwendi khẳng định và tay phải nôn nóng gõ ngón xuống mặt bàn của Lutz.

“Chúng tôi không hay biết chuyện đó, Oskar³² thân mến”, Lutz nói, nhẹ cả người vì đúng lúc này sức nhớ ra tên của ngài nghị sĩ mà ông đã cố tìm. “Thế là tôi vừa được nghe một thông tin rất quan trọng đấy.”

“Vậ hả”, von Schwendi đáp cộc lốc rồi im lặng, khiến Lutz càng ý thức rằng mình yếu thế và đồ rằng mình sẽ phải nhượng bộ từng bước trước tất cả những điểm ông đại tá muốn. Ông bắt lực ngược nhìn mấy bức tranh của Traffelet với đám binh lính đang diễu hành, những lá cờ Thụy Sĩ phấp phới và viên tướng trên mình ngựa. Ngài nghị sĩ khá đặc thẳng nhận ra vẻ bối rối của vị chương lý³³, và vừa để tiếp vừa vạch rõ câu “Vậ hả” lúc này: “Vậ là cơ quan cảnh sát vừa được biết một thông tin rất quan trọng; có nghĩa là cảnh sát lại mù tịt”.

Mặc dù rất khó chịu và bị von Schwendi tàn nhẫn đẩy vào một tình thế bức bối, Lutz vẫn buộc phải thú nhận rằng Schmied đến nhà Gastmann không phải vì công vụ, và cơ quan cảnh sát cũng không hay biết về những lần Schmied đến Lamboing. Schmied làm việc đó hoàn toàn với tư cách cá nhân, Lutz kết thúc lời phân bua khổ sở của mình. Nhưng vì sao Schmied phải dùng một cái tên giả, thì hiện tại đối với ông đó vẫn còn là một câu đố.

Von Schwendi nghiêng người về phía trước và nhìn Lutz bằng cặp mắt lơ mờ, vắn tia đỏ.

“Chính điều đó có thể giải thích tất cả”, ông ta nói, “Schmied dò la cho một thế lực nào đó.”

“Anh nói thế là thế nào?”, Lutz hỏi, bắt lực hơn lúc nào hết.

“Là thế này”, ngài nghị sĩ trả lời, “trước hết, cảnh sát các cậu cần điều tra xem Schmied tới chỗ Gastmann vì những lý do gì.”

“Oskar thân mến, trước hết cảnh sát chúng tôi phải biết chút gì về Gastmann đã chứ”, Lutz phản đối. “Đối với cảnh sát, Gastmann hoàn toàn không nguy hiểm”, von Schwendi đáp, “và tôi cũng không muốn cậu hoặc bất kỳ ai thuộc cảnh sát các cậu đụng vào ông ấy. Đây là nguyện vọng của tôi, ông ấy là thân chủ của tôi, và việc của tôi là thu xếp cho những nguyện vọng của ông ấy được thực hiện.”

Câu trả lời thẳng thừng này đánh gục Lutz, khiến lúc đầu ông không đủ sức đáp lại điều gì. Ông châm thuốc hút, và trong lúc bối rối quên cả mời von Schwendi một điếu. Sau đó ông mới ngồi ngay ngắn và trả lời:

“Vì Schmied có mặt ở nhà Gastmann, nên đáng tiếc là cảnh sát buộc phải làm việc với ông ta, Oskar thân mến ạ.”

Von Schwendi không hề nao núng. “Trước tiên, cảnh sát buộc phải làm việc với tôi, vì tôi là luật sư của Gastmann”, ông ta nói. “Lutz, cậu nên mừng vì chính là tôi chứ không phải ai khác; tôi muốn giúp cả cậu chứ

không riêng gì Gastmann. Tất nhiên thân chủ của tôi chẳng thích thú gì toàn bộ vụ này, nhưng cậu lại càng ê mặt, vì cho đến lúc này cảnh sát vẫn chưa tìm ra một dấu vết nào. Nói chung tôi hoài nghi, các cậu sẽ chẳng bao giờ làm sáng tỏ được vụ này đâu”.

“Cảnh sát đã phá hầu hết các vụ án mạng, theo số liệu thống kê”, Lutz trả lời. “Tôi thừa nhận là trong vụ Schmied, chúng tôi gặp một số khó khăn nhất định, nhưng cũng đã...” - ông hơi ngập ngừng - "... cũng đã ghi nhận những kết quả đáng kể. Chẳng hạn, chúng tôi đã tự tìm ra Gastmann, và đây cũng chính là lý do khiến Gastmann phải anh đến gặp chúng tôi. Vấn đề nằm ở phía Gastmann chứ không phải phía chúng tôi, trình bày về vụ Schmied là việc của Gastmann chứ không phải của chúng tôi. Schmied đã tới nhà Gastmann, dù đội tên giả; nhưng chính điều đó buộc cảnh sát phải làm việc với Gastmann, bởi hành vi không bình thường đó của người bị sát hại chắc chắn ảnh hưởng đến Gastmann đầu tiên. Chúng tôi phải thẩm vấn Gastmann, và chỉ có thể bỏ qua việc đó với điều kiện là anh có thể giải thích hoàn toàn thỏa đáng cho chúng tôi rõ, vì sao Schmied dùng tên giả đến chơi nhà Gastmann, mà lại đến nhiều lần, như chúng tôi đã xác định được.”

“Được”, von Schwendi nói, “thì ta nói thẳng với nhau nhé. Cậu sẽ thấy, không phải tôi là người cần giải thích về Gastmann, mà chính các cậu phải giải thích cho chúng tôi biết, Schmied đến Lamboing để làm gì. Bị cáo ở đây là các cậu, chứ không phải chúng tôi, Lutz thân mến ạ.”

Nói xong, ông ta rút một cuộn màu trắng, trải ra thành một tờ giấy rộng và đặt lên bàn vị chưởng lý.

“Đây là tên những người thường lui tới nhà ông bạn quý Gastmann của tôi”, ông ta nói. “Danh sách này rất đầy đủ. Tôi đã chia làm ba nhóm. Nhóm thứ nhất tôi gạt ra ngoài, chẳng có gì thú vị, đấy là các nghệ sĩ. Tất nhiên, nói thế không có nghĩa là chê Kraushaar-Raffaelli, ông ấy là người ngoại quốc; không, tôi nói bọn trong nước cơ, bọn ở Utzenstorf và Merligen. Bọn họ hết viết kịch về trận Morgarten³⁴ hay về Niklaus Manuel³⁵ thì chỉ ngồi vẽ núi. Nhóm thứ hai là giới công nghiệp. Cậu sẽ thấy một loạt tên tuổi, toàn người danh tiếng, tôi cho là những bản mẫu xuất sắc nhất của xã hội Thụy Sĩ. Tôi nói chân thành đấy, mặc dù bà ngoại tôi vốn là nông dân.”

“Còn nhóm thứ ba trong số khách của Gastmann?”, Lutz hỏi, vì bỗng nhiên ngài nghị sĩ im lặng và sự bình thản của ngài khiến vị chưởng lý sốt

ruột, tất nhiên đó là chủ ý của von Schwendi.

“Nhóm thứ ba”, mãi sau von Schwendi mới tiếp tục, “khiến vụ Schmied thành ra không hay ho gì cho cậu, và cho cả giới công nghiệp, tôi thừa nhận; vì bây giờ buộc lòng tôi phải đề cập những vấn đề thật ra phải tuyệt đối giữ kín đối với cảnh sát. Nhưng cảnh sát thành phố Bern các cậu đã không dừng được việc truy ra Gastmann, và bây giờ chuyện Schmied có mặt ở Lamboing cũng đã bị lộ tẩy, nên giới công nghiệp đành ủy quyền để tôi cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra trong khuôn khổ cần thiết cho vụ Schmied.

Rắc rối cho chúng tôi là phải khám phá những hoạt động chính trị có tầm quan trọng đặc biệt, và rắc rối cho các cậu là với nhóm thứ ba này, các cậu không có quyền hạn như với công dân Thụy Sĩ và công dân ngoại quốc sống tại đất nước này.”

“Anh nói gì, tôi không hiểu một lời nào cả”, Lutz phát biểu.

“Thì đã bao giờ cậu hiểu gì về chính trị đâu, Lutz thân mến”, von Schwendi đáp, “nhóm thứ ba này gồm nhân viên một phái đoàn nước ngoài, họ tuyệt đối không muốn bị điểm danh cùng với một tầng lớp nhất định trong giới công nghiệp.”

CHƯƠNG 9

Bây giờ Lutz đã hiểu ý ngài nghị sĩ, và phòng làm việc của vị chương lý yên lặng hồi lâu. Chuông điện thoại reo, nhưng Lutz chỉ nhắc ống nghe để quát vào máy: “Đang họp!”, rồi ông lại im bật. Cuối cùng, ông lên tiếng: “Nhưng theo chỗ tôi biết thì hiện người ta đang chính thức đàm phán một hiệp định ngoại thương mới với nước ấy.”

“Đúng, đang đàm phán”, ông đại tá đáp. “Đàm phán chính thức, thì các nhà ngoại giao cũng muốn có việc gì đó mà làm chứ. Nhưng phi chính thức còn nhiều hơn, ở Lamboing thì đàm phán cá nhân. Vả lại, trong công nghiệp hiện đại, có những đàm phán mà nhà nước không nên can thiệp, thưa ông chương lý.”

“Tất nhiên”, Lutz sợ sệt thừa nhận.

“Tất nhiên”, von Schwendi lặp lại. “Và anh chàng Ulrich Schmied, trung úy cảnh sát thành phố Bern, tiếc rằng vừa bị bắn chết, lại dùng tên giả để bí mật dự những cuộc đàm phán bí mật ấy.”

Thấy vị chương lý lại sững sờ im lặng, von Schwendi biết mình đã tính đúng. Lutz đâm ra bối rối tới mức ngài nghị sĩ muốn làm gì với ông thì làm. Như phần lớn những tính cách có phần phiến diện, trước diễn biến bất ngờ của án mạng Schmied, viên công chức này lúng túng đến độ đành phó mặc cho bên ngoài tác động và nhượng bộ cả ở những điểm tất yếu sẽ nguy hại cho một cuộc điều tra khách quan.

Tuy vậy Lutz vẫn cố tìm cách chống chế cho tình cảnh của mình.

“Oskar thân mến”, ông nói, “tôi thấy tất cả những chuyện đó không đến nỗi quá nghiêm trọng. Tất nhiên giới công nghiệp Thụy Sĩ có quyền đàm phán cá nhân với những ai họ muốn đàm phán, cũng có thể là thế lực nước ngoài kia. Tôi không phản đối, và cảnh sát cũng không can thiệp vào đó. Schmied, tôi nhắc lại, đến chỗ Gastmann với tư cách cá nhân, và vì thế tôi chính thức xin lỗi. Cậu ấy đã mạo xưng cả tên tuổi lẫn nghề nghiệp, thế dứt khoát là không đúng, tuy đôi khi người ta cũng có chút mặc cảm vì là người bên cảnh sát. Nhưng cậu ấy đâu có dự những cuộc hội họp ấy một mình, các nghệ sĩ cũng có mặt cơ mà, thưa nghị sĩ quý mến.”

“Ồ, họ chỉ là vật trang trí cần thiết. Chúng ta sống trong một đất nước văn minh, Lutz ạ, và cần những nhân hiệu quảng cáo. Phải bảo mật cho các cuộc đàm phán ấy, vậy tiện nhất là để đám nghệ sĩ tham dự. Cùng tiếc tùng,

thịt rán, rượu vang, xì gà, đàn bà, chuyện phiếm, đám nghệ sĩ bắt đầu thấy chán, tụ tập với nhau và không để ý các nhà tư bản và đại diện của thế lực nước ngoài kia hội họp. Họ cũng chẳng buồn để ý, vì họ không quan tâm. Nghệ sĩ chỉ quan tâm đến nghệ thuật. Nhưng một nhân viên cảnh sát ngồi đó thì có thể biết hết mọi chuyện.Ồ, không đâu, Lutz ạ, trường hợp Schmied rất đáng bận tâm.”

“Đáng tiếc là tôi chỉ có thể nhắc lại, đối với chúng tôi hiện nay, những lần Schmied đến nhà Gastmann vẫn còn là khó hiểu”, Lutz trả lời.

“Nếu cơ quan cảnh sát không giao nhiệm vụ thì ắt là có người khác phải hấn tới đó”, von Schwendi nói. “Có những thế lực nước ngoài rất quan tâm đến những gì đang diễn ra ở Lamboing. Đó là chính trị thế giới, Lucius thân mến.”

"Schmied không phải là gián điệp."

“Chúng tôi có đủ căn cứ để kết luận hấn là gián điệp. Thà hấn là gián điệp còn đỡ cho danh dự Thụy Sĩ hơn là chỉ điểm của cảnh sát."

“Bây giờ cậu ấy đã chết”, vị chương lý thờ dài, ông sẵn sàng đánh đổi tất cả để bây giờ được tra hỏi đích thân Schmied.

“Cái đó không phải là việc của chúng tôi”, ông đại tá nhận định. “Tôi chẳng muốn nghi cho ai, nhưng chỉ có phía thế lực nước ngoài kia là muốn giữ kín những cuộc đàm phán ở Lamboing. Phía chúng ta thì vấn đề là tiền; phía họ, vấn đề là những nguyên tắc trong đường lối chính trị của đảng³⁶. Cứ nói thẳng như thế cho xong. Nhưng tất nhiên đây chính là hướng điều tra mà cảnh sát sẽ khó tiến triển."

Lutz đứng dậy, bước đến bên cửa sổ. “Tôi vẫn chưa thật rõ, thân chủ Gastmann của anh đóng vai trò gì”, ông chậm rãi nói.

Von Schwendi lấy tờ giấy quạt gió và đáp: "Gastmann cho giới công nghiệp và đại diện của phái đoàn ngoại quốc kia lấy nhà mình làm địa điểm hội đàm."

“Sao lại chính là Gastmann?"

Vì thân chủ của ông ta có đủ tầm vóc nhân cách cần thiết để làm việc ấy chứ sao, ông đại tá làu bàu.

Gastmann từng là phái viên lâu năm của Argentina tại Trung Quốc nên chiếm được sự tin cậy của thế lực nước ngoài kia, đồng thời là cựu chánh văn phòng của tập đoàn thép tấm, ông ấy được giới công nghiệp tin cậy. Ngoài ra, ông ấy sống ở Lamboing.

“Thế nghĩa là thế nào. Oskar?”

Von Schwendi mỉm cười giấu cợt: “Trước khi Schmied bị giết, đã bao giờ cậu nghe cái tên Lamboing chưa?”

"Chưa."

“Chính thế”, ngài nghị sĩ xác nhận. “Vì chẳng có ma nào biết tới Lamboing. Chúng tôi cần một địa điểm không ai biết để hội họp. Thôi, cậu có thể để cho Gastmann được yên rồi đấy. Ông ấy không thích va chạm với cảnh sát, cậu hiểu cho, ông ấy không ưa những cuộc khảo cung, những trò dò la tra hỏi vô tận của các cậu, cái đó dành cho bọn Luginbühl hay von Gunten nào đó thì được³⁷, nếu chúng lại gây chuyện rắc rối, chứ không thể đem áp dụng với một người từng từ chối không muốn được bầu vào Viện Hàn lâm Pháp. Mà nhân viên cảnh sát thành phố Bern các cậu cũng cư xử quả thật không được khôn khéo lắm, ai lại đi bắn chó lúc có người đang chơi nhạc Bach. Không phải là Gastmann thấy bị xúc phạm, với ông ấy thì tất cả chẳng là cái gì sất, cảnh sát các cậu có bắn sập nhà ông ấy thì ông ấy cũng chẳng thèm nhếch mép; nhưng làm phiền Gastmann bây giờ có nghĩa lý gì nữa đâu, vì đằng sau cái án mạng đó là những thế lực chẳng liên quan gì đến cả giới công nghiệp Thụy Sĩ chần chừ của chúng ta lẫn Gastmann.”

Vị chương lý đi đi lại lại trước cửa sổ. “Bây giờ chúng tôi phải đặc biệt hướng việc điều tra vào cuộc đời của Schmied”, ông tuyên bố. “Còn về vấn đề liên quan đến thế lực nước ngoài kia, chúng tôi sẽ thông báo cho Tổng Công tố Liên bang. Trên ấy đảm nhiệm vụ này ở phạm vi nào, tôi chưa thể nói trước, nhưng chắc họ sẽ giao phần việc chủ chốt cho chúng tôi. Tôi sẽ theo đề nghị của anh, giữ gìn cho Gastmann; dĩ nhiên chúng tôi không dă động đến chuyện khám nhà nữa. Nhưng nếu cần phải hỏi chuyện ông ấy, xin anh thu xếp cho tôi gặp ông ấy, và mong anh cũng có mặt trong các buổi đó. Như vậy tôi sẽ giải quyết thủ tục đối với Gastmann trong tinh thần thoải mái.

Trong trường hợp này, đó không phải là điều tra, mà chỉ là phần thủ tục trong khuôn khổ của cả cuộc điều tra mà thôi, và có thể chúng tôi phải thẩm vấn cả Gastmann, dù điều đó là vô nghĩa; nhưng đã điều tra thì phải hoàn chỉnh. Để thật nhẹ nhàng, ta sẽ trò chuyện về nghệ thuật và tôi sẽ không hỏi gì cả. Còn nếu buộc phải hỏi - cho đúng thủ tục - tôi sẽ cho anh biết trước câu hỏi”.

Ngài nghị sĩ cũng đứng dậy, bây giờ hai người đứng đối diện nhau. Ngài nghị sĩ vỗ vai vị chương lý.

“VẬY là thỏa thuận rồi nhé”, ông ta nói. “Cậu để cho Gastmann được yên, tôi tin lời cậu đấy. Tôi để tài liệu này lại đây; danh sách rất chính xác và đầy đủ. Cả đêm qua tôi phải điện đi khắp nơi, người ta xôn xao ghê lắm. Vì chẳng ai biết, nếu hay tin về vụ Schmied thì liệu phái đoàn ngoại quốc kia có còn muốn tiếp tục đàm phán nữa không. Hàng triệu đồng treo trên sợi tóc, đốc ạ, hàng triệu! Chúc cậu điều tra gặp nhiều may mắn. Cậu rất cần may mắn đấy.”

Dứt lời, von Schwendi lạch bạch bước ra.

CHƯƠNG 10

Trước khi Bärlach bước vào, tất nhiên không gõ cửa trước, Lutz còn vừa đủ thời gian để lướt qua danh sách của ngài nghị sĩ, rên lên vì các tên tuổi trong đó quá nổi tiếng, và buông nó rơi xuống, - trời ơi, mình đã lâm vào một vụ thật bất hạnh, ông ta thầm nghĩ.

Ông Già định đề xuất những thủ tục pháp lý để đến làm việc với Gastmann ở Lamboing, nhưng Lutz xin khất đến chiều. Bây giờ phải đi dự lễ tang, ông ta nói và đứng dậy.

Bärlach không phản đối và ra khỏi phòng cùng Lutz, ông này càng lúc càng thấy mình đã thiếu thận trọng khi hứa để Gastmann được yên, và lo sẽ bị Bärlach phản ứng gay gắt. Họ đứng trên đường, không nói năng gì, cả hai đều mặc măng-tô đen dựng cao cổ. Trời mưa, nhưng họ không giương ô cho đoạn đường mấy bước đến chỗ xe đậu. Blatter lái xe. Mưa lúc này xối như thác, đập chéo vào kính xe. Mỗi người ngồi bất động ở một góc. Bây giờ có lẽ mình phải nói cho ông ấy biết, Lutz nghĩ bụng và liếc nhìn gương mặt trông nghiêm bình thản của Bärlach. Ông Già để tay lên bụng như thường lệ.

“Ông đau à?”, Lutz hỏi.

“Đau suốt”, Bärlach đáp.

Cả hai lại im lặng, và Lutz tự nhủ: Đến chiều mình sẽ nói với ông ấy. Blatter lái chậm. Mưa to đến mức cảnh vật như chìm sau một bức tường trắng. Ô tô, tàu điện lặn ngụp trong những thác nước khủng khiếp đang ào ào trút xuống. Lutz không nhận ra họ đang ở đâu, không thể nhìn thấy gì bên ngoài qua kính xe túa nước. Trong xe mỗi lúc một tối. Lutz châm một điếu thuốc, thở khói, tự nhủ sẽ không để mình rơi vào một cuộc tranh luận với Ông Già về vụ Gastmann, và nói:

“Rồi báo chí sẽ đưa tin về vụ giết người này, không thể giấu mãi được”.

“Giấu thì ích gì? Mà ta đã phát hiện được một dấu vết”, Bärlach trả lời.

Lutz dập tắt điếu thuốc: “Giấu cũng chưa bao giờ ích gì.”

Bärlach im lặng, và Lutz tuy rất muốn tranh luận nhưng đành ngó qua kính xe. Mưa đỡ hơn. Họ đã tới đại lộ. Nghĩa trang Schoßhalden, một quần thể gạch đá xám xịt, dầm mưa, hiện ra sau những hàng cây loang loáng, Blatter lái xe vào sân, đỗ lại. Họ ra khỏi xe, giương ô, và sải bước giữa

những hàng mộ. Họ không cần tìm lâu. Những tấm bia mộ và các cây thập tự lùi dần, họ đã tới chỗ trông như một bãi xây dựng.

Mặt đất bị những lỗ huyết mới đào cày xới. Gỗ ngáng lát bên trên. Cái ẩm từ cỏ ướt thấm vào những đôi giày dính bết đất nhão. Giữa bãi, giữa những hố chôn còn bỏ trống bị nước mưa đọng thành từng vũng bắn dưới đáy, giữa những cây thập tự làm tạm bằng gỗ và những nấm đất phủ đầy hoa và vòng hoa đã sớm héo tàn, một đám người đứng quanh một nấm huyết.

Quan tài chưa hạ xuống, vị linh mục đang đọc kinh cầu nguyện, cạnh ông là người phu mộ trong bộ quần áo lao động kiểu đuôi tôm lỗ bịch, tay cầm chiếc ô che cho cả hai người và đứng đổi hết chân này sang chân kia vì lạnh.

Bärlach và Lutz dừng lại bên huyết. Ông Già nghe có tiếng khóc. Đó là bà Schönler, béo và xồ xề dưới làn mưa không ngớt này, và cạnh bà là Tschanz, không mang ô, áo đi mưa dựng cao cổ, đai lưng rủ xuống, một chiếc mũ đen cứng ngắc trên đầu. Một cô gái đứng bên anh, nhợt nhạt, đầu không mũ, mái tóc vàng rũ xuống thành từng lọn ướt, đó là Anna, đúng như Bärlach bất giác nghĩ thầm. Tschanz nghiêng mình, Lutz gật đầu chào, ông thanh tra không thay đổi nét mặt. Ông nhìn sang những người khác đang đứng quanh huyết, toàn là nhân viên cảnh sát, tất cả đều mặc thường phục, tất cả đều khoác áo đi mưa như nhau, đội mũ cứng màu đen như nhau, tay cầm ô như cầm gươm, những kẻ gác nghĩa địa lạ lùng, như được phù phép từ một nơi nào đó đến đây, nghiêm chỉnh đến độ phi lý. Và sau lưng họ là đội nhạc của thành phố bị lừa vội tới, xếp hàng lô nhô, đồng phục đỏ đen, cố sức che những nhạc cụ màu vàng dưới áo mưa. Họ đứng quanh chiếc quan tài; nó nằm đó, một chiếc hòm gỗ, không vòng hoa, không hoa, nhưng vẫn là vật ấm áp, bình yên duy nhất trong làn mưa không ngớt này, làn mưa đều đều trút xuống, mỗi lúc một nhiều hơn, bất tận hơn. Vị linh mục đã ngừng từ lâu.

Không ai để ý. Chỉ có mưa, chỉ nghe tiếng mưa. Vị linh mục húng hắng ho. Một lần. Rồi nhiều lần. Rồi những kèn tuba, kèn trombone, kèn cor, kèn trompette, kèn fagott cất lên, kiêu hãnh và trang trọng, lóe vàng trong thủy triều mưa; nhưng rồi cả chúng cũng lịm xuống, tắt dần, bỏ cuộc. Mọi người rúc vào dưới ô, dưới áo khoác. Mưa càng ngày càng to. Giày ngập trong bùn.

Nước tuôn như suối vào lỗ huyết rỗng. Lutz nghiêng mình và bước lên. Ông đưa mắt nhìn cổ quan tài ướt đẫm rồi lại nghiêng mình lần nữa.

“Thưa các bạn”, từ đâu đó trong mưa tiếng ông cất lên, gần như lọt thỏm trong màn nước: “Thưa các bạn, đồng đội Schmied của chúng ta không còn nữa.”

Đến đây, một giọng hát hoang dại rú lên cắt ngang lời ông:

“Quý tử tên

quý tử tên

quý tử tập toàn dân tau tiếng”³⁸

Hai gã đàn ông mặc áo đuôi tôm ngật ngưỡng tiến vào nghĩa trang. Không ô, không áo khoác, trần mình trong mưa. Áo quần dính bết vào người. Cả hai đều đội mũ chóp cao, nước mưa từ mũ chảy dài xuống mặt. Họ khiêng một vòng nguyệt quế khổng lồ màu xanh, dải băng dính trên đó rủ xuống, lê trên mặt đất.

Đó là hai gã đàn ông lực lưỡng, hung tợn, những tay đồ tể trong trang phục đuôi tôm, say bí tỉ, luôn chực ngã, nhưng không lúc nào cả hai cùng vấp nên vẫn giữ được vòng nguyệt quế ở giữa, như một chiếc tàu gặp nạn, dập dềnh lên xuống ngoài khơi. Lúc này cả hai lại hòa giọng hát một bài khác:

“Tà tử cố xây chỗ chùi chề

tà tử cố xây, tà chùi sỗ

tà tử cố xây cố ngay thành hù

tà tử cố xây, tà chùi sỗ”³⁹

Hai gã lao về phía nhóm người dự lễ tang, đâm bổ vào họ, xen vào giữa bà Schönler và Tschanz mà không bị ai ngăn lại vì tất cả đều đứng ngây ra, rồi cả hai lại lao đảo bổ đi, đập lên cỏ ướt, dìu lẫn nhau, ôm lẫn nhau, bổ chững trên những nắm cỏ và xô đẩy các cây thập tự trong cơn say hoành tráng. Tiếng hai gã hát tắt lịm trong mưa, rồi tất cả lại bị làn mưa che phủ.

“Mọi thứ rồi sẽ qua

sẽ qua rồi mọi thứ”

là câu cuối cùng vọng lại. Chỉ còn vòng nguyệt quế nằm đó, vút trên chiếc quan tài, và trên dải băng dơ dáy là dòng chữ nhòe mực đen: “Kính viếng hương hồn tiến sĩ Prantl quý mến”. Nhưng khi mọi người đứng quanh huyết vừa kịp hoàn hồn và định tỏ thái độ bất bình với sự việc vừa xảy ra,

và khi đội nhạc của thành phố lại bắt đầu tuyệt vọng tấu lên để cứu vãn không khí long trọng, thì mưa dâng thành một trận bão, quật vào những cây thanh tùng, khiến tất cả đều bỏ chạy khỏi hố chôn, chỉ còn đám phu mộ ở lại, như những bù nhìn đuổi chim, đen sì trong tiếng gào của gió, trong ào ào mưa dội, cố hạ cho xong chiếc quan tài xuống huyệt.

CHƯƠNG 11

Khi Bärlach và Lutz đã ngồi trong xe và Blatter lái vào đại lộ, len qua những nhân viên cảnh sát và nhạc công thành phố đang chạy mưa, ông tiến sĩ mới được dịp xả cơn tức giận:

"Lão Gastmann này thật quá quắt", ông ta kêu lên.

"Cái gì? Tôi không hiểu", Ông Già nói.

"Schmied dùng cái tên Prantl khi lui tới nhà Gastmann."

"VẬY ĐÓ LÀ MỘT LỜI CẢNH CÁO", Bärlach trả lời, nhưng không hỏi gì thêm. Họ chạy về khu học đường Muristalden, nơi Lutz ở. Bây giờ thực ra đúng là lúc nên trao đổi với Ông Già về chuyện Gastmann và kết luận là phải để cho nhân vật đó được yên, Lutz nghĩ vậy, nhưng ông ta im lặng. Tới Burgernziel, ông ta xuống xe, Bärlach còn lại một mình.

"Ông thanh tra, tôi có cần chờ ông vào thành phố không?", viên cảnh sát ngồi sau tay lái hỏi.

"Không cần, Blatter, cậu chở tôi về nhà."

Bây giờ Blatter lái nhanh hơn. Mưa đã ngớt; tới Muristalden, Bärlach đột nhiên tắm trong ánh nắng chói chang giây lát: Mặt trời ló khỏi mây, biến mất, rồi lại ló ra trong trò săn đuổi của lớp mù và các đụn mây, những quái dạng khổng lồ, ào ào kéo từ phía tây về, ùn lại quanh các đỉnh núi, ném những bóng râm dữ dằn xuống cái thành phố ven sông, một cơ thể nhu nhược, nằm tủa giữa những khu rừng và triền đồi. Bàn tay mệt mỏi của Bärlach vuốt chiếc măng-tô ướt, khoe mắt lóe lên, ông háo hức nhìn như nuốt lấy quang cảnh ấy: Trái đất thật là đẹp. Blatter dừng xe. Bärlach cảm ơn và ra khỏi chiếc xe công vụ. Trời không mưa nữa, chỉ còn gió, cái gió ẩm ướt lạnh lẽo.

Ông Già đứng lại, đợi Blatter quay xe, chào lần nữa, tới khi anh lái xe đi khỏi. Đoạn ông bước tới bờ sông Aare.

Nước sông dâng cao, nhuộm màu nâu xỉn. Một chiếc xe đẩy trẻ em cũ gỉ, cành cây, một cây thông nhỏ, rồi một chiếc thuyền giấy chòng chành trôi lại, Bärlach ngắm dòng sông hồi lâu. Ông rất yêu con sông này.

Rồi ông đi qua vườn vào nhà.

Bärlach thay giày khác rồi mới bước vào phòng, nhưng ông dừng lại trên bậc cửa. Một người đàn ông ngồi sau bàn làm việc của ông và đang lật xem cặp tài liệu của Schmied. Tay phải của y nghịch con dao Thổ Nhĩ Kỳ.

“Hóa ra là cậu”, Ông Già nói.

“Phải, chính tôi”, người kia đáp.

Bärlach đóng cửa và tới ngồi xuống chiếc ghế tựa đối diện bàn làm việc. Ông lặng lẽ nhìn người kia, y bình thản xem tiếp tập hồ sơ của Schmied, dung mạo gần như một lão nông, điềm tĩnh và kín đáo, trông mắt sâu trên gương mặt tròn nhưng xương xấu và mái tóc cắt ngắn.

“Bây giờ cậu lấy tên là Gastmann”, cuối cùng Ông Già lên tiếng.

Người kia rút ra một chiếc tẩu, nhồi thuốc, mắt vẫn không rời Bärlach, châm lửa, rồi trả lời, ngón tay trở gõ gõ vào cặp hồ sơ của Schmied.

“Cái đó thì ít lâu nay cậu biết rõ rồi. Cậu đã xua thẳng nhỏ đến ám tôi, những thông tin này từ cậu mà ra.”

Rồi y đóng cặp hồ sơ lại. Bärlach nhìn lên mặt bàn, khẩu súng ngắn của ông vẫn nằm đó, báng súng quay về phía ông, chỉ cần với tay là nắm được; rồi ông nói:

“Tôi chẳng bao giờ ngừng theo dõi cậu đâu. Rồi sẽ có lần tôi chứng minh được những tội ác của cậu.”

“Thế thì cậu phải gấp lên, Bärlach”, người kia đáp.

“Cậu không còn nhiều thời gian đâu. Các bác sĩ hạn cho cậu một năm nữa, nếu bây giờ cậu chịu đi mổ.”

“Cậu nói đúng”, Ông Già bảo. “Còn một năm nữa thôi. Mà bây giờ thì tôi không thể đi mổ, tôi phải chịu trận. Đây là cơ hội cuối cùng của tôi.”

“Cơ hội cuối cùng”, người kia xác nhận, rồi họ lại im lặng, im lặng vô tận, họ ngồi đó và lặng im.

“Hơn bốn chục năm rồi”, người kia lại bắt đầu lên tiếng, “kể từ lần đầu tiên chúng ta gặp nhau trong một cái tiệm Do Thái tồi tàn bên eo biển Bosphorus. Tôi còn nhớ rõ, hôm ấy có một vàng trắng vàng bệch méo mó như miếng pho-mát Thụy Sĩ treo giữa những đám mây và rơi qua những thanh xà nhà mục nát xuống đầu chúng ta. Cậu, Bärlach, ngày đó là một chuyên viên hình sự Thụy Sĩ trẻ tuổi, được phái sang làm việc cho Thổ Nhĩ Kỳ để cải cách một cái gì đó; còn tôi - ừ, tôi là một tay phiêu lưu lang bạt như bây giờ vẫn thế, khao khát nếm trải cuộc đời độc nhất vô nhị của mình và cái hành tinh bí hiểm và cũng độc nhất vô nhị này.

Ngồi trước mặt nhau, giữa đám Do Thái mặc áo caftan và bọn Hy Lạp bán thịt, chúng ta đã mê nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên. Nhưng tới khi mấy thứ rượu quý quái ta uống hôm đó, thứ nước ngọt lên men làm từ quả chà là loại gì bố ai biết, và cái biển rượu cay nồng cất từ những cánh đồng lúa

mạch xa lạ quanh vùng Odessa mà ta dốc vào hòng ấy, khi nó bắt đầu hoành hành trong người, khiến mắt ta lóe lên như than hồng trong trời đêm Thổ Nhĩ Kỳ thì câu chuyện của hai ta thành gay gắt. Ôi, tôi rất thích nhớ lại giờ phút ấy, cái giờ phút quyết định cuộc đời cậu và cuộc đời tôi!”

Y cười.

Ông Già ngồi và lặng thinh nhìn y.

“Cậu còn được sống thêm một năm nữa”, y tiếp tục, “và bốn mươi năm nay cậu bền bỉ theo dõi tôi.

Đó là bản quyết toán. Bärlach, hồi ấy chúng ta đã tranh luận gì trong không khí mốc meo của tiệm rượu ở quận Tophane ngoại ô nồng nặc khói thuốc lá Thổ Nhĩ Kỳ ấy nhỉ? Luận đề của cậu thế này: Nguyên nhân khiến phần lớn các tội phạm nhất thiết phải bị phơi trần là sự không hoàn hảo của con người, là việc chúng ta chẳng bao giờ đoán chắc được hành động của người khác, và hơn nữa, không thể lường trước ngẫu nhiên, là yếu tố thọc vào mọi sự. Cậu cho phạm tội là ngu xuẩn, vì thao tác với con người như với quân cờ là điều bất khả. Còn tôi, trái lại, đưa ra luận đề - cốt để phản bác chứ không phải do xác tín - là chính sự hỗn độn trong các quan hệ giữa người với người đã tạo điều kiện cho những tội ác không thể khám phá nổi, và chính vì lý do ấy mà đại đa số tội phạm chẳng những không bị truy cứu mà còn không ai ngờ đến, như chỉ xảy ra trong vòng bí mật. Say trong chất men thiêu đốt của rượu mạnh do lão chủ quán người Do Thái chuốc, và còn say hơn trong tuổi trẻ, ta tranh cãi tiếp, rồi hăng máu lên, ta đánh cuộc, khi trăng vừa lặn trên bán đảo Tiểu Á gần đó, một vụ cuộc mà ta ương ngạnh treo lên nền trời, cũng ương ngạnh như khi ta không tìm được mình, kể một chuyện tiểu lâm táo tợn, dù nó nhạo báng thánh thần, chỉ vì ta thích thú điểm nút của nó, như sự cảm dỗ trí tuệ của quý sứ, do bản thân trí tuệ gây ra.”

“Cậu nói đúng”, Ông Già bình thản nói, “hồi đó quả là ta đã đánh cuộc như vậy.”

“Sáng hôm sau”, người kia cười, “lúc tỉnh dậy trong tiệm rượu buồn thiu, đầu nặng trĩu, cậu thì ở trên một chiếc ghế dài một ruồng, tôi dưới một chiếc bàn còn đắm rượu, cậu không nghĩ rằng tôi vẫn giữ lời cuộc.”

“Tôi không nghĩ là một con người lại có khả năng giữ lời cuộc đó”, Bärlach đáp.

Họ im lặng.

“Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ”, người kia lại lên tiếng. “Cái bản chất nghiêm chỉnh của cậu chẳng bao giờ lâm vào nguy cơ bị cám dỗ. Nhưng chính nó lại cám dỗ tôi. Tôi đã giữ lời cuộc tảo bạo là sẽ phạm một tội ác ngay trước mắt cậu mà cậu vẫn không thể chứng minh.”

“Ba ngày sau”, Ông Già khẽ nói và chìm vào hồi ức, “lúc chúng ta cùng đi với một thương gia Đức lên cầu Mahmud, cậu đã xô anh ấy xuống nước ngay trước mắt tôi.”

“Anh chàng tội nghiệp không biết bơi, và cả cậu cũng chẳng điều luyện gì trong cái nghệ thuật đó, đến nỗi sau phen cứu nạn không thành thì cậu suýt chết đuối, mọi người phải kéo cậu từ những ngọn sóng bắn thui của vịnh Sừng Vàng lên bờ”, người kia không mấy may xúc động nói tiếp. “Án mạng xảy ra trong một ngày mùa hạ rực rỡ ở Thổ Nhĩ Kỳ, có gió diu diu từ biển thổi về, trên một chiếc cầu náo nhiệt giữa thanh thiên bạch nhật, giữa những cặp tình nhân của cái thuộc địa châu Âu ấy⁴⁰, giữa những người Hồi giáo và đám ăn mày địa phương, thế mà cậu vẫn không chứng minh được điều gì để kết tội tôi. Cậu cho bắt tôi, vô ích. Những cuộc khảo cung hàng tiếng đồng hồ, vô tích sự. Tòa án tin vào giả thuyết của tôi, cho đó là vụ tự tử của anh chàng thương gia.”

“Cậu đã đưa ra được bằng chứng là anh ta đang đứng trước nguy cơ phá sản và đã định dùng một thủ đoạn lừa đảo hòng thoát thân”, Ông Già cay đắng thừa nhận, mặt nhợt hơn thường lệ.

“Tôi chọn nạn nhân của mình kỹ lắm, bạn ạ”, người kia cười.

“Thế là cậu trở thành một kẻ tội phạm”, ông thanh tra đáp.

Người kia lơ đãng nghịch con dao Thổ.

“Thì tôi có chối rằng mình là một cái gì đại loại như tội phạm đâu”, mãi sau y mới uể oải nói. “Tôi thành một kẻ tội phạm ngày càng tài tình, và cậu thành một nhà điều tra ngày càng giỏi giang: nhưng tôi luôn đi trước cậu một bước, chẳng bao giờ cậu đuổi kịp. Tôi luôn xuất hiện trên con đường sự nghiệp của cậu, như một bóng ma xám, luôn khao khát thực hiện những tội ác táo tợn hơn, dữ dằn hơn, báng bố hơn, ngay trước mũi cậu, và cậu vẫn luôn bất lực không chứng minh được những hành động của tôi. Cậu có thể thắng những thằng ngu, nhưng tôi đã đánh bại cậu.”

Y nói tiếp, chăm chú và như thể khoái chí quan sát Ông Già. “Chúng ta đã sống như vậy đó. Cậu thì sống một cuộc đời dưới trướng cấp trên, trong những đồn cảnh sát và phòng làm việc mồm meo của cậu, ngoan ngoãn leo

từng bậc lên các nấc thang đo những thành tích khiêm nhường, hao công tổn sức với bọn kẻ cắp và lũ lừa đảo, với những thằng cha khốn khổ chưa bao giờ được sống cho ra hồn, và may ra thì với mấy tên giết người vớ vẩn; tôi, trái lại, lúc thì nấu mình trong bóng tối, trong chốn mịt mù của những đô thành đã mất, lúc lại hiện ra trong ánh hào quang của những cương vị chói ngời, ngực đầy huân chương, bốc lên thì làm điều thiện nếu khoái, và nổi hứng kiểu khác thì chơi điều ác. Thế mới là phiêu lưu kỳ thú! Cậu khao khát hủy diệt cuộc đời tôi, và tôi khao khát giữ vững cuộc đời mình để thách thức cậu. Đúng là một đêm duy nhất đã vĩnh viễn gắn chặt hai ta vào nhau!".

Gã đàn ông đứng sau bàn làm việc của Bärlach vỗ tay, chỉ một tiếng vỗ, tàn nhẫn. "Giờ đây chúng ta đã bước vào chặng cuối cuộc đời", y thốt lên. "Cậu, nửa đường đứt gánh, đã trở về thành phố Bern của cậu, cái thành phố ngái ngủ, tầm thường mà người ta thực ra chẳng bao giờ biết rõ nó có bao nhiêu phần chết chóc và bao nhiêu phần sinh khí, còn tôi thì về Lamboing, cũng chỉ vì một cơn hứng: Con người ta vốn thích tròn trặn, và ở cái làng chẳng ma nào thèm ngó ấy có một mù đàn bà nào đó đã mục xương từ lâu sinh tôi ra mà chả thèm nghĩ ngợi lâu la và lại thừa vô nghĩa, thế nên lúc mười ba tuổi tôi đã bỏ làng trốn đi trong một đêm mưa. Vậy là bây giờ chúng ta lại về đây. Bỏ cuộc đi, bạn ạ, chẳng còn nghĩa lý gì. Tử thần chẳng đợi".

Rồi bằng một cử động gần như không đụng tay, y ném phập con dao vào lưng chiếc ghế tựa, sượt chính xác qua má Bärlach. Ông Già không nhúc nhích.

Người kia cười:

"Thế ra bây giờ cậu nghĩ rằng tôi giết Schmied?"

"Tôi có nhiệm vụ điều tra vụ này", ông thanh tra trả lời.

Người kia đứng dậy và cầm tập hồ sơ.

"Tôi mang cái này về."

"Rồi sẽ có lần tôi chứng minh được các tội ác của cậu", Bärlach nhắc lại lần thứ hai. "Và đây là cơ hội cuối cùng."

"Trong tập hồ sơ này có những bằng chứng duy nhất, tuy rất ít ỏi, do Schmied thu thập cho cậu ở Lamboing. Không có nó thì cậu cũng đi tong. Cậu không giữ bản sao, hay bản chụp, tôi biết cậu lắm."

"Đúng", Ông Già thừa nhận, "tôi không chứa những của ấy."

"Cậu không định dùng súng để ngăn tôi lại à?", người kia giễu cợt hỏi.

“Cậu đã tháo đạn ra rồi”, Bärlach bất động trả lời.

“Chính thế”, người kia nói, và vỗ vai ông. Rồi y đi ngang qua Ông Già, cửa mở ra, đóng lại, rồi một cửa nữa ở ngoài. Bärlach vẫn ngồi nguyên trên ghế, má áp vào lưới sắt lạnh của con dao. Nhưng đột nhiên, ông vồ lấy khẩu súng và kiểm tra. Súng vẫn nạp đạn. Ông chồm dậy, lao ra hành lang, rồi ra cửa ngoài; ông mở toang cửa, tay nắm chặt vũ khí:

Đường vắng tanh.

Rồi cơn đau ập đến, khủng khiếp, điên cuồng, nhức nhối, một vầng mặt trời mọc lên trong ông, quật ông gục xuống, vò xé, hun đốt, lắc đảo. Ông Già bò lê bò càng như một con thú, vật vã dưới đất, lăn lộn trên thảm trải nhà, rồi bất lại ở một xó nào đó trong phòng, giữa những chiếc ghế, người vã đầy mồ hôi lạnh. “Con người là cái thứ gì?”, ông khẽ rên, “con người là cái thứ gì?”.

CHƯƠNG 12

Vậy mà ông gượng dậy được. Sau cơn đau, ông thấy người đỡ hơn, lâu lắm rồi mới được hết hẳn đau như thế. Ông chỉ uống rượu vang hâm nóng, từng ngụm nhỏ, thận trọng, ngoài ra không ăn gì. Nhưng ông không chịu bỏ thói quen đi con đường quen thuộc xuyên qua thành phố, qua công viên Cung Liên bang, tuy còn chưa tỉnh hẳn nhưng mỗi bước giữa không khí trong lành khiến ông khoan khoái. Lát sau ông đã ngồi đối diện Lutz tại trụ sở, Lutz không nhận thấy gì hết, có lẽ ông ta quá bận bịu với lương tâm đang cắn rứt của mình nên không còn tâm trí nào cho điều gì khác. Ông ta quyết hướng Bärlach vào cuộc hội ý vừa rồi với von Schwendi, ngay chiều nay chứ không chờ đến tối, và để thực hiện ý định ấy, ông ta cũng chuẩn bị sẵn một tư thế lạnh lùng, sự vụ, ngực ưỡn ra như viên tướng trong bức tranh của Traffelet trên tường, rồi dùng thứ ngôn ngữ điện tín nhanh gọn thông báo cho Bärlach biết tình hình. Nhưng ông ta ngạc nhiên tốt độ thấy ông thanh tra không hề phản đối, Bärlach hoàn toàn đồng ý và cho tốt hơn cả là chờ quyết định của Chính phủ Liên bang, còn lại sẽ chủ yếu tập trung điều tra về cuộc đời của Schmied. Lutz ngạc nhiên đến nỗi ông ta bỏ phắt cả tư thế vừa rồi và trở nên khá thân mật, cởi mở.

“Tất nhiên tôi đã tìm hiểu về Gastmann”, ông ta nói, “và đã biết quá đủ để tin chắc rằng ông ấy không thể là kẻ giết người.”

“Dĩ nhiên”, Ông Già đáp.

Lúc trưa Lutz vừa nhận được một số thông tin từ Biel, bây giờ ông ta ra vẻ là người nắm vững:

“Gastmann xuất thân từ Pockau ở Sachsen, là con của một đại gia chuyên buôn bán đồ da, lúc đầu mang quốc tịch Argentina, làm phái viên nước này tại Trung Quốc - chắc ông ấy đã di cư sang Nam Mỹ từ thời còn thanh niên - rồi sau lấy quốc tịch Pháp, thường xuyên đi xa. Ông ấy được tặng Bắc đẩu Bội tinh và nổi tiếng vì những công trình nghiên cứu sinh học. Điển hình cho tính cách của ông ấy là khước từ không gia nhập Viện Hàn lâm Pháp. Cái đó gây cho tôi ấn tượng mạnh.”

“Một nét thú vị”, Bärlach nói.

“Ta sẽ điều tra thêm về hai người phục vụ cho ông ấy. Họ có hộ chiếu Pháp, nhưng hình như là người vùng Emmental. Ông ấy đã dùng hai tay đó cho trò đùa quái ác giữa lễ tang.”

“Đó là kiểu đùa của Gastmann thì phải”, Ông Già nói.

“Chắc ông ấy quá tức về chuyện con chó bị bắn chết. Nhưng đối với chúng ta, vụ Schmied trước hết là đáng bực mình. Ta đã hoàn toàn đi chệch hướng. May cho chúng ta, tôi là bạn của von Schwendi. Gastmann là một nhân vật tầm cỡ quốc tế và được các doanh nhân Thụy Sĩ tin cậy.”

“Thế thì chắc ông ấy tốt thôi.”

“Con người ông ấy không cho phép ai hoài nghi.”

“Tuyệt đối không”, Ông Già gật đầu.

“Đáng tiếc là về Schmied thì chúng ta không thể khẳng định như vậy được nữa”, Lutz kết luận và xin điện thoại với Chính phủ Liên bang.

Nhưng trong lúc Lutz còn đợi bên máy, ông thanh tra đang sắp bước ra bỗng nói:

“Ông tiến sĩ, tôi muốn xin nghỉ ốm một tuần.”

“Được”, Lutz trả lời, tay bịt miệng ống nghe, vì ở đầu dây bên kia đã có người lên tiếng, “thứ Hai ông không phải đến!”

Tschanz đang đợi trong phòng làm việc của Bärlach và đứng dậy khi thấy ông vào. Anh tỏ vẻ bình thản, nhưng ông thanh tra nhận ra người nhân viên dưới quyền mình nôn nóng.

“Ta phải đến chỗ Gastmann”, Tschanz nói. “Gấp lắm rồi.”

“Đến chỗ nhà văn”, Ông Già trả lời và mặc áo khoác.

“Vòng vèo, toàn là vòng vèo”, Tschanz cúi kính làu bàu và theo Bärlach xuống cầu thang. Ông thanh tra đứng lại ở cửa:

“Sao cái xe Mercedes màu xanh của Schmied lại ở đây?”

Tschanz đáp, anh đã mua chiếc xe ấy với giá trả dần, thôi thì bây giờ nó cũng phải về tay một ai đó, và ngồi vào xe.

Bärlach ngồi cạnh anh, Tschanz lái qua quảng trường trước nhà ga về hướng Bethlehem. Bärlach càu nhàu:

“Cậu lại chạy đường qua Ins rồi.”

“Tôi thích đường này.”

Bärlach đưa mắt ngắm những cánh đồng quang.

Cảnh vật nhuộm trong ánh sáng tươi màu bình yên. Trên không, mặt trời dịu dàng, ấm áp, đã hơi chệch về chiều. Hai người cùng im lặng. Chỉ một lần, ở đoạn giữa Kerzers và Müntschemier, Tschanz lên tiếng:

“Bà Schönler bảo tôi là ông có đến phòng của Schmied lấy một cặp tài liệu.”

“Không liên quan gì đến công việc, Tschanz, chuyện riêng tư thôi.”

Tschanz không đáp, cũng không hỏi gì thêm, chỉ có điều Bärlach phải gõ vào mặt đồng hồ đo tốc độ đang chỉ tới con số một trăm hai mươi năm.

“Đừng lái nhanh thế, Tschanz, đừng lái nhanh thế. Không phải tôi sợ, nhưng cái dạ dày của tôi không được ổn. Tôi già rồi mà.”

CHƯƠNG 13

Nhà văn tiếp họ trong phòng làm việc. Đó là một căn phòng cổ, trần thấp, buộc hai người phải khom lưng như bị đeo ách lúc bước vào. Bên ngoài, con chó nhỏ mình trắng đầu đen vẫn ăng ăng, và đâu đó trong nhà có tiếng một đứa trẻ khóc. Nhà văn mặc quần yếm và áo khoác da nâu, ngồi trước một khung cửa sổ kiểu gothic. Ông xoay người lại trên ghế, hướng về hai vị khách vừa tới mà không rời chiếc bàn làm việc đầy ắp giấy má. Ông không đứng dậy, gần như không buồn chào, chỉ hỏi cảnh sát muốn gì ở ông. Bất lịch sự quá, Bärlach nghĩ, ông này không ưa cảnh sát; các nhà văn chẳng bao giờ ưa cảnh sát. Ông Già quyết định sẽ thận trọng, Tschanz cũng không thích thú gì toàn bộ việc này. Cả hai đều tự nhủ, tuyệt đối không để mình thành đối tượng quan sát, nếu không sẽ có cơ biến thành nhân vật cho một cuốn sách. Đáp lại cử chỉ giơ tay mời của nhà văn, họ ngồi vào mấy chiếc ghế tựa mềm và ngõ ngàng nhận ra mình rơi đúng vào luồng ánh sáng từ phía chiếc cửa sổ nhỏ, nhưng họ lại gần như không nhìn được mặt của nhà văn trong căn phòng thấp, tường xanh, với vô số sách vở, ánh sáng ngược thật oái ăm.

“Chúng tôi đến vì vụ Schmied”, Ông Già mở đầu, “người vừa bị giết ở Twann.”

“Tôi biết, vì vụ tiến sĩ Prantl, người đã theo dõi Gastmann”, cái hình khối màu tối chiếm khoảng giữa hai nhân viên cảnh sát và khung cửa sổ lên tiếng đáp.

“Gastmann có kể cho tôi nghe”. Nhà văn châm một điếu thuốc, gương mặt sáng lên giây lát. Hai người kia còn kịp nhận thấy gương mặt ấy nhăn nhó cười cợt:

“Các ông cần bằng chứng ngoại phạm của tôi hả?”.

“Không”, Bärlach nói.

“Các ông không tin là tôi có thể thực hiện án mạng đó à?”, nhà văn hỏi, thất vọng ra mặt.

“Không”, Bärlach đáp cộc lốc. “Ông thì không.”

Nhà văn rên lên: “Thấy chưa, ở Thụy Sĩ các nhà văn bị đánh giá thấp đến kinh hoàng!”.

Ông Già cười: “Nếu ông thực sự muốn biết: Tất nhiên chúng tôi đã có bằng chứng ngoại phạm của ông. Trong đêm xảy ra án mạng, lúc mười hai

giờ rưỡi, ông đã gặp người gác rừng ở đoạn đường giữa Lamlingen và Schernelz rồi cùng đi với ông ấy về nhà.

Các ông cùng về một đường. Người gác rừng bảo, hôm đó ông có vẻ rất tếu.”

“Tôi biết. Tay cảnh sát làng Twann đã hai lần tra hỏi lão gác rừng về tôi. Và tra hỏi tất mọi người ở đây. Thậm chí cả bà mẹ vợ tôi nữa. Vậy tôi cũng đã được các ông tình nghi giết người đấy chứ”, nhà văn tự hào nhận định. “Thế cũng là một kiểu thành công của văn sĩ nhỉ!”. Và Bärlach thầm nghĩ, sĩ diện của nhà văn là muốn được coi trọng. Cả ba người đều im lặng và Tschanz cố hết sức, nhưng không nhìn được vào mặt nhà văn vì ngược sáng.

“Vậy các ông còn muốn gì nữa?”, cuối cùng nhà văn cầu nhàu.

“Ông thường hay quan hệ với Gastmann phải không?”

“Khảo cung đấy à?”, hình khối màu tối kia hỏi và càng nhích ra chắn trước cửa sổ. “Bây giờ tôi không có thời gian.”

“Ông đừng làm khó như thế”, ông thanh tra nói, “chúng ta chỉ trò chuyện đôi chút”. Nhà văn ậm ừ trong miệng. Bärlach tiếp: “Ông thường hay quan hệ với Gastmann phải không?”

“Thỉnh thoảng.”

“Vì sao?”

Ông Già chuẩn bị chờ một câu trả lời độc địa, nhưng nhà văn chỉ cười, phả từng đụn khói thuốc vào mặt hai vị khách, và nói:

“Tay Gastmann này là một con người thú vị, ông thanh tra ạ, người như thế hấp dẫn các văn sĩ như mật hút ruồi. Ông biết không, tay ấy nấu ăn rất giỏi, tuyệt vời luôn.”

Và nhà văn bắt đầu kể về nghệ thuật nấu ăn của Gastmann, miêu tả hết món này đến món khác. Hai người lắng nghe năm phút, rồi lại năm phút nữa, nhưng tới khi nhà văn đã diễn thuyết mười lăm phút liền về nghệ thuật nấu ăn của Gastmann, không có gì khác ngoài nghệ thuật nấu ăn của Gastmann, thì Tschanz đứng dậy nói rằng, đáng tiếc họ tới đây không phải vì chuyện nghệ thuật nấu ăn; nhưng Bärlach phản đối, ông tươi tỉnh hẳn, chuyện ẩm thực rất hấp dẫn, và bây giờ ông cũng vào cuộc. Ông Già như sống lại, và về phần mình, ông kể chuyện nghệ thuật nấu ăn của Thổ Nhĩ Kỳ, của Rumani, của Bulgari, Nam Tư, Tiệp Khắc; hai bên tung ra các món sơn hào hải vị như chuyền bóng cho nhau. Tschanz vã cả mồ hôi và rửa thơm. Không làm cách nào kéo cả hai ra khỏi nghệ thuật ẩm thực được nữa,

nhưng cuối cùng, sau ba phần tư giờ đồng hồ, họ dừng lại, hoàn toàn kiệt sức, như sau một bữa đại tiệc. Nhà văn châm một điếu thuốc. Yên lặng. Đứa trẻ ở phòng bên lại khóc.

Dưới nhà, con chó lại sủa. Tschanz bỗng hỏi đập vào khoảng trống:

“Thế Gastmann có giết Schmied không?”

Câu hỏi thô thiển. Ông Già lắc đầu, và cái hình khối màu tối trước mặt họ nói: “Anh đúng là được ăn cả, ngã về không”.

“Tôi đề nghị trả lời”, Tschanz cương quyết nói và nhòai người ra đằng trước, nhưng gương mặt nhà văn vẫn bị che khuất như cũ.

Bärlach tò mò muốn biết người được hỏi sẽ trả lời ra sao.

Nhà văn vẫn bình thản.

“Anh chàng nhân viên cảnh sát đó bị giết vào lúc nào?”, nhà văn hỏi.

Trước nửa đêm một chút, Tschanz đáp.

Liệu những định luật của phép logic có hiệu lực với cả cảnh sát hay không, tất nhiên ông không biết, nhà văn đáp, và ông cũng rất hoài nghi điều đó, nhưng vì lúc mười hai giờ rưỡi ông có gặp lão gác rừng ở đoạn đường đi Schernelz, như cảnh sát đã siêng năng xác định được, nghĩa là trước đó không đầy mười phút chắc ông còn bận chia tay với Gastmann, nên hiển nhiên Gastmann khó có thể là kẻ giết người.

Tschanz muốn biết thêm là lúc đó có còn những người khách khác ở nhà Gastmann không.

Nhà văn cho biết là không còn ai.

“Schmied có ra về cùng mọi người không?”

“Tiến sĩ Prantl thường ra về trước người cuối cùng”, nhà văn trả lời, không giấu vẻ giễu cợt.

“Còn người cuối cùng?”

“Là tôi.”

Tschanz không chịu buông: “Hai tay phục vụ có ở đó không?”

“Cái đó tôi không biết.”

Tschanz muốn biết vì sao nhà văn lại không thể trả lời rõ.

Câu trả lời đã đủ rõ, nhà văn bộp chát. Chẳng bao giờ ông buồn để ý đến đám đầy tớ loại đó.

Thế Gastmann là người tốt hay người xấu, Tschanz tuyệt vọng hỏi và không ý tứ gì nữa, khiến ông thanh tra như ngồi trên đồng lửa. Bọn ta mà không bị đưa vào cuốn tiểu thuyết sắp tới thì đúng là một phép lạ, ông nghĩ bụng.

Nhà văn thở cả một đụn khói vào mặt Tschanz, khiến anh bật ho, trong phòng cũng yên lặng hồi lâu, không nghe cả tiếng đứa trẻ khóc.

"Gastmann là người xấu", mãi sau nhà văn mới đáp.

"Thế mà ông vẫn thường xuyên đến thăm hă, chỉ vì hă nấu ăn giỏi à?", Tschanz bất bình hỏi sau một cơn ho mới.

"Phải, chỉ vì thế."

"Tôi không hiểu nổi."

Nhà văn cười. Ông cũng là một dạng cảnh sát mà, ông nói, nhưng không quyền hành, không nhà nước, không luật pháp và không nhà tù chống lưng. Nghề của ông cũng là nghề nhòm vào chân tơ kẽ tóc con người.

Tschanz lúng túng im lặng, và Bärlach nói: "Tôi hiểu", rồi một lúc sau, khi mặt trời đã khuất sau cửa sổ, ông nói tiếp: "Vì quá nhiệt tình bỗng bột nên Tschanz, cậu nhân viên của tôi, bây giờ đã đẩy chúng tôi vào một ngõ cụt, không trầy da tróc vẩy đôi chút thì có lẽ tôi khó lòng thoát ra. Nhưng tuổi trẻ cũng có cái hay của nó, ta hãy tận dụng lợi thế được một con bò đực lông lên mở đường. (Nghe ông thanh tra nói những lời này, Tschanz đỏ mặt tức tối). Ta hãy bám lấy những câu hỏi và câu trả lời đăng nào cũng buột ra rồi, thôi thì nhân danh Chúa. Ta hãy tóm lấy cái cơ hội này. Ông nghĩ thế nào, thưa ông? Gastmann có khả năng là kẻ giết người không?".

Nhà văn không buồn bật đèn, dù trong phòng đã tối hă. Ông đến ngồi ngay ở ngạch cửa sổ, khiến hai viên cảnh sát như bị cầm tù trong hang.

"Tôi cho rằng Gastmann đủ khả năng thực hiện mọi tội ác", giọng nói có phần giáo hoạt tàn nhẫn cất lên từ phía cửa sổ. "Nhưng tôi tin chắc Gastmann không thực hiện vụ giết Schmied."

"Ông hiểu Gastmann", Bärlach nói.

"Tôi có một hình dung về ông ta."

"Ông có hình dung của ông về ông ta", Bärlach lạnh lùng sửa lời cho cái hình khối màu tối trong khung cửa sổ trước mặt họ.

"Ông ta hấp dẫn tôi không hă vì nghệ thuật nấu ăn, mặc dù ngoài nó ra thì tôi khó hào hứng với điều gì khác nữa, mà là vì cái khả năng của một người thực sự hư vô", nhà văn nói. "Thật là mê hồn khi được chứng kiến một khái niệm hiển hiện trong hiện thực."

"Trước hết, thật là mê hồn khi được nghe một nhà văn", ông thanh tra khô khan bình luận.

“Có thể Gastmann đã làm nhiều điều Thiện hơn cả ba chúng ta gộp lại, cả ba chúng ta đây trong gian phòng xiêu vẹo này”, nhà văn nói tiếp. “Sở dĩ tôi bảo ông ta là người xấu, vì ông ta có làm điều Thiện thì cũng từ một cơ hứng, một ý tưởng bất chợt, hết như khi làm điều Ác, mà tôi tin là ông ta thừa sức làm điều Ác. Ông ta sẽ chẳng bao giờ làm điều Ác hòng đoạt được một cái gì đó như những kẻ tội phạm khác, để có tiền chẳng hạn, hay chinh phục một người đàn bà, hay gia tăng quyền lực; không, ông ta sẽ làm điều Ác khi việc đó vô nghĩa, có lẽ vậy, vì ở ông ta, hai điều đó đều khả thi như nhau, điều Ác và điều Thiện, và yếu tố ngẫu nhiên sẽ định đoạt.”

“Ông suy luận, như thế trong môn toán”, Ông Già đáp.

“Đấy cũng là toán học”, nhà văn trả lời. “Người ta có thể chế ra phiên bản Ác của chính mình như chế một hình kỷ hà là đối xứng của một hình khác, và tôi tin là ở đâu đó cũng có một phiên bản người như thế, biết đâu ông sẽ gặp. Gặp một là gặp cả hai, cả bản gốc lẫn phiên bản.”

“Nghe cứ như một cương lĩnh”, Ông Già nói.

“Thì cũng là cương lĩnh chứ sao”, nhà văn đáp.

“Tôi hình dung phiên bản đối xứng của Gastmann có thể là một kẻ tội phạm, vì cái Ác thể hiện triết lý của hắn, luân lý của hắn, hắn làm điều Ác cũng cuồng nhiệt như một kẻ khác làm điều Thiện vì xác tín.”

Ông thanh tra cho rằng bây giờ nên trở lại với Gastmann, chuyện đó ông thấy sát sườn hơn.

“Tùy ông”, nhà văn nói, “ừ thì trở lại với Gastmann, thưa ông thanh tra, trở lại với cực này của cái Ác. Với Gastmann, cái Ác không phải là biểu hiện của một triết lý hay một thôi thúc, mà nó biểu hiện tự do của ông ấy: tự do của hư vô.”

“Tôi không thêm bỏ ra một xu cho loại tự do ấy”, Ông Già trả lời.

“Ông cũng chẳng nên mất xu nào cho nó”, nhà văn nói. “Nhưng người ta có thể bỏ ra cả đời để nghiên cứu con người đó và cái tự do đó của hắn.”

“Nghiên cứu cuộc đời hắn”, Ông Già nói.

Nhà văn im lặng. Ông tỏ ý không muốn nói gì thêm.

“Việc của tôi liên quan đến một Gastmann cụ thể”, cuối cùng Ông Già lên tiếng, “một người sống tại Lamlingen ở vùng thung lũng Tessen và thường tổ chức những buổi tiệc tùng khiến cho một trung úy cảnh sát phải bỏ mạng. Tôi cần biết, hình ảnh ông vừa vẽ ra cho tôi có phải là hình ảnh đích thực của Gastmann không, hay đó chỉ là hình ảnh trong những giấc mơ của riêng ông.”

“Những giấc mơ của chúng ta”, nhà văn trả lời.

Ông thanh tra im lặng.

“Tôi không biết”, nhà văn kết luận và đến bên hai vị khách để tạm biệt, ông ta chìa tay cho Bärlach, chỉ riêng Bärlach: “Chưa bao giờ tôi quan tâm đến những chuyện đại loại như vậy. Rút cục, nhiệm vụ của cảnh sát là tìm hiểu vấn đề ấy.”

CHƯƠNG 14

Hai viên cảnh sát trở về xe, con chó trắng bám đuôi và giậm dừ sủa theo, Tschanz ngồi vào bên tay lái.

Anh nói: “Tôi không ưa tay nhà văn này”. Bärlach sửa áo măng-tô trước khi vào xe. Con chó nhỏ trèo lên một bờ tường đá thô và tiếp tục sủa.

“Bây giờ ta đến chỗ Gastmann”, Tschanz nói và nổ máy. Ông Già lắc đầu:

“Về Bern.”

Họ chạy hướng Ligerz, xuống vùng đất ở độ sâu hùng vĩ đang lộ ra trước mặt. Đá, đất, và nước, những nguyên tố tự nhiên trải rộng. Họ chạy trong bóng râm, nhưng mặt trời đã lặn sau dãy Tessen còn chiếu sáng mặt hồ, hòn đảo, những triền đồi, chân núi, những chòm băng phía chân trời, và trùng trùng lớp lớp mây trôi trên những vùng trời xanh thẫm. Ông Già không rời mắt khỏi cảnh xoay vần liên tục của tiết trời chớm vào đông. Rút cuộc thì vẫn thế, ông nghĩ, xoay vần đến mấy thì rút cuộc vẫn thế. Nhưng tới chỗ con đường đột ngột ngoặt hướng và mặt hồ như một tấm khiên cong nằm ngay phía dưới họ, Tschanz dừng xe.

“Tôi cần nói chuyện với ông, thưa ông thanh tra”, anh bức xúc nói.

“Cậu muốn gì?”, Bärlach hỏi, mắt nhìn xuống các dãy núi đá.

“Ta phải tới chỗ Gastmann, không còn con đường nào khác để đi tiếp, mà thế là hoàn toàn hợp logic.

Nhất là ta phải hỏi cung bọn đây tở.”

Bärlach ngả người ra sau và ngồi im. Ông, một ông già tóc bạc, nghiêm trang, bình thản quan sát chàng trai ngồi cạnh bằng khóe mắt lạnh lùng:

“Chúa ơi, có phải lúc nào cũng tuân theo logic được đâu, Tschanz. Lutz không muốn cho chúng ta tới gặp Gastmann. Cũng dễ hiểu, vì ông ấy phải bàn giao vụ này cho Công tố Liên bang. Ta hãy chờ quyết định của trên đó. Vụ này nhạy cảm, vì liên quan đến người nước ngoài”. Thái độ xuề xòa của Bärlach khiến Tschanz nổi khùng.

“Vô lý”, anh hét lên. “Lutz phá hỏng cả cuộc điều tra chỉ vì nể nang chuyện chính trị. Von Schwendi là bạn ông ấy và lại là luật sư của Gastmann, thế thì ai còn lạ gì.”

Bärlach không buồn thay đổi nét mặt: “May mà chỉ có hai chúng ta ở đây đây, Tschanz. Có lẽ Lutz hành động hơi vội, nhưng có lý do xác đáng.

Bí ẩn nằm ở Schmied, chứ không ở Gastmann."

Tschanz không nao núng: "Chúng ta không đi tìm gì hơn ngoài sự thực", anh tuyệt vọng kêu lên, gửi lời vào những núi mây đang kéo đến, "sự thực và chỉ sự thực mà thôi, rằng ai là kẻ giết Schmied."

"Cậu nói đúng", Bärlach lặp lại, nhưng lạnh lùng và không lên gân, "sự thực, rằng ai là kẻ giết Schmied."

Viên cảnh sát trẻ tuổi đặt tay lên vai phải Ông Già, nhìn vào gương mặt khép kín của ông:

"Vì thế ta phải ra tay hành động bằng mọi cách, ra tay với Gastmann. Đã điều tra thì phải trọn vẹn."

Ông vừa bảo, không phải lúc nào cũng tuân theo logic được, nhưng trong trường hợp này ta phải tuân theo.

Ta không thể bỏ qua Gastmann."

"Gastmann không phải là kẻ giết Schmied", Bärlach đáp cộc lốc.

"Có khả năng là Gastmann đã ra lệnh giết. Ta phải hỏi cung bọn đầy tớ của hắn!", Tschanz trả lời.

"Tôi không thấy bất kỳ một lý do nào khiến Gastmann phải giết Schmied", Ông Già nói. "Ta phải truy tìm hung thủ ở chỗ mà hành vi của hắn có thể có một ý nghĩa, và chuyện đó chỉ liên quan tới Công tố Liên bang thôi."

"Nhưng ông nhà văn cũng cho Gastmann là kẻ giết người", Tschanz kêu to.

"Cậu cũng nghĩ thế sao?"

"Vâng, tôi cũng nghĩ thế, thưa ông thanh tra."

"Thế thì chỉ một mình cậu thôi", Bärlach nhận định. "Ông nhà văn chỉ cho rằng Gastmann có khả năng phạm bất kỳ tội ác nào, sự khác nhau là ở đó."

Ông ấy không hề nói gì về hành vi, mà chỉ nói về tiềm năng phạm tội của Gastmann."

Bây giờ Tschanz đã mất hết kiên nhẫn, anh túm lấy vai Ông Già.

"Ông thanh tra, bao nhiêu năm nay tôi phải đứng sau người khác", anh hỗn hển. "Tôi toàn bị dìm, bị khinh thường, bị đối xử như đồ vét đĩa, như một thằng chạy giấy."

"Cái đó tôi thừa nhận, Tschanz", Bärlach nói, và nhìn không chớp mắt vào gương mặt tuyệt vọng của chàng trai trẻ. "Bao nhiêu năm trời cậu phải đứng dưới cái bóng của người giờ đây đã bị giết."

“Chỉ vì anh ta được học trường tốt hơn! Chỉ vì anh ta biết tiếng Latinh!”

“Cậu bắt công với Schmied rồi”, Bärlach trả lời.

“Cậu ấy là nhân viên điều tra hình sự khá nhất mà tôi từng biết.”

“Còn bây giờ”, Tschanz hét lên, “bây giờ tôi mới có được một cơ hội thì chẳng lẽ tất cả lại uống công à, chẳng lẽ thời cơ độc nhất của tôi để ngoi lên lại phải tiêu tan vì một trò ngoại giao ngu xuẩn hay sao! Chỉ có ông mới thay đổi được tình hình, ông thanh tra, ông hãy nói với Lutz, chỉ có ông mới thuyết phục được ông ấy để tôi đi gặp Gastmann.”

“Không, Tschanz”, Bärlach nói, “việc đó tôi không làm được.”

Tschanz túm chặt ông bằng cả hai tay, lắc ông như một cậu học trò và hét lên:

“Ông hãy nói với Lutz, ông hãy nói đi!”

Nhưng Ông Già không mềm lòng: “Không được đâu, Tschanz”, ông nói. “Tôi không muốn làm những việc ấy nữa. Tôi già và ốm lắm rồi. Tôi cần sự yên tĩnh.”

Cậu phải tự lo liệu lấy thôi.”

“Được”, Tschanz nói, anh đột ngột buông Bärlach ra và cầm lấy tay lái, tuy vẫn còn run rẩy và nhột nhột như một xác chết. “VẬY thì thôi. Ông không thể giúp tôi.”

Họ tiếp tục chạy xuống Ligerz.

“Cậu vừa đi nghỉ ở Grindelwald phải không? Ở nhà trọ Eiger à?”, Ông Già hỏi.

“Vâng, thưa ông thanh tra.”

“Yên tĩnh và không quá đắt chứ?”

“Đúng như ông nói.”

“Tốt lắm, Tschanz, mai tôi sẽ lên đó nghỉ. Tôi phải lên vùng cao. Tôi đã xin nghỉ ốm một tuần.”

Tschanz không trả lời ngay. Mãi tới lúc họ rẽ vào đường Biel-Neuenburg, anh mới lên tiếng, và giọng đã trở lại bình thường:

“Vùng cao không phải lúc nào cũng tốt cho sức khỏe đâu, thưa ông thanh tra.”

CHƯƠNG 15

Ngày tối hôm đó, Bärlach tới gặp bác sĩ của mình, ông Samuel Hungertobel. Thành phố đã lên đèn, đêm đen đến dần từng phút. Từ cửa sổ phòng khám của bác sĩ Hungertobel, Bärlach nhìn xuống dòng người bồng bênh ở quảng trường phía dưới. Ông bác sĩ thu dọn đồ nghề. Bärlach và Hungertobel biết nhau từ lâu, họ cùng học ở trường trung học.

“Ồn trời”, Hungertobel nói, “tìm ổn.”

“Anh có ghi chép bệnh án của tôi không?”, Bärlach hỏi.

“Đây một cặp hồ sơ”, ông bác sĩ trả lời, và chỉ một chồng giấy tờ trên bàn. “Toàn bệnh án của anh cả đấy.”

“Anh không nói gì với ai về bệnh tình của tôi chứ, Hungertobel?”, Ông Già hỏi.

“Ôi, Hans⁴¹”, ông già kia nói, “đấy là trách nhiệm bảo mật thông tin bệnh nhân của bác sĩ mà.”

Một chiếc Mercedes xanh óng lăn bánh vào quảng trường phía dưới, chỗ một cây đèn đường, dừng giữa những hàng xe cộ đậu ở đó. Bärlach nhìn kỹ hơn.

Tschanz ra khỏi xe với một cô gái, tóc xõa từng lọn vàng xuống chiếc áo đi mưa màu trắng.

“Có lần nào anh bị ai lục lọi ở đây không, Samuel?⁴²”, ông thanh tra hỏi.

“Sao anh lại hỏi thế?”

“Thì hỏi thế thôi.”

“Có một lần bàn làm việc của tôi bị xáo trộn”, Hungertobel thú nhận, “và hồ sơ bệnh án của anh nằm lên trên cùng. Trong ngăn kéo có khá nhiều tiền nhưng không bị mất.”

“Sao anh không báo?”

Ông bác sĩ gãi đầu. “Thì tiền không bị mất, như đã nói, mà thực ra tôi cũng định đi báo đấy chứ. Nhưng sau quên mất.”

“Chà, quên”, Bärlach nói. “Được người như anh thì bọn trộm sống khỏe”. Và ông nghĩ thầm: Thế nên Gastmann mới biết rõ. Ông lại nhìn xuống quảng trường. Lúc này Tschanz và cô gái đang bước vào tiệm ăn Ý. Ngay hôm đám tang người yêu của cô ấy đấy, Bärlach nghĩ, và rời hẳn khỏi cửa sổ. Ông nhìn

Hungertobel đang ngồi viết bên bàn.

“Tình hình của tôi thế nào?”

“Anh có thấy đau không?”

Ông Già kể lại cơn đau bữa trước.

“Thế thì nguy đấy, Hans”, Hungertobel nói, “trong vòng ba ngày tới chúng tôi phải phẫu thuật cho anh.

Không còn cách nào khác.”

“Nhưng chưa bao giờ tôi thấy trong người dễ chịu như bây giờ.”

“Bốn hôm nữa sẽ có một cơn mới, Hans”, ông bác sĩ nói, “và không mỗ thì anh không qua nổi đâu.”

“VẬY là tôi còn hai ngày. Hai ngày. Và sáng ngày thứ ba anh sẽ mỗ cho tôi. Sáng thứ Ba nhé.”

“Rồi, sáng thứ Ba”, Hungertobel trả lời.

“Sau đó tôi còn sống được thêm một năm nữa, phải không Samuel?”, Bärlach hỏi và nhìn ông bạn cùng học của mình, mặt vẫn kín bưng như thường lệ.

Ông bác sĩ bật dậy, đi quanh phòng.

“Sao anh lại nghĩ vớ vẩn thế?”

“Nguồn tin từ kẻ đã đọc trộm hồ sơ bệnh án của tôi.”

“Chính anh đã đột nhập à?”, ông bác sĩ kêu lên.

Bärlach lắc đầu: “Không, không phải tôi. Nhưng tình hình là thế đấy, Samuel, tôi chỉ còn một năm.”

“Chỉ còn một năm”, Hungertobel trả lời, ông ngồi xuống chiếc ghế cạnh tường trong phòng khám và bất lực nhìn Bärlach đang đứng giữa phòng, cô đơn, xa cách, lạnh lùng, bất động và cam chịu. Trước vẻ trầm ngâm chìm đắm ấy, ông bác sĩ cụp mắt nhìn xuống.

CHƯƠNG 16

Khoảng hai giờ đêm Bärlach chợt tỉnh giấc. Ông đi nằm từ sớm, và lần đầu tiên trong đời cũng đã uống một liều thuốc theo lời khuyên của bác sĩ Hungertobel, nên ông tự nhủ, có lẽ những biện pháp phòng xa bất thường đó đã khiến mình tỉnh giấc đột ngột. Nhưng rồi ông lại tin chắc rằng mình bị một tiếng động nào đó đánh thức. Ông mình mẫn và tỉnh táo khác thường - trạng thái thường gặp ở những người bất chợt tỉnh giấc - tuy vậy lúc đầu ông vẫn phải định hướng, và mãi vài giây sau tưởng như bất tận - mới đủ định thần. Ông không nằm trong buồng ngủ như thường lệ mà ở phòng sách, vì ông nhớ rằng mình còn định đọc một chút để chuẩn bị tinh thần cho một đêm tệ hại, nhưng chắc một cơn buồn ngủ đã nổi lên đánh gục ông. Ông đưa tay sờ khắp người, thấy mình vẫn mặc nguyên quần áo, chỉ đắp một chiếc chăn len. Ông lắng tai nghe. Một vật gì đó rơi xuống sàn nhà, đó là quyển sách ông vừa đọc lúc trước. Bóng tối trong căn phòng không cửa sổ này tuy đậm đặc nhưng không phủ hết; ánh sáng yếu ớt hắt ra từ cửa buồng ngủ để ngỏ, tia sáng mỏng manh của đêm giông tố. Ông nghe tiếng gió rít ngoài xa. Dần dần, trong bóng tối, ông nhận ra một giá sách, chiếc ghế tựa, và cả mép bàn, ông căng mắt nhìn, thấy khẩu súng ngắn vẫn nằm trên bàn. Bỗng ông thấy một luồng không khí ủa vào, một cánh cửa sổ đập trong buồng ngủ, rồi cánh cửa buồng ngủ sập lại. Ngay sau đó, Ông Già nghe một tiếng “tách” khê ngoài hành lang. Ông hiểu ngay. Có người nào đó đã mở cửa ngoài và lên vào hành lang nhưng không tính đến khả năng bị gió lùa. Bärlach nhòm dậy và bật đèn.

Ông lấy khẩu súng ngắn, tháo chốt an toàn. Ngoài hành lang, kẻ kia cũng bật đèn. Bärlach thấy bóng điện nhấp sáng qua cánh cửa khép hờ và ngạc nhiên, vì không rõ hành động đó của kẻ lạ mặt nhằm mục đích gì. Khi ông kịp hiểu thì đã quá muộn. Ông thấy hình dáng một cánh tay và một bàn tay giơ lên tóm lấy bóng điện, một tia sáng xanh lóe lên, rồi tối om: kẻ lạ mặt đã tháo bóng điện và phá hỏng cầu chì. Bärlach hoàn toàn đứng trong bóng tối, kẻ kia đã chấp nhận cuộc đọ sức và đưa ra điều kiện: Bärlach phải chiến đấu trong bóng tối. Ông Già nắm chặt khẩu súng và thận trọng mở cửa buồng ngủ. Ông bước vào. Một chút ánh sáng lờ mờ từ ngoài cửa sổ hắt vào, lúc đầu gần như không nhận ra, khi mắt nhìn đã quen thì đậm hơn. Bärlach nép vào mé tường ở giữa chiếc giường và cửa sổ hướng ra sông;

còn cửa sổ thứ hai ở bên phải ông, hướng về nhà bên. Vậy là ông đứng trong màn đêm đặc quánh; vị trí tuy bất lợi vì không thể lùi đi đâu được nữa, nhưng ông hy vọng bù lại bằng lợi thế tàng hình. Cửa dẫn vào phòng sách nằm trong luồng sáng yếu ớt từ ngoài cửa sổ chiếu vào. Nếu kẻ lạ mặt đi qua đó, chắc chắn ông sẽ nhận ra hình dáng hằn.

Chợt một tia đèn pin lóe lên trong phòng sách, dò dẫm lướt qua các gáy sách, rồi lướt trên sàn nhà, trên chiếc ghế bành, và cuối cùng dừng lại trên bàn. Tia sáng rơi vào con dao hình rắn. Qua cánh cửa để ngỏ đối diện, Bärlach lại nhìn thấy bàn tay ấy, bàn tay đi găng da màu nâu, sờ soạng trên bàn, nắm lấy cán con dao hình rắn. Bärlach nâng súng lên, ngắm. Ánh đèn pin vụt tắt. Chưa được, Ông Già lại hạ súng xuống, chờ. Từ chỗ đang đứng, Bärlach nhìn qua cửa sổ, cảm nhận cái khối đen của dòng sông không ngừng chảy mãi, cái thành phố vươn cao ở bờ bên kia, ngôi nhà thờ đâm thẳng lên trời như một mũi tên và những đám mây trôi bên trên. Ông đứng im không nhúc nhích và chờ kẻ địch, kẻ tới đây để giết ông. Mắt ông xoáy vào khung cửa mở hồ. Ông chờ. Tất cả im lìm, bất động. Rồi chiếc đồng hồ ngoài hành lang điểm ba tiếng. Ông lắc tai. Ông nghe tiếng đồng hồ tích tắc khe khẽ xa xa. Một chiếc ô tô ở đâu đó bấm còi rồi chạy qua. Những người đi quán đêm về. Một lần ông tưởng như nghe tiếng ai thở, nhưng chắc ông nghe lầm. Ông đứng đó, và ở một nơi nào đấy trong nhà ông là kẻ kia, và giữa họ là bóng đêm, cái đêm nồn nóng, tàn bạo, giấu dưới chiếc áo choàng đen của nó con dao hình rắn chết người, con dao đang đi lòng qua tim ông. Ông Già gần như nín thở. Ông đứng đó và nắm chặt khẩu súng, không cảm nhận ra mồ hôi lạnh vã đầy sau gáy. Ông không còn nghĩ gì nữa, không nghĩ đến Gastmann, đến Lutz, cũng không nghĩ đến căn bệnh đang gặm nhấm cơ thể ông, từng giờ một, chuẩn bị hủy diệt cả cuộc đời mà giờ đây ông bảo vệ, đây hăm hở, để sống, và chỉ để sống. Ông chỉ còn là một con mắt nhìn xuyên màn đêm, là một vành tai truy xét từng tiếng động nhỏ nhất, là một bàn tay nắm chặt chất kim loại lạnh tanh của khẩu súng. Nhưng cuối cùng, ông nhận ra sự hiện diện của kẻ sát nhân không giống như đã tưởng; ông thấy lạnh lạnh bên má, không khí trong phòng có phần đối khác. Ông không lý giải được điều đó hồi lâu, cho tới khi đoán ra rằng cửa từ buồng ngủ dẫn sang phòng ăn bị mở.

Một lần nữa, kẻ lạ mặt lại đảo lộn toan tính của ông, hằn đã lên vào buồng ngủ bằng một đường vòng, không nhìn thấy, không nghe thấy, không dừng lại, con dao hình rắn trong tay. Bây giờ Bärlach biết mình phải khởi

đầu cuộc chiến, phải hành động trước, ông, con người già nua bệnh tật sắp lìa đời, và đó là cuộc chiến giành giật một sự sống chỉ kéo dài thêm được một năm, nếu mọi sự đều tốt đẹp, nếu Hungertobel phẫu thuật giỏi và chuẩn xác. Bärlach hướng khẩu súng về phía cửa sổ trông ra sông Aare. Rồi ông bắn, sau bồi thêm một phát, cả thảy ba phát, bắn nhanh và vững vàng về hướng sông qua tấm kính vỡ tan, sau đó ông thụp xuống. Có tiếng vèo qua đầu ông, đó là con dao, bây giờ nó cắm ngập vào tường, chuôi còn rung. Nhưng Ông Già đã đạt được mục đích: đèn bật lên ở phía cửa sổ bên kia, đó là hàng xóm ở nhà bên, họ nhòai người qua những cánh cửa sổ mở tung, hoảng sợ hết hồn, và ngơ ngác ngó vào màn đêm. Bärlach nhòm dậy. Ánh đèn từ nhà bên rọi sáng buồng ngủ, ông còn thoáng thấy một dáng người ở khung cửa phòng ăn, rồi có tiếng cửa ngoài sập lại và tiếp theo, do gió lùa, cửa phòng sách, rồi cửa phòng ăn, liên tiếp, cửa sổ khép lại, rồi yên tĩnh. Những người ở nhà bên vẫn ngó vào màn đêm. Ông Già đứng không nhúc nhích ở mé tường, khẩu súng vẫn trong tay. Ông đứng đó, không động đậy, dường như không cảm thấy thời gian nữa. Mọi người đã lui vào nhà, điện tắt. Bärlach vẫn đứng cạnh tường, lại chìm vào bóng tối, hòa làm một với bóng tối trong nhà, đơn độc.

CHƯƠNG 17

Nửa tiếng sau, ông ra hành lang và tìm chiếc đèn pin của mình. Ông gọi điện cho Tschanz bảo anh tới. Rồi ông thay chiếc cầu chì bị phá hỏng, điện sáng trở lại. Bärlach ngồi vào chiếc ghế tựa thường ngồi, ngóng vào màn đêm. Bên ngoài một chiếc xe chạy tới, phanh gấp. Cửa ngoài lại mở ra, ông lại nghe thấy tiếng chân người, Tschanz bước vào phòng.

“Có người vừa tìm cách giết tôi”, ông thanh tra nói. Mặt Tschanz nhợt nhạt. Anh không đội mũ, tóc xõa rối bời xuống trán, và bộ quần áo ngủ ló ra dưới chiếc áo khoác mùa đông. Họ cùng đi vào buồng ngủ. Tschanz rút con dao cắm trên tường ra, khó nhọc, vì nó ngập sâu vào lớp gỗ ốp tường.

“Bằng cái này à?”, anh hỏi.

“Chính nó đây, Tschanz.”

Anh chàng cảnh sát trẻ tuổi xem xét tấm kính cửa sổ vỡ nát.

“Ông đã bắn vào cửa sổ à, ông thanh tra?”, anh ngạc nhiên hỏi.

Bärlach thuật lại cho Tschanz nghe mọi chuyện.

“Đó đúng là điều khôn ngoan nhất ông có thể làm được lúc ấy”, anh lẩm bẩm.

Họ đi ra hành lang, và Tschanz nhặt chiếc bóng điện dưới sàn nhà lên.

“Thông minh đấy”, anh nói, không giấu thán phục, và cất nó sang một bên. Sau đó họ trở lại phòng sách. Ông Già đuổi người trên đi-văng, kéo tấm chăn lên đắp; ông nằm đó, bất lực, chột già cỗi và như đã tàn lụi, Tschanz vẫn cầm con dao hình rắn trong tay.

Anh hỏi:

“Ông không nhận ra kẻ đột nhập hay sao?”

“Không. Hẳn thận trọng và rút nhanh. Chỉ một lần tôi thấy tay hăn mang găng da màu nâu.”

“Thế thì hơi ít.”

“Thế gần như bằng không. Nhưng dù không nhìn ra hăn, chỉ thoáng nghe hăn thở, tôi vẫn biết đó là ai.

Tôi biết, tôi biết.”

Những lời ấy, Ông Già nói bằng một giọng hầu như không nghe rõ. Tschanz ướm con dao trong tay, nhìn xuống cái hình hài xám xịt đang nằm kia, nhìn con người già nua, mệt mỏi ấy, nhìn đôi bàn tay xếp cạnh cái cơ

thể yếu ớt ấy như những bông hoa tàn bên một xác chết. Rồi anh bắt gặp ánh mắt của người đang nằm.

Cặp mắt Bärlach hướng vào anh, bình thản, kín bưng, và tỉnh táo. Tschanz đặt con dao lên bàn làm việc.

"Sáng nay ông còn phải đi Gindelwald nghỉ, ông đang ốm mà. Hay ông không muốn đi nữa? Có lẽ vùng cao không thích hợp. Bây giờ ở đó là mùa đông."

"Không, tôi sẽ đi."

"Vậy ông phải ngủ một chút. Tôi có cần thức canh ở đây không?"

"Không, Tschanz, cậu về đi", ông thanh tra đáp.

"Chúc ông ngủ ngon", Tschanz nói và chậm chạp bước ra. Ông Già không trả lời, dường như ông đã ngủ.

Tschanz mở cửa ngoài, bước ra, rồi đóng cửa lại. Anh đi mấy bước nữa ra đến đường, đi chậm, khép cả cửa vườn lúc trước để ngủ. Rồi anh quay lại. Đêm vẫn tối đen. Mọi vật, cả những ngôi nhà bên cạnh, đều như mất hút trong bóng đêm ấy. Chỉ một ngọn đèn đường thấp sáng ở tít trên cao, như một ngôi sao lẻ loi trong bóng đêm u ám, đầy buồn bã, đầy tiếng róc rách của dòng sông. Tschanz đứng đó, rồi khẽ văng một tiếng chửi thề. Chân lại đạp cửa vườn, anh cương quyết băng qua lối trong vườn tới trước cửa nhà, lặp lại một lần nữa con đường vừa đi. Anh túm lấy tay nắm ở cửa, ấn xuống. Nhưng cửa bây giờ đã khóa.

Bärlach trở dậy lúc sáu giờ sáng, ông không hề chớp mắt. Hôm ấy là Chủ nhật. Ông Già rửa ráy, mặc quần áo mới. Rồi ông gọi một chiếc tắc xi, ông định bụng sẽ ăn sáng trong toa ăn trên tàu. Ông mang theo chiếc áo ấm mùa đông và rời khỏi nhà, bước vào buổi sáng xám lạnh, nhưng ông không xách va ly. Trời trong trẻo. Một chàng sinh viên lão đảo đi ngang, người sặc mùi bia, chào ông. Anh chàng nhà Blaser, Bärlach nghĩ, hai lần trượt kỳ sát hạch tiền lâm sàng rồi, tội nghiệp. Thế là đâm ra rượu chè. Chiếc tắc xi chạy tới, đỗ lại. Đó là một chiếc xe Mỹ kèn còi. Tài xế dựng cao cổ áo, Bärlach chỉ thoáng thấy mắt anh ta. Anh ta mở cửa xe.

"Ra ga", Bärlach nói và ngồi vào xe. Chiếc xe bắt đầu chạy.

"Thế nào", một giọng nói ngay cạnh ông cất lên, "cậu có khỏe không? Hôm qua ngủ ngon chứ?"

Bärlach quay đầu lại. Gastmann ngồi ở góc bên kia. Y mặc một chiếc áo đi mưa màu sáng, tay khoanh trước ngực. Đeo găng da màu nâu. Y ngồi đó, như một lão nông già ưa nhạo báng. Tên lái xe ngồi đằng trước ngoài

mặt lại, nhả nhở. Cổ áo hần bây giờ không còn dựng cao, đó là một tên trong đám tay chân của Gastmann. Bärlach biết mình đã rơi vào một cái bẫy.

“Cậu lại muốn gì ở tôi thế?”, Ông Già hỏi.

“Cậu vẫn tiếp tục theo dõi tôi. Cậu đã tới chỗ nhà văn”, người ngồi trong góc nói, và giọng y lộ vẻ hăm dọa.

“Đấy là nghề của tôi.”

Người kia không rời mắt khỏi ông: “Bärlach, kẻ nào để mắt đến tôi đều thiệt mạng cả.”

Tên ngồi đằng trước nhắm hướng Aargauerstalden, lái nhanh như bị ma đuổi.

“Tôi vẫn sống. Và tôi luôn luôn để mắt tới cậu”, ông thanh tra điềm đạm trả lời.

Cả hai im lặng.

Tên tài xế lao xe với tốc độ điên cuồng về hướng quảng trường Viktoria. Một ông lão lập cập qua đường và cố gắng lắm mới thoát thân.

“Lái cho cẩn thận”, Bärlach bức bối nói.

“Nhanh hơn nữa”, Gastmann hạ lệnh sắc gọn và giểu cợt ngăm ngúa Ông Già. “Tôi thích tốc độ của máy móc.”

Ông thanh tra thấy lạnh. Ông không ưa những chỗ ngọt ngào. Xe lao lên cầu, vút qua một chiếc tàu điện, và trên tấm dải bạc là dòng sông nằm sâu bên dưới họ lao như tên bắn vào cái thành phố đang sẵn sàng mở ra trước mặt. Đường phố vẫn còn hiu quạnh, vắng tanh, bầu trời trên đầu trong như thủy tinh.

“Tôi khuyên cậu nên bỏ cuộc. Đã đến lúc cậu phải thừa nhận thất bại của cậu”, Gastmann nói và nhồi thuốc vào tẩu.

Ông Già đưa mắt nhìn những hành lang vòm sẫm màu trên đường xe lướt qua, nhìn hai nhân viên cảnh sát đứng như hai cái bóng trước hiệu sách Lang.

Đấy là Geißbühler và Zumsteg, ông nghĩ, rồi nhủ thầm: Lúc nào mình phải tới trả tiền cuốn Fontane⁴³.

“Cuộc chơi này chúng ta không bỏ được”, cuối cùng ông đáp. “Đêm hôm ấy, ở Thổ Nhĩ Kỳ, cậu thành kẻ có tội vì đã thách cuộc, Gastmann ạ, và tôi cũng vậy, vì tôi đã nhận lời thách.”

Xe chạy qua tòa nhà của Quốc hội và Chính phủ Liên bang.

“Cậu vẫn nghĩ là tôi giết Schmied à?”, Gastmann hỏi.

“Chưa một giây nào tôi nghĩ như vậy”, Ông Già trả lời, lãnh đạm nhìn người kia chằm tấu hút và nói tiếp:

“Tôi đã không khép được cậu vào những tội ác do cậu thực hiện, vậy bây giờ tôi sẽ khép cho cậu tội ác mà cậu không hề thực hiện.”

Gastmann dò xét nhìn ông thanh tra.

“Khả năng ấy tôi chưa hề tính đến”, y nói. “Chắc tôi sẽ phải thận trọng.”

Ông thanh tra lặng thinh.

“Có lẽ cậu là thằng nguy hiểm hơn tôi tưởng, lão già ạ”, Gastmann tự lự phát biểu trong góc y ngồi.

Chiếc xe đỗ lại. Họ đã tới nhà ga.

“Đây là lần cuối cùng tôi nói chuyện với cậu, Bärlach”, Gastmann nói. “Lần sau tôi sẽ giết cậu, nếu cứ cho là cậu qua được ca mổ.”

“Cậu nhầm rồi”, Bärlach trả lời, trên quảng trường sáng sớm trông ông già nua, và ông khẽ run vì lạnh. “Cậu sẽ không giết tôi. Tôi là người duy nhất biết rõ cậu, nên tôi cũng là người duy nhất có thể phán xử cậu. Tôi đã phán xử cậu, Gastmann, tôi đã kết án tử hình cậu. Cậu sẽ không sống qua ngày hôm nay nữa. Hôm nay đao phủ do tôi lựa chọn sẽ tới chỗ cậu. Hắn sẽ giết cậu, vì đây là điều, nhân danh Chúa, một ngày nào đó cũng sẽ phải được thực hiện”.

Gastmann giật mình và trân trân nhìn Ông Già, sửng sờ, nhưng ông đã đi vào ga, tay thọc trong túi áo, không ngoảnh lại, mất hút trong tòa nhà tối sầm đang dần dần đông ngập người.

“Đồ điên!”, bấy giờ Gastmann mới đột ngột gào lên sau lưng ông thanh tra, to đến nỗi vài người qua đường phải ngoái nhìn. “Đồ điên!”. Nhưng không còn thấy bóng dáng Bärlach đâu nữa.

CHƯƠNG 18

Ngày đang hừng dần là một ngày trong trẻo và uy nghi, mặt trời như một quả cầu hoàn mỹ hắt bóng dài sắc nét, nó lên cao dần mà bóng chỉ có đôi chút.

Thành phố như một con sò trắng hút trọn ánh sáng, nuốt vào các ngõ phố để đêm đêm phun ra ngàn ánh điện, một con quái vật khổng lồ, mãi sinh ra, mãi hủy hoại và chôn vùi thêm những con người. Buổi sớm mỗi lúc thêm rực rỡ, như một tấm khiên sáng ngời phủ lên những âm thanh lắng dần của các hồi chuông nhà thờ. Tschanz đứng đợi suốt một tiếng đồng hồ, nhợt nhạt trong ánh sáng từ những bức tường hắt lại. Anh sốt ruột đi lại ở hành lang mái vòm trước cửa nhà thờ lớn và ngược nhìn những miệng máng xối phía trên, những bộ mặt nhón quai dì nhòm xuống các phiến đá lát đường phơi mình dưới ánh nắng.

Cuối cùng, cửa nhà thờ mở ra. Dòng người đi lễ thật khổng lồ, hôm nay cha Lüthi⁴⁴ giảng đạo, nhưng anh vẫn nhận ra ngay chiếc áo đi mưa màu trắng. Anna tiến lại chỗ anh. Cô bảo, cô rất vui được gặp lại anh và chìa tay cho anh bắt. Họ đi dọc ngõ Keßler, giữa đám đông đi lễ, xung quanh toàn là người, già và trẻ, chỗ này một ông giáo sư, chỗ kia một bà chủ hiệu bánh mì diện bộ cánh Chủ nhật, chỗ nọ hai chàng sinh viên và một cô gái, mấy chục viên chức, nhà giáo, tất cả đều sạch sẽ, tất cả đều đã tắm rửa tinh tươm, tất cả đều đói bụng và đều hớn hờ chờ một bữa ăn ngon hơn ngày thường. Họ ra tới quảng trường Kasino, rồi từ đó xuống khu Marzili. Lên tới cầu, họ dừng lại.

"Cô Anna", Tschanz nói, "hôm nay tôi sẽ tóm cổ hung thủ đã giết Ulrich."

"Anh biết đó là ai rồi ư?", cô ngạc nhiên hỏi.

Anh nhìn cô gái. Cô đứng trước mặt anh, xanh xao và mảnh dẻ.

"Tôi tin là mình biết", anh nói. "Nếu tôi tóm được hắn thì cô sẽ đối với tôi" - anh lưỡng lự một thoáng - "cô sẽ đối với tôi như với người chồng chưa cưới đã mất của cô chứ?"

Anna không trả lời ngay. Cô khép chặt chiếc măng-tô vào người hơn, như thể cô thấy lạnh. Một làn gió nhẹ thổi qua làm mở tóc vàng của cô rối tung, nhưng một lúc sau cô nói:

“Ta cứ thỏa thuận như vậy.”

Họ bắt tay nhau, và Anna đi về phía bờ bên kia.

Anh nhìn theo. Chiếc áo khoác màu trắng của cô rực lên giữa những hàng bạch dương, mất hút trong dòng người đi dạo, rồi lại hiện ra, và cuối cùng khuất hẳn.

Rồi anh đến nhà ga, xe anh đậu ở đó. Anh lái về hướng Ligerz. Gần trưa mới tới nơi, vì anh lái chậm, thỉnh thoảng còn dừng lại, xuống giữa đồng đứng hút thuốc rồi trở về xe, đi tiếp. Tới Ligerz, anh để xe trước nhà ga, rồi leo đoạn đường bậc thang lên nhà thờ. Tâm trí anh đã lắng xuống. Mặt hồ xanh thẳm, những cây nho đã trút hết lá, đất dưới gốc nâu xộp. Nhưng Tschanz chẳng nhìn gì hết và chẳng quan tâm gì hết. Anh trèo đều đều, liên tục, không ngoái lại, không dừng bước. Con đường với hai dãy tường trắng bao quanh dốc đứng theo triền núi, để lại đồi nho nối tiếp đồi nho sau lưng. Tschanz trèo mãi, bình thản, chậm rãi, xác quyết, tay phải thọc trong túi áo măng-tô. Thỉnh thoảng một con thằn lằn chắn ngang đường, chim ó thành linh vụt thẳng lên, đất run rẩy trong lửa mặt trời, như thể vào mùa hạ; anh vẫn dần bước. Một lúc sau anh vào đến rừng, bỏ lại các đồi nho sau lưng. Trong rừng lạnh hơn. Vách núi Jura ánh lên giữa những rừng cây. Tschanz vẫn leo, vẫn bước đều, vẫn liên tục thẳng tiến, và tới khu cánh đồng. Đó là đồng cỏ và đất canh tác, đường đã đỡ dốc hơn. Anh đi qua một nghĩa trang, một khu hình chữ nhật có tường xám bao quanh, cửa mở rộng. Những người đàn bà mặc đồ đen dạo bước trên các lối đi, một ông già gù lưng đứng đó, ngó theo người đàn ông vừa đi ngang qua, anh vẫn rảo bước, tay phải thọc trong túi áo măng-tô.

Tới Prêles, anh đi qua khách sạn “Gấu” và nhắm hướng Lamboing dần bước. Không khí trên vùng đồi lặng đứng và không mây mù. Mọi vật, cả ở xa nhất, hiện ra rõ nét khác thường. Chỉ đỉnh chóp trên dãy Chasseral là có tuyết phủ, cảnh vật còn lại ánh lên màu nâu nhạt xen màu trắng của các bức tường, màu đỏ mái nhà và màu đen của những bờ ruộng. Tschanz vẫn bước đều, mặt trời chiếu sau lưng và hắt bóng anh về phía trước. Con đường dốc xuống, anh đi về hướng xưởng cửa, lúc này mặt trời đã chệch sang bên. Anh bước tiếp, không nghĩ ngợi, không nhìn ngó, chỉ với một quyết tâm thôi thúc, một đam mê choáng ngợp.

Một con chó cất tiếng sủa ở đâu đó, rồi nó lại gần, đánh hơi người đàn ông đang liên tục dần bước, rồi chạy mất. Tschanz đi tiếp, vẫn mé đường bên phải, bước tiếp bước, không chậm hơn, không nhanh hơn, nhắm hướng

ngôi nhà đang hiện ra giữa màu nâu của đồng đất, những cây dương trơ trụi bao quanh. Tschanz rời khỏi đường và bước xuống cánh đồng. Giày lún vào nền đất ẩm của khu ruộng không cày xới, anh vẫn bước. Rồi anh tới bên cánh cổng. Cổng để mở, Tschanz bước qua. Một chiếc xe Mỹ đậu trong sân. Tschanz không chú ý đến nó. Anh đi thẳng đến cửa nhà. Cửa cũng để mở. Tschanz bước vào tiền sảnh, mở tiếp một cánh cửa nữa và lọt vào một sảnh lớn chiếm trọn tầng trệt. Tschanz đứng lại. Ánh sáng chói chang lọt qua chiếc cửa sổ đối diện. Trước mặt anh, cách không đầy năm bước là Gastmann, và cạnh y là hai tên đầy tớ lực lưỡng, bất động và đe dọa, hai tay đồ tể. Cả ba đều khoác măng-tô, va ly chất đồng bên cạnh, cả ba đều sẵn sàng lên đường.

Tschanz vẫn đứng.

“Hóa ra là người này”, Gastmann nói, và hơi sững sờ nhìn gương mặt bình thản, nhợt nhạt của viên cảnh sát và cánh cửa vẫn còn để mở sau lưng anh.

Rồi y cười phá lên: “Lão Già nói té ra là thế đấy!

Đúng là không tồi, hoàn toàn không tồi tí nào!”.

Gastmann giương to mắt và một ánh vui nhộn ma quái lóe lên trong đó.

Bình thản, không nói một lời và gần như chậm rãi, một trong hai tên đồ tể rút một khẩu súng ngắn trong túi ra và bắn. Tschanz thấy đau nhói bên nách trái, anh giật phăng tay phải khỏi túi áo khoác và lật người ngã nghiêng xuống. Rồi nổ thẳng ba phát súng vào tiếng cười của Gastmann, tiếng cười như đang lịm dần vào một khoảng trống trơn, vô tận.

CHƯƠNG 19

Được Tschanz báo qua điện thoại, Charnel từ Lamboing, Clenin từ Twann và đội đặc nhiệm từ Biel vội tới ngay. Họ thấy Tschanz máu me đầy người bên cạnh ba cái xác, cẳng tay trái của anh bị thêm một phát đạn khác bắn trúng. Cuộc đấu diễn ra chắc khá nhanh, nhưng cả ba tên kia trước khi chết đều đã nổ súng. Người ta thu được ở mỗi tên một khẩu súng ngắn, một trong hai tên lâu la còn nắm khẩu của hắn trong tay. Chuyện gì xảy ra sau khi Charnel đến, Tschanz không nhận biết được nữa. Lúc được ông bác sĩ ở Neuveville băng bó, anh ngất đi hai lần, nhưng các vết thương hóa ra không có gì nguy hiểm. Một lát sau dân làng đổ tới, nông dân, công nhân, và phụ nữ.

Sân đông nghịt người, cảnh sát phải phong tỏa hiện trường; nhưng một cô gái lọt được vào tận sảnh lớn, ở đó cô ta vừa khóc rống vừa lăn xả vào xác Gastmann. Đó là cô hầu bàn ở quán rượu, vợ chưa cưới của Charnel. Anh này đứng bên cạnh, mặt đỏ bừng vì tức giận. Rồi người ta cáng Tschanz ra xe, giữa đám nông dân dạt ra nhường lối.

“Vậy là bây giờ cả ba đều nằm cả đây”, sáng hôm sau Lutz nói và chỉ vào mấy cái xác, nhưng giọng không hề đắc thắng, mà rầu rĩ và mệt mỏi.

Von Schwendi bàng hoàng gật đầu. Do sự cố xảy ra với thân chủ mình, ông đại tá cùng đi với Lutz tới Biel. Họ vào phòng xác. Một tia sáng xuyên chéo qua chiếc cửa sổ có chấn song. Cả hai cùng đứng, áo măng-tô mặc nguyên trên người mà vẫn run lên vì lạnh. Mắt Lutz đỏ quạch. Cả đêm hôm qua ông đánh vật với những quyển nhật ký của Gastmann, những trang viết kiểu tốc ký, rất khó đọc.

Lutz thọc sâu tay vào túi áo: “Von Schwendi à, chỉ vì sợ nhau mà con người chúng ta phải dựng nên các nhà nước”, ông lại lên tiếng, gần như thầm thì, “phải tự quây mình bằng lính canh các kiểu, bằng cảnh sát, bằng binh lính, bằng công luận; nhưng rồi có ích gì?”.

Mặt Lutz nhăn nhúm, mắt như lồi khỏi tròng, và ông bật lên cười một giọng cười trống rỗng, châm chọc trong căn phòng tiêu điều lạnh lẽo. “Thưa nghị sĩ, chỉ cần một cái đầu vô tích sự ở chóp bu một đại cường quốc, thế là chúng ta bị cuốn phăng, chỉ cần một Gastmann là những chuỗi phòng tuyến của chúng ta bị chọc thủng, các vị trí tiền tiêu thành vô hiệu”.

Von Schwendi thấy tốt nhất là đưa vị chương lý trở lại mảnh đất hiện thực, nhưng chưa biết nên làm thế nào. “Giới chúng ta bị đủ hạng người lợi dụng đến vô liêm sỉ”, cuối cùng ông ta nói. “Thật bẽ mặt, thật quá ư bẽ mặt”.

“Ai mà lường trước được”, Lutz an ủi ông ta.

“Thế còn Schmied?”, ông nghị sĩ mừng rỡ vì tóm được một chuyện để nói.

“Chúng tôi tìm được một cặp hồ sơ vốn thuộc về Schmied ở chỗ Gastmann, gồm một số tài liệu về cuộc đời của Gastmann và những phỏng đoán về các tội ác của hắn. Schmied đã tìm cách lộ mặt Gastmann.

Cậu ấy làm việc đó với tư cách cá nhân. Một sai lầm khiến cậu ấy phải trả giá, vì đã đủ chứng cứ cho thấy Gastmann cũng sai người giết Schmied: Chắc Schmied bị giết bằng chính khẩu súng mà một trong hai tên tay sai còn cầm trong tay lúc bị Tschanz bắn chết. Kết quả giám định đã khẳng định ngay điều này. Cả động cơ dẫn đến việc cậu ấy bị giết cũng đã rõ ràng: Gastmann sợ bị Schmied lật tẩy. Lẽ ra Schmied nên trao đổi với chúng tôi. Nhưng cậu ấy còn trẻ và quá tham vọng.”

Bärlach bước vào phòng xác. Thấy Ông Già, Lutz lộ vẻ ủ rũ và lại rút tay vào túi.

“Chà, ông thanh tra”, ông ta lên tiếng và đổi chân đứng. “Chúng ta gặp nhau ở đây là rất tốt. Ông vừa đi nghỉ phép về kịp, còn tôi với ông nghị sĩ cũng phóng thẳng tới đây không chậm trễ. Các tử thi đã bày sẵn ra đây rồi. Chúng ta đã tranh cãi quá nhiều, Bärlach, tôi thì thiên về một hệ thống cảnh sát tối tân với đủ loại phương tiện, nếu được thì tôi còn muốn trang bị cả bom nguyên tử nữa kia; còn ông, ông thanh tra, ông lại thiên về một cái gì đó gần gũi con người, kiểu một đội cảnh binh gồm toàn các cụ ông đạo mạo. Thôi, ta chôn cuộc tranh cãi đó đi là vừa. Cả hai chúng ta đều sai. Chỉ bằng một khẩu súng và hoàn toàn phản khoa học, Tschanz đã bẻ gãy lập luận của cả hai ta.

Tôi chẳng cần biết cậu ấy đã hành động ra sao. Thôi được, đó là phản ứng tự vệ, chúng ta phải tin và được phép tin cậu ấy. Chiến lợi phẩm thu được là rất đáng giá, bọn bị bắn chết kia thật ngàn lần xứng đáng nhận cái chết, đúng như câu thành ngữ rất hay đã nói, và nếu cứ câu nệ vào những phương pháp khoa học thì bây giờ chắc chúng ta vẫn còn quanh quẩn dò la ở chỗ những nhân viên ngoại giao xa lạ nào đó. Tôi sẽ phải đề bạt Tschanz;

nhưng chúng ta, cả hai chúng ta đều đang đứng đây như những con lừa ngu ngốc. Vụ án Schmied đến đây là kết thúc”.

Lutz cúi đầu, bối rối vì sự im lặng bí ẩn của Ông Già. Ông ta trầm ngâm, rồi đột nhiên trở về với con người công chức chuẩn xác, kỹ lưỡng của mình, hắng giọng, và đỏ mặt khi thấy von Schwendi vẫn chưa hết ngượng ngập; rồi được ông đại tá tháp tùng, ông ta chậm chạp bước ra, nhập vào bóng tối ở một hành lang nào đó, để Bärlach lại một mình. Các xác chết để trên cáng, phủ kín bằng vải đen. Vừa thạch cao từ những bức tường trở trụi màu xám lơ xuống. Bärlach đến bên chiếc cáng ở giữa, và lật vải che lên. Đó là Gastmann. Bärlach đứng, hơi cúi người xuống, tay trái vẫn cầm tấm vải đen. Ông lặng lẽ nhìn xuống bộ mặt như bằng sáp của người chết, nét vui nhộn vẫn đậu trên môi y, nhưng giờ đây hai hốc mắt đã hõm hơn và trong hai cái vực sâu ấy chẳng còn điều khủng khiếp nào rình rập. Thế là họ gặp nhau lần cuối, người đi săn và con thú, bây giờ nó đã bị kết liễu và nằm dưới chân ông. Bärlach linh cảm rằng giờ đây cuộc đời của cả hai đã vào đoạn kết, và một lần nữa, ông rà lại toàn bộ những năm tháng đã qua, gửi tâm trí mình vào con đường xuyên qua những góc ngách đầy bí hiểm của cái mê cung là cuộc đời của cả hai người.

Giờ đây, giữa họ không còn gì ngoài sự bao la của cái chết, chính nó mới là thẩm phán, với bản án là sự câm lặng. Bärlach vẫn cúi xuống, và ánh sáng nhạt nhòa trong phòng xác đậu trên mặt ông, trên tay ông, phủ lên cả xác chết, ánh sáng sinh ra cho cả hai, dành cho cả hai và hòa giải cả hai. Sự câm lặng của cái chết trùm lên ông, bò vào trong ông, nhưng nó không đem lại cho ông sự tĩnh lặng như cho kẻ kia. Người chết luôn có lý. Bärlach chậm chạp che mặt Gastmann lại. Đây là lần cuối cùng ông gặp y; từ giờ trở đi, địch thủ của ông thuộc về nấm mồ. Ròng rã bao nhiêu năm trời, chỉ một ý nghĩ chế ngự ông: Tiêu diệt kẻ đang nằm kia, nằm dưới chân ông, trong căn phòng xám trở trụi, bụi thạch cao phủ nhẹ như một lớp tuyết mỏng; và giờ đây chẳng còn gì để lại cho ông ngoài một động tác mệt mỏi phủ tấm vải che lên người đã chết, một lời cầu xin lãng quên nhần nhục, ân phước duy nhất có thể làm dịu một trái tim bị một ngọn lửa giận dữ thiêu đốt.

CHƯƠNG 20

Sau đó, vẫn trong ngày hôm ấy, đúng tám giờ tối, Tschanz tới nhà Ông Già ở Altenberg theo yêu cầu khẩn cấp của ông. Anh ngạc nhiên thấy một cô hầu gái trẻ tuổi, khoác tạp dề trắng, ra mở cửa, và vào đến hành lang, anh nghe tiếng nước sôi và thức ăn đang nấu, tiếng bát đĩa lách cách trong bếp. Cô hầu gái giúp anh cởi chiếc măng-tô khoác trên vai. Tuy tay trái đeo băng, anh vẫn tự lái xe đến. Cô gái mở cửa phòng ăn, và Tschanz sững lại, ngẩn người: bàn ăn được bày biện trang trọng cho hai người. Có cả nến thấp trong chân đế, và Bärlach ngồi ở chiếc ghế tựa tại một đầu bàn ăn, ánh nến lạng lẽ chiếu hồng, hình ảnh của sự bình yên tuyệt đối.

“Ngồi xuống đi, Tschanz”, Ông Già bảo khách và chỉ chiếc ghế tựa thứ hai kê cạnh bàn. Tschanz bàng hoàng ngồi xuống.

“Tôi không biết là sẽ được dự tiệc”, cuối cùng anh lên tiếng.

“Ta phải ăn mừng thành tích của cậu chứ”, Ông Già điềm tĩnh trả lời và đẩy chiếc chân nến chếch sang bên một chút, để họ nhìn thẳng vào mặt nhau. Rồi ông vỗ tay. Cửa mở ra, và một phụ nữ to béo bưng vào một cái khay đầy ắp cá mòi, cua bể, nộm dưa chuột, cà chua, đậu Hà Lan, phủ bằng cả nùi mayonnaise và trứng, lại còn thêm món ngêu, thịt gà và cá hồi. Ông Già lấy mỗi món một ít. Tschanz ngạc nhiên thấy con bệnh đau dạ dày ấy lấy một suất khổng lồ như vậy vào đĩa, anh chỉ xin một chút khoai tây trộn.

“Ta uống gì nhỉ?”, Bärlach hỏi. “Rượu Ligerz nhé?”

“Vâng, rượu Ligerz”, Tschanz đáp như trong mơ.

Cô hầu gái bước vào, rót rượu. Bärlach bắt đầu ăn, kèm bánh mì, xoi nhấm cá hồi, cá mòi, món thịt cua bể hồng hồng, món ngêu, món xà lách, khoai tây trộn và thịt rán để ngêu, rồi vỗ tay ra hiệu cho thêm. Tschanz chờ người ra, anh vẫn chưa ăn xong chút khoai tây trộn của mình. Bärlach đã sai rót đến cốc rượu thứ ba.

“Bây giờ đến lượt pa-tê và rượu vang đỏ Neuenburger”, ông gọi. Các đĩa ăn mới được bưng ra.

Bärlach lấy ba miếng pa-tê nhồi gan ngỗng, thịt lợn và nấm viên.

“Ông thanh tra, ông ốm cơ mà?”, Tschanz ngập ngừng phát biểu. “Hôm nay thì không, Tschanz ạ, hôm nay thì không. Tôi ăn mừng vì cuối cùng tôi đã vạch mặt được kẻ giết Schmied.”

Ông uống cạn cốc vang đỏ thứ hai và bắt đầu ăn đến miếng pa-tê thứ ba, không nghỉ lấy một chút, háo hức tọng các món ăn của thế giới này vào bụng, nghiền nát chúng giữa hai hàm răng, như một yêu quái đang tợp cho đã cái đói không cùng của mình.

Hình dáng ông in lên tường, phóng gấp đôi thành những cái bóng dữ dằn, chuyển động mạnh mẽ của hai cánh tay, động tác mái đầu cúi xuống, hết điệu nhảy của một tù trưởng da đen đang khải hoàn chiến thắng. Tschanz khiếp đảm chứng kiến tấn trò rợn người của con bệnh sắp chết ấy. Anh ngồi bất động, không ăn nổi, không nuốt trôi được một miếng nhỏ nhất, không cả nhấp môi ly rượu. Bärlach gọi thêm thăn bê, cơm, khoai tây rán và rau xà lách, kèm theo sâm banh. Tschanz run lên.

“Ông giả vờ”, anh lập bập. “Ông không ốm đau gì cả!”.

Ông Già không trả lời ngay. Thoạt tiên ông cười, rồi ông bận rộn với món xà lách, ông thưởng thức từng cọng rau. Tschanz không dám hỏi Ông Già đáng sợ ấy thêm lần nữa.

“Đúng đấy, Tschanz”, mãi sau Bärlach mới nói, mắt lóe lên dữ tợn, “tôi chỉ giả vờ. Tôi chưa hề ốm đau gì cả”, và ông bỏ một miếng thịt bê vào miệng, ăn tiếp, ăn liên tục, bao nhiêu cũng không vừa.

Lúc này Tschanz mới hiểu rằng mình đã rơi vào một cái bẫy quỷ quyết, và sau lưng anh cửa đã đóng cách vào ổ khóa. Lỗ chân lông anh túa mồ hôi lạnh.

Nỗi khiếp sợ vươn những cánh tay càng lúc càng mạnh, xiết lấy anh. Không còn cứu vãn được nữa, khi anh nhận ra tình cảnh của mình thì đã quá muộn.

“Ông biết rồi à, ông thanh tra?”, anh hỏi khẽ.

"Phải, Tschanz, tôi biết", Bärlach nói, bình thản và chắc chắn, nhưng không cao giọng hơn, như đang nói về một chuyện không đáng quan tâm nào đó.

“Cậu là kẻ giết Schmied”. Rồi ông cầm cốc sâm banh và uống cạn một hơi.

“Linh tính luôn mách tôi rằng ông đã biết”, anh rên lên không thành tiếng.

Ông Già không thay đổi nét mặt. Như thể không có gì cuốn hút ông hơn bữa ăn này; ông tàn nhẫn xúc đầy một đĩa cơm nữa, rưới nước sốt, thêm một miếng thăn bê lên trên cùng. Tschanz lại tìm cách thoát thân, chống cự lại con người ma quái đang say sưa chè chén kia.

“Nhưng viên đạn là của khẩu súng mà người ta tìm thấy trong tay thằng người hầu của Gastmann”, anh ta bướng bỉnh quả quyết, nhưng giọng đã nản.

Cặp mắt đang nheo của Bärlach lóe lên khinh bỉ. “Vớ vẩn, Tschanz, tự cậu cũng biết rõ, khẩu súng thằng người hầu cầm trong tay lúc người ta tìm thấy là của cậu. Chính cậu đã ấn vào tay nó. Chỉ vì phát hiện ra Gastmann là một tên tội phạm nên không ai để ý cái trò khi của cậu”.

“Điều đó thì chẳng bao giờ ông chứng minh được đâu”, Tschanz tuyệt vọng chống đỡ.

Ông Già vườn người trên ghế, lúc này trông ông không còn tàn tạ, ốm yếu, mà thật uy nghi và bình thản, hình ảnh của một uy lực siêu nhiên, một mãnh hổ đang vờn con mồi của mình, và ông uống cạn chỗ sâm banh còn lại. Rồi ông bảo bà phục vụ này giờ ra vào liên tục bưng món pho-mát lên, món đó ông dùng với củ cải đỏ, dưa chuột muối và hành muối. Ông ăn mãi, như thể chỉ còn được tận hưởng một lần nữa, lần cuối cùng, tất cả những gì Trái đất ban cho con người.

“Tschanz, cậu vẫn chưa hiểu”, cuối cùng ông nói, “rằng chính cậu đã chứng minh cho tôi rõ hành động của cậu từ lâu rồi sao? Khẩu súng là của cậu, vì viên đạn trong người con chó của Gastmann bị cậu bắn chết để cứu tôi chắc chắn phải thuộc về khẩu súng đã mang lại cái chết cho Schmied: Đó là khẩu súng của cậu. Chính cậu đã cung cấp những chứng cứ mà tôi cần. Cậu đã tự vạch trần mình lúc cậu cứu sống tôi.”

“Lúc tôi cứu sống ông! Thảo nào tôi không tìm thấy con thú dữ đâu nữa”, Tschanz nói như cái máy.

“Ông biết Gastmann có một con chó dữ hay sao?”

“Phải. Tôi đã quần tay trái vào một tấm khăn.”

“Vậy là lúc đó ông cũng nhử tôi vào bẫy”, kẻ giết người mấp máy không thành tiếng.

“Chính thế, nhưng bằng chứng đầu tiên cậu cung cấp cho tôi là vào hôm thứ Sáu, khi cậu lái xe đưa tôi chạy qua Ins về hướng Ligerz để diễn cái trò hề với chiếc Charon Xanh cho tôi xem. Nhưng hôm thứ Tư, Schmied lại không đi đường đó mà là đường Zollikofen. Tôi biết, vì đêm hôm đó cậu ấy dừng ở xưởng sửa xe tại Lyß.”

“Sao ông biết?”, Tschanz hỏi.

“Rất đơn giản, tôi chỉ gọi điện thoại hỏi. Đêm hôm đó, kẻ chạy đường Ins và Erlach chính là kẻ sát nhân: chính là cậu. Tschanz. Cậu từ

Grindelwald xuống. Nhà trọ Eiger cũng có một chiếc Mercedes màu xanh. Nhiều tuần nay cậu đã quan sát Schmied, đã dõi theo từng bước chân cậu ấy, ghen tức với năng lực, với thành công, với học vấn, với cô người yêu của cậu ấy.

Cậu biết là Schmied quan tâm tới Gastmann, thậm chí cậu còn biết Schmied tới chơi nhà Gastmann vào ngày giờ nào, nhưng cậu không biết lý do vì sao. Rồi ngẫu nhiên cậu xem được tập tài liệu của Schmied để trên bàn. Thế là cậu quyết định đảm nhận vụ này và giết Schmied để nâng lấy thành tích cho bản thân.

Cậu đã tính đúng, cậu nghĩ là sẽ dễ dàng gán cho Gastmann một án mạng. Lúc đến Grindelwald, thấy chiếc Mercedes màu xanh là tôi biết cậu đã hành động như thế nào. Cậu đã thuê chiếc xe đó đêm thứ Tư: Tôi đã xác minh điều đó. Việc còn lại rất đơn giản: Cậu lái xe qua đường Ligerz đến Schernelz và để xe lại trong khu rừng Khe Suối Twann. Rồi cậu vượt rừng theo một lối tắt chỗ Khe Suối, từ đó cậu đến được đường Twann đi Lamboing. Cậu chờ Schmied ở chỗ vách núi, cậu ấy nhận ra cậu và ngạc nhiên đổ lại. Schmied mở cửa xe và sau đó cậu đã giết cậu ấy. Cái đó thì chính cậu đã thuật lại cho tôi nghe rồi. Và bây giờ thì cậu có tất cả những gì cậu muốn: thành tích của Schmied, cương vị của Schmied, chiếc xe của Schmied và người yêu của Schmied."

Tschanz lặng nghe kỳ thủ khắc nghiệt vừa chiếu tướng anh ta xong và bây giờ đang kết thúc bữa ăn khiếp đảm của mình. Nén cháy chập chờn hơn, ánh sáng bập bùng phản chiếu trên gương mặt hai người, những cái bóng trên tường đậm hắt. Chỉ còn sự yên lặng chết người trong cái địa ngục đêm khuya này, những người đàn bà phục vụ không vào phòng nữa.

Bây giờ Ông Già ngồi bất động, dường như không cả thở, nén bập bùng tỏa thêm những quầng sáng mới, như lửa đỏ, khựng lại nơi băng giá của vầng trán và tâm hồn ông.

"Ông đã xỏ mũi tôi", Tschanz chậm chạp nói.

"Tôi đã xỏ mũi cậu", Bärlach trả lời bằng thái độ nghiêm trang kinh hoàng. "Tôi không thể làm khác. Cậu đã giết Schmied của tôi, nên tôi buộc phải dùng đến cậu."

"Để giết Gastmann", Tschanz thêm vào, đột nhiên anh ta hiểu ra toàn bộ sự thật.

"Đúng như cậu vừa nói. Tôi đã dành cả nửa cuộc đời mình để tìm cách vạch mặt Gastmann, và Schmied là hy vọng cuối cùng của tôi. Tôi đã khích

cậu ấy tới chỗ con quỷ đội lốt người đó, khích một sinh vật cao quý lao vào một dã thú. Nhưng rồi cậu xuất hiện, Tschanz, cậu với cái tham vọng lỗ bịch và tội lỗi của cậu, và phá hỏng cơ hội duy nhất của tôi.

Vậy tôi phải dùng cậu, chính cậu, kẻ sát nhân, và biến cậu thành vũ khí khủng khiếp nhất của tôi, bởi động lực của cậu là nỗi tuyệt vọng, kẻ sát nhân nhất định phải đi tìm một kẻ sát nhân khác. Tôi đã biến mục đích của tôi thành của cậu.”

“Thật là địa ngục cho tôi”, Tschanz nói.

“Địa ngục cho cả hai chúng ta”, Ông Già tiếp tục với một vẻ bình thản ghê người. “Việc von Schwendi chen ngang đã đẩy cậu đến nước cùng, kiểu gì cậu cũng phải vạch mặt cho được Gastmann là kẻ giết người, vì chệch khỏi dấu vết nhằm vào Gastmann là có thể dẫn tới dấu vết nhằm vào cậu. Chỉ còn cặp hồ sơ của Schmied là giúp được cậu. Cậu biết tôi giữ nó, nhưng cậu không biết rằng Gastmann đã đến chỗ tôi lấy nó đi rồi. Vì thế, đêm thứ Bảy rạng ngày Chủ nhật cậu đã đột nhập vào nhà tôi. Việc tôi đi Grindelwald cũng khiến cậu không yên lòng.”

“Ông cũng biết kẻ đột nhập vào nhà ông là tôi ư?”, Tschanz nói không thành tiếng.

“Tôi biết ngay từ phút đầu tiên. Tất cả những gì tôi làm đều nhằm mục đích đẩy cậu đến chỗ tuyệt vọng cùng cực. Và khi tuyệt vọng đã lên tới tột độ, đã hết đường, cậu đến Lamboing mong bằng cách nào đó tìm giải pháp quyết định.”

“Nhưng một trong hai tên tay chân của Gastmann nổ súng trước”, Tschanz nói.

“Sáng hôm Chủ nhật tôi đã bảo Gastmann là tôi sẽ phái một người tới giết hẳn.”

Tschanz lão đảo. Anh ta lạnh toát người. “Té ra ông đã khích tôi và Gastmann lao vào nhau như những con thú!”.

“Dã thú chọi dã thú”, câu trả lời từ chỗ chiếc ghế tựa đằng kia vọng lại, phũ phàng.

“Vậy ông là thẩm phán, còn tôi là đao phủ”, anh ta khò khè.

“Đúng như thế”, Ông Già đáp.

“Và tôi, kẻ chỉ thực hiện chủ đích của ông mà thôi, muốn hay không, giờ đây là một kẻ tội phạm, một người bị săn đuổi!”

Tschanz đứng dậy, chống tay phải còn lành lặn lên mặt bàn. Chỉ còn một ngọn nến chưa tàn. Trong bóng tối, Tschanz căng mắt, tìm cách nhận rõ

hình dáng Ông Già nhưng chỉ thấy một bóng đen mờ ảo. Anh ta ngập ngừng, thử phác một động tác về phía túi quần.

“Thôi đi”, anh ta nghe tiếng Ông Già nói. "Chẳng nghĩa lý gì đâu. Lutz biết cậu đang ở chỗ tôi, mà trong nhà còn có đàn bà.”

“Vâng, chẳng nghĩa lý gì”, Tschanz khẽ trả lời.

“Vụ án Schmied thế là xong”, Ông Già nói xuyên qua bóng tối trong phòng. “Tôi sẽ không tiết lộ việc của cậu ra đâu. Nhưng đi đi! Đi đâu thì đi! Tôi không bao giờ muốn nhìn lại mặt cậu nữa! Phán xử một người đã đủ lắm rồi. Đi đi! Đi đi!”

Tschanz cúi đầu và chậm chạp bước ra, lẫn vào bóng đêm. Và khi cửa ngoài đóng lại, rồi sau đó một chút có tiếng xe lăn bánh đi khỏi thì ông Già nhắm mắt lại, ngọn nến phụt tắt, một lần nữa nhuộm ông trong một quầng lửa sáng chói.

CHƯƠNG 21

Bärlach ngồi suốt đêm trên ghế, không đứng dậy, không nhắc người lên. Cái sức sống khổng lồ, tham lam, vừa bùng lên mãnh liệt trong ông lần nữa ấy, giờ đây lại xuống, có nguy cơ tắt hẳn. Ông Già đã liều mạng thử một cuộc chơi nữa, nhưng ông đã nói dối Tschanz ở một điểm; và sáng hôm sau, lúc trời vừa rạng, khi Lutz đâm bổ vào phòng, thắng thốt báo tin là người ta vừa tìm thấy Tschanz nằm chết dưới chiếc xe bị tàu hỏa đâm bẹp của anh ta; ông ta thấy thanh tra Bärlach ốm gần chết, ông Già khó nhọc nhờ báo tin cho bác sĩ Hungertobel rằng hôm nay là thứ Ba, ông đã sẵn sàng lên bàn mổ.

“Chỉ còn một năm nữa”, Lutz nghe tiếng Ông Già đang trân trối nhìn buổi sáng trong vắt qua khung cửa sổ. “Chỉ còn một năm nữa.”

*Dịch từ nguyên bản tiếng Đức Der Richter und sein Henker của
Friedrich Dürrenmatt, Diogenes Verlag AG Zürich, 1985.*

Notes

[[← 1](#)]

Tất cả các địa danh trong tác phẩm này đều là địa danh thật, tập trung tại Bern, một bang của Liên bang Thụy Sĩ. Thành phố Bern là thủ phủ của bang này, đồng thời là thủ đô trong thực tế của Thụy Sĩ. (Tất cả ghi chú trong sách là của người dịch).

[↩2]

Hệ thống cấp bậc cảnh sát trong một bang ở Thụy Sĩ khác nhiều so với hệ thống cấp bậc trong ngành công an tại Việt Nam. Polizeileutnant là cấp sĩ quan hạng trung, có thể tương đương với cấp trung úy tại Việt Nam.

[← 3]

Kommissär là cấp sĩ quan hạng trên trong hệ thống cấp bậc của cảnh sát tại một bang ở Thụy Sĩ, thường là cảnh sát trưởng hoặc chỉ huy một cơ quan điều tra.

[← 4]

Kinh đô Đế chế Ottoman cho đến năm 1923, nay là thành phố Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ.

[↵5]

Năm 1933, khi Đảng Quốc xã thiết lập Đế chế Đức với chế độ độc tài phát-xít.

[← 6]

Năm 1945, khi Thế chiến II kết thúc với sự sụp đổ của Đức Quốc xã.

[↵ 7]

"Toteninsel": Tác phẩm của danh họa Thụy Sĩ Arnold Böcklin (1827-1901).

[← 8]

Friedrich Traffelet (1897-1954): Họa sĩ, từng phục vụ trong quân đội Thụy Sĩ.

[←9]

Trụ sở cảnh sát thành phố Bern trước đây là tòa nhà của Viện Cô nhi.

[← 10]

“Ông Già” (nguyên văn: “Der Alte”): chỉ thanh tra Bärlach.

[← 11]

Thụy Sĩ cho phép bốn ngôn ngữ chính thức: Đức, Pháp, Ý và Romansh. Các bang có quyền tự chọn ngôn ngữ phù hợp với dân cư khu vực của mình.

[← 12]

Nguyên văn: Gymnasium, hệ thống trường tuyển ở bậc phổ thông trung học ở Thụy Sĩ và nhiều nước châu Âu, thường phân theo chuyên khối như tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ, nghệ thuật, thể thao,... Học sinh tốt nghiệp Gymnasium được vào thẳng đại học.

[← 13]

Tiếng Pháp, phiên âm tiếng Việt là sen-đầm hoặc săng-đá, chỉ hiển binh hay cảnh binh trong lịch sử, nay được dùng để chỉ cảnh sát.

[← 14]

Trong tiếng Đức, chữ von trong họ tên chỉ xuất xứ quý tộc, không viết hoa.

[← 15]

Chỉ phong trào ly khai của những người sử dụng tiếng Pháp ở vùng núi Jura, vốn thuộc bang Bern. Sau những xung đột kéo dài trong lịch sử, năm 1979 bang Jura phần lớn dùng tiếng Pháp và theo Công giáo được tách khỏi bang Bern phần lớn dùng tiếng Đức và theo Tin lành.

[← 16]

Nguyên văn: Stammtisch der Helveter, một tổ chức của các cựu sinh viên cổ xúy tinh thần dân tộc ở Thụy Sĩ.

[← 17]

Tiếng Pháp: Không.

[← 18]

Tiếng Pháp: Kẻ giết người. Không phát hiện được gì.

[← 19]

Tiếng Pháp: Schmied không đến nhà Gastmann, không thể.

[← 20]

Tiếng Pháp: Một quý ông rất giàu.

[↩21]

Tiếng Pháp: Rất sang.

[← 22]

Tiếng Pháp: Vợ chưa cưới.

[← 23]

Tiếng Pháp: Như ông hoàng.

[← 24]

Tiếng Pháp: Không bao giờ.

[← 25]

Tiếng Pháp: Triết gia.

[← 26]

Tiếng Pháp: Một con chó rất nguy hiểm.

[← 27]

Từ đoạn này, Bärlach dùng đại từ nhân xưng “du” với Tschanz, trước đó dùng đại từ nhân xưng "sie".

[← 28]

Tên một đảng hư cấu, mang tính giấu cợt, để chỉ một tập hợp hồ lớn gồm đủ thứ khuynh hướng chính trị mà đảng viên tự mệnh danh là những phần tử độc lập.

[← 29]

utz là họ, Lucius là tên của nhân vật này.

[← 30]

Viết tắt của “đốc-tò” (Doktor), tức tiến sĩ, là một cách gọi giỡn.

[↩ 31]

Cơ quan mật vụ khét tiếng của Đức Quốc xã.

[↩ 32]

Oskar là tên, von Schwendi là họ.

[← 33]

Trước Cải cách Tư pháp năm 2011, cơ quan điều tra ở Thụy Sĩ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của các chương lý hay biện lý, tức ngạch thẩm phán buộc tội, khác với các chánh án, tức ngạch thẩm phán xử án. Từ 2011, Thụy Sĩ bỏ mô hình chương lý, theo mô hình công tố như ở nhiều nước châu Âu khác, trong đó cơ quan điều tra chịu sự chỉ đạo của Viện Công tố, gần tương đương với Viện Kiểm sát ở Việt Nam. Trong tác phẩm này, tiến sĩ Lucius Lutz là thẩm phán buộc tội, giữ cương vị chương lý, là cấp trên của thanh tra Bärlach, cảnh sát trưởng thành phố Bern.

[← 34]

Trận đánh huyền thoại ngày 15-11-1315 chống Vương triều Habsburg của Áo, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành ý thức dân tộc trong lịch sử Liên bang Thụy Sĩ.

[← 35]

Họa sĩ, nhà thơ và chính khách (1484-1530), có ảnh hưởng lớn ở Bern trong lịch sử.

[← 36]

Tuy không nêu đích danh, song các chi tiết liên quan cho thấy thế lực nước ngoài được nhắc tới ở đây là Trung Quốc. Thụy Sĩ luôn là một quốc gia trung lập, nhưng ở thời Chiến tranh Lạnh, quan hệ giữa một nước phương Tây với Trung Quốc là một vấn đề nhạy cảm.

[↩37]

Là những cái tên phổ biến ở Thụy Sĩ, ý nói những hạng vô danh.

[← 38]

Thực ra là: Quý sứ đến, quý sứ đến, quý sứ đập toàn dân đau điếng.

[← 39]

Thực ra là: Bà chủ cối xay, chồng thì chết. Bà chủ cối xay, bà thì sống.
Bà chủ cối xay cưới ngay thằng hầu. Bà chủ cối xay, bà thì sống.

[← 40]

Trước khi nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ ra đời, Đế chế Ottoman đã suy yếu và bị nhiều thế lực châu Âu chia cắt và kiểm soát.

[← 41]

Bärlach là họ, Hans là tên.

[← 42]

Hungertobel là họ, Samuel là tên.

[← 43]

Theodor Fontane: Nhà văn Đức (1818-1898).

[← 44]

Walter Lüthi (1901-1982): Mục sư Tin lành giàu ảnh hưởng, những buổi giảng đạo của ông ở Nhà Thờ lớn Münster tại Bern từ 1946 đến 1968 luôn có rất đông người nghe.